

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CĐCĐ ngày /7/2022
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum)

Tên ngành, nghề: CÔNG TÁC XÃ HỘI (SOCIAL WORK).

Mã ngành, nghề: 6760101

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học

Đối tượng tuyển sinh: Người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành, nghề và bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; người có bằng tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT thì phải bảo đảm đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; người có bằng tốt nghiệp cao đẳng có nhu cầu học liên thông để có bằng tốt nghiệp cao đẳng thứ hai.

Thời gian đào tạo: 1,5 năm.

A. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

I. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo liên thông giữa trình độ trung cấp với trình độ cao đẳng ngành, nghề Công tác xã hội được thiết kế để đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe; có kiến thức chuyên môn cơ bản và kỹ năng thực hành nghề Công tác xã hội; có khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp vào công việc; đủ khả năng thực hiện các nhiệm vụ của ngành, nghề Công tác xã hội chuyên nghiệp tại các cơ quan, tổ chức trong các lĩnh vực an sinh xã hội, sức khỏe, giáo dục, y tế, các tổ chức chính trị xã hội và đơn vị hành chính sự nghiệp; đồng thời có khả năng học tập vươn lên, đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội và của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế.

II. Mục tiêu cụ thể

1. Về kiến thức

1.1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2. Trình bày và vận dụng được các kiến thức lý thuyết chuyên môn về công tác xã hội như tư tưởng và quan điểm lý thuyết Công tác xã hội, phương pháp nghiên cứu trong Công tác xã hội,...

1.3. Trình bày và giải thích được kiến thức và kỹ năng thực hành nghề công tác xã hội.

1.5. Khái quát được kiến thức quản lý, điều hành các hoạt động, dịch vụ trợ giúp cá nhân, gia đình, nhóm. Phân tích và phân biệt một cách cơ bản về các cấp độ can thiệp xã hội đối với cá nhân, nhóm, cộng đồng.

1.6. Kết nối được các phương pháp và kỹ năng trong tham vấn để ứng dụng một cách linh hoạt vào thực hành công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm và phát triển cộng đồng.

2. Về kỹ năng

2.1. Sử dụng được các kỹ năng Công tác xã hội cá nhân, nhóm vào việc cung cấp các dịch vụ trợ giúp các cá nhân, gia đình và nhóm để giúp họ tăng cường năng lực tự giải quyết vấn đề và đáp ứng nhu cầu của mình.

2.2. Áp dụng kiến thức, kỹ năng công tác xã hội để chữa trị và phục hồi các chức năng xã hội cho các đối tượng yếu thế.

2.3. Mô tả, phát hiện, tham gia giải quyết những vấn đề xã hội và nâng cao năng lực con người.

2.4. Thiết kế được công cụ thu thập thông tin trong nghiên cứu Công tác xã hội theo phương pháp định lượng (Bảng hỏi/Bảng trưng cầu ý kiến) và thông tin định tính (Xây dựng câu hỏi phỏng vấn, nội dung quan sát). Xử lý được những tình huống khi đi thực tế, thực hành và tập sự nghề trên thực địa.

2.5. Kết nối nguồn lực, quản lý xã hội một cách hài hòa ở cấp độ cá nhân, tổ chức nhằm phòng ngừa các yếu tố nguy cơ về tệ nạn xã hội, lệch lạc xã hội,...

2.6. Áp dụng được các kỹ năng lắng nghe, quan sát, vấn đàm, tham vấn và viết báo cáo, truyền thông nhóm, xử lý xung đột nhóm, khủng hoảng và thương lượng.

2.7. Đánh giá, phát hiện được các vấn đề trong cộng đồng, huy động nguồn lực phát triển cộng đồng, tham gia quản lý và thực hiện các dự án phát triển cộng đồng phục vụ cho phát triển nghề nghiệp.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.1. Hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc, trung thực và có tính kỷ luật cao, tỷ mỉ, chính xác, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao.

3.2. Nhận thức về bản thân, biết lắng nghe, thấu cảm, quản lý cảm xúc. Trách nhiệm, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ hợp lý.

3.3. Tuân thủ các quy điều đạo đức nghề nghiệp của ngành công tác xã hội, hành động theo đúng chuẩn mực nghề nghiệp; thực hiện công bằng xã hội.

3.4. Có ý thức ứng dụng kiến thức chuyên môn để tham gia các hoạt động liên quan đến công tác xã hội trong môi trường trường học và cộng đồng.

III. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của nghề bao gồm:

- Làm việc tại các Trung tâm Bảo trợ xã hội, Trung tâm Giáo dục – phòng chống tệ nạn xã hội.

- Làm việc tại các tổ chức chính trị - xã hội và đoàn thể quần chúng.

- Làm việc tại Ủy ban nhân dân xã, phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Lao động Thương binh và Xã hội,...

- Làm việc tại các trung tâm/tổ chức cung cấp các dịch vụ an sinh xã hội và tham vấn tâm lý, bệnh viện, trường học; các trung tâm/tổ chức tư vấn và điều trị cai nghiện ma túy.

- Nhân viên, trợ lý các dự án phát triển cộng đồng, các tổ chức phi chính phủ (NGO) trong nước và quốc tế hoạt động trong lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, phát triển cộng đồng và phát triển xã hội.

- Cán bộ truyền thông xã hội.

- Giáo viên kỹ năng xã hội.

- Có khả năng tự tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

B. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC

1. Số lượng môn học, mô đun: 22
2. Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 49 tín chỉ
3. Khối lượng các môn học chung: 165 giờ
4. Khối lượng các môn học, mô đun cơ sở và chuyên môn: 990 giờ
5. Khối lượng lý thuyết: 316 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 741 giờ, kiểm tra: 48 giờ.

C. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ kiểm tra
I	Các môn học chung	8	165	31	137	7
64012001	Giáo dục chính trị	2	30	13	15	2
64171002	Pháp luật	1	15	0	14	1
64041001	Giáo dục thể chất	1	30	3	26	1
64041003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	1	30	15	14	1
64271001	Tin học	1	30	0	29	1
64282002	Tiếng Anh	2	30	0	39	1
II.	Các môn học, mô đun chuyên môn	41	990	285	604	41
1	Các môn học/mô đun cơ sở	6	135	45	84	6
64082001	Tâm lý học xã hội	2	45	15	28	2

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ kiểm tra
64272904	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong Công tác xã hội	2	45	15	28	2
64032033	An sinh xã hội	2	45	15	28	2
2	Các môn học, mô đun chuyên môn	33	810	225	492	33
64032078	Công tác xã hội với sức khỏe tâm thần	2	45	13	30	2
64034079	Công tác xã hội cá nhân và nhóm	4	75	41	30	4
64033036	Phát triển cộng đồng	3	60	27	30	3
64033031	Công tác xã hội với người khuyết tật	3	60	30	27	3
64032055	Công tác xã hội với trẻ tự kỷ	2	45	15	28	2
64032041	Công tác xã hội trong trường học	2	45	15	28	2
64032047	Công tác xã hội trong bệnh viện	2	45	15	28	2
64032029	Công tác xã hội với người cao tuổi	2	45	15	28	2
64033038	Tham vấn	3	60	30	27	3
64033049	Thực hành Công tác xã hội I	3	75	12	60	3
64033050	Thực hành Công tác xã hội II	3	75	12	60	3
64034059	Thực tập tại cơ sở	4	180		176	4
3	Các môn học tự chọn (Chọn 1 môn tương đương 2 tín chỉ)	2	45	15	28	2

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ kiểm tra
64012009	Khởi nghiệp xã hội	2	45	15	28	2
64032046	Công tác xã hội với cộng đồng dân tộc thiểu số	2	45	15	28	2
Tổng cộng (I+II)		49	1.155	316	741	48

D. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

I. Các môn học chung thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Giáo dục Chính trị thực hiện theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Giáo dục Chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Pháp luật thực hiện theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Tin học thực hiện theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Giáo dục thể chất thực hiện theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã

hội ban hành chương trình môn học Quốc phòng và An ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Tiếng Anh thực hiện theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTĐBXH ngày 17/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Các môn học chung được xây dựng dựa trên các Thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội theo nguyên tắc kế thừa và tích hợp để giảm tối đa thời gian học lại kiến thức và kỹ năng mà người học đã tích lũy ở các chương trình đào tạo khác; bảo đảm cung cấp đủ kiến thức, kỹ năng mà người học còn thiếu và cập nhật kiến thức, kỹ năng mới của ngành, nghề tương ứng với trình độ đào tạo được ban hành kèm theo Quyết định số 777/QĐ-CĐCĐ ngày 30/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum về việc ban hành chương trình các môn học chung trong chương trình liên thông giữa trình độ trung cấp với trình độ cao đẳng.

II. Thời gian học, xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Thời gian học chính khóa bố trí vào các ngày nghỉ trong tuần hoặc buổi tối.

- Các nội dung và thời gian tổ chức các hoạt động ngoại khóa:

TT	Nội dung	Thời gian
1	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, người học có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần.
2	Tham quan, dã ngoại: Tham quan một số cơ quan, đoàn thể, trung tâm bảo trợ... có liên quan đến ngành học.	Được tổ chức linh hoạt, đảm bảo mỗi năm học 1 lần (nếu thuận lợi).

III. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun

1. Cuối mỗi học kỳ, nhà trường tổ chức một kỳ thi chính thức và một kỳ thi phụ để thi kết thúc môn học; kỳ thi phụ được tổ chức cho người học chưa dự thi kết thúc môn học hoặc có môn học có điểm chưa đạt yêu cầu ở kỳ thi chính; ngoài

ra, có thể tổ chức thi kết thúc môn học vào thời điểm khác cho người học đủ điều kiện dự thi.

2. Hình thức thi kết thúc môn học có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

3. Thời gian làm bài thi kết thúc môn học đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút, thời gian làm bài thi đối với hình thức thi trắc nghiệm từ 45 đến 90 phút; thời gian làm bài thi đối với hình thức thi thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa một hoặc nhiều các hình thức trên có thời gian thực hiện từ 2 -8 giờ/ người học.

4. Khoa chuyên môn có trách nhiệm: Thông báo lịch thi của kỳ thi chính trước kỳ thi ít nhất 04 tuần theo thời gian của tiến độ đào tạo; lịch thi của các kỳ thi phụ phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 01 tuần.

5. Thời gian dành cho ôn thi mỗi môn học được thực hiện trong phạm vi giờ dạy được phân bổ theo chương trình đào tạo.

6. Danh sách người học đủ điều kiện dự thi, không đủ điều kiện dự thi có nêu rõ lý do phải được công bố công khai trước ngày thi môn học ít nhất 05 ngày làm việc.

7. Đối với hình thức thi viết, mỗi phòng thi phải bố trí ít nhất hai nhà giáo coi thi và không bố trí quá 50 người học dự thi; người học dự thi phải được bố trí theo số báo danh.

8. Bảo đảm tất cả những người tham gia kỳ thi phải được phổ biến về quyền hạn, nhiệm vụ, nghĩa vụ của mình trong kỳ thi; tất cả các phiên họp liên quan đến kỳ thi, việc bốc thăm đề thi, bàn giao đề thi, bài thi, điểm thi phải được ghi lại bằng biên bản.

9. Hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn học, mô đun phải được quy định trong chương trình môn học, mô đun.

IV. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 26, 27 Quyết định số 563/QĐ-CĐCĐ ngày 17/5/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum về việc ban hành Quy chế đào tạo, quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp các

ngành, nghề Giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

2. Người học phải học hết chương trình đào tạo liên thông giữa trình độ trung cấp với trình độ cao đẳng ngành, nghề Công tác xã hội và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

3. Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp.

4. Hội đồng xét điều kiện tốt nghiệp đối với người học và đề nghị Hiệu trưởng nhà trường công nhận tốt nghiệp cho người học theo quy định hiện hành.

5. Căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp nhà trường, Hiệu trưởng nhà trường ban hành Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng vừa học vừa làm, ngành, nghề Công tác xã hội.

V. Các chú ý khác:

Về địa điểm đào tạo: được thực hiện tại trường đối với các nội dung lý thuyết, thực hành theo kế hoạch đào tạo. Đối với các môn học chuyên môn ngành, nghề Công tác xã hội nhà trường xây dựng kế hoạch thực hành tại các cơ quan, doanh nghiệp, ủy ban nhân dân xã, phường, thành phố trên địa bàn tỉnh, qua đó giúp người học từng bước tiếp cận với thực tế, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.

HIỆU TRƯỞNG

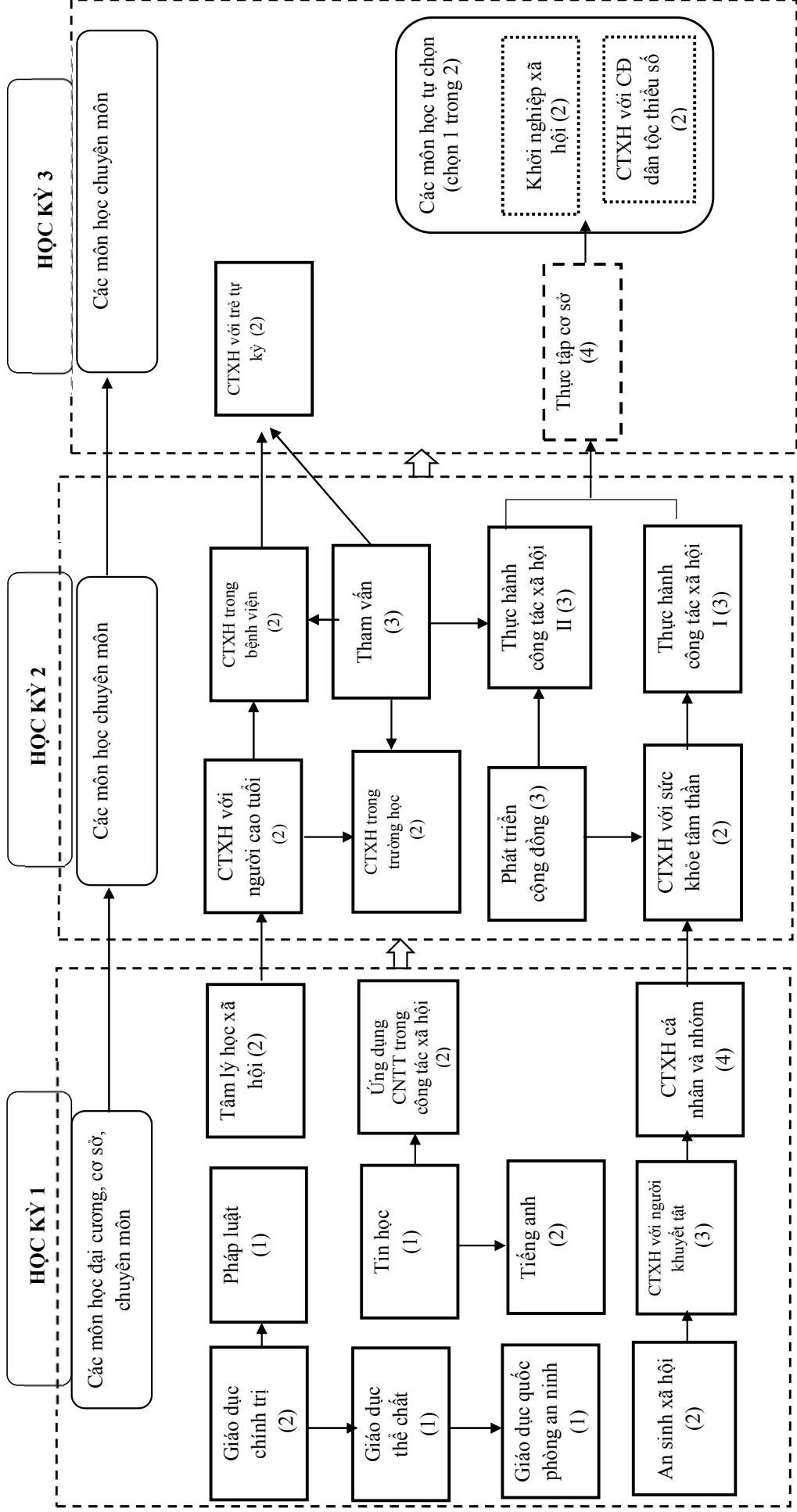


Lê Trí Khải

**SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIỀN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN
TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Tên ngành, nghề: Công tác xã hội (Social work)

Mã ngành, nghề: 6760101



CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tâm lý học xã hội (Social psychology)

Mã môn học: 64082001

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (lý thuyết: 15 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 28 giờ; kiểm tra: 2 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

I. Vị trí

Môn học phải được bố trí học song song với các môn học đại cương. Tâm lý học xã hội là môn học thuộc khối các kiến thức cơ sở, trang bị những kiến thức cơ bản về các hiện tượng tâm lý xã hội, là nền tảng để người học thực hiện tốt các kiến thức, kỹ năng thuộc chuyên ngành Công tác xã hội.

II. Tính chất

Tâm lý học xã hội là môn học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, số giờ lý thuyết và thực hành được phân phối hợp lý. Số giờ thực hành được thể hiện dưới các hình thức bài tập, thảo luận, thực hành nhằm mục đích tăng cường các kiến thức, kỹ năng cho người học trong quá trình học tập.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

I. Về kiến thức

1. Mô tả chính xác các hiện tượng tâm lý xã hội (bản chất, chức năng của các hiện tượng tâm lý xã hội).

2. Giải thích được các quy luật chung chi phối ảnh hưởng đến việc hình thành tâm lý của quần chúng.

3. Xác định chính xác các hiện tượng tâm lý xã hội như: tin đồn, dư luận, bầu không khí tâm lý,

4. Phân tích chính xác các khái niệm thuộc lĩnh vực tâm lý xã hội như: quan hệ liên nhân cách, nhóm lớn, nhóm nhỏ, tập thể, vấn đề nhân cách trong tâm lý xã hội... và những ảnh hưởng tác động của chúng trong thực tiễn.

II. Về kỹ năng

1. Tổ chức thiết lập các mối quan hệ tốt đẹp trong nhóm nhỏ; sử dụng những phương thức tác động phù hợp để hình thành một tập thể vững mạnh.

2. Thực hiện đúng quy trình xây dựng, tạo lập và giữ vững mối quan hệ liên nhân cách, thường xuyên tự rèn luyện học tập để nâng cao uy tín cá nhân.

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Tích cực, chủ động trong quá trình học tập; thường xuyên nâng cao năng lực tự học, tự rèn luyện bản thân.

2. Có ý thức trách nhiệm, nghiêm túc trong quá trình học tập môn học; tương tác tốt với các thành viên trong quá trình làm việc nhóm.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Một số vấn đề chung về Tâm lý học xã hội 1. Bản chất của các hiện tượng tâm lý xã hội 1.1. Các hiện tượng tâm lý xã hội là gì? 1.2. Bản chất và chức năng của các hiện tượng tâm lý xã hội 1.3. Phân biệt các hiện tượng tâm lý xã hội với các hiện tượng xã hội 2. Đối tượng và nhiệm vụ của Tâm lý học xã hội 2.1. Các quan điểm về đối tượng nghiên cứu của Tâm lý học xã hội. 2.2. Đối tượng nghiên cứu của Tâm lý học xã hội. 2.3. Nhiệm vụ nghiên cứu của Tâm lý học xã hội. 3. Các phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học xã hội 3.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu 3.2. Phương pháp quan sát	8	3	5	

	<p>3.3. Điều tra (thăm dò ý kiến)</p> <p>3.4. Phương pháp thực nghiệm</p> <p>3.5. Phương pháp đánh giá của nhóm về cá nhân.</p> <p>4. Các quy luật và cơ chế tâm lý xã hội</p> <p>4.1. Các quy luật tâm lý xã hội</p> <p>4.1.1. Quy luật kế thừa</p> <p>4.1.2. Quy luật về sự quyết định của các điều kiện kinh tế xã hội đối với tâm lý xã hội</p> <p>4.1.3. Quy luật bắt chước</p> <p>4.1.4. Quy luật tác động qua lại giữa con người với con người</p> <p>4.2. Các cơ chế tâm lý xã hội</p> <p>4.2.1. Cơ chế lây lan</p> <p>4.2.2. Cơ chế đồng nhất hóa</p> <p>4.2.3. Cơ chế ám thị</p> <p>4.2.4. Cơ chế thỏa hiệp</p>				
2	<p>Chương 2: Một số vấn đề tâm lý xã hội của nhóm, tập thể</p> <p>1. Nhóm xã hội</p> <p>1.1. Khái niệm nhóm xã hội và phân loại nhóm</p> <p>1.1.1. Khái niệm nhóm</p> <p>1.1.2. Phân loại nhóm</p> <p>1.2. Cấu trúc của nhóm xã hội</p> <p>1.2.1. Cấu trúc chính thức</p> <p>1.2.2. Cấu trúc không chính thức</p> <p>1.2.3. Chuẩn mực nhóm</p> <p>1.3. Một số đặc điểm tâm lý của nhóm lớn</p> <p>1.3.1. Những vấn đề chung về nhóm lớn</p> <p>1.3.2. Đặc điểm tâm lý dân tộc</p> <p>1.3.3. Đặc điểm tâm lý giai cấp</p> <p>1.4. Một số đặc điểm tâm lý của nhóm nhỏ</p> <p>1.4.1. Khái niệm nhóm nhỏ</p> <p>1.4.2. Quy mô nhóm</p> <p>1.4.3. Phân loại nhóm nhỏ</p> <p>2. Tập thể</p> <p>2.1. Tập thể và cấu trúc quan hệ cá nhân trong tập thể</p>	11	4	6	1

	<p>2.1.1. Khái niệm tập thể</p> <p>2.1.2. Cấu trúc quan hệ cá nhân trong tập thể</p> <p>2.1.3. Các giai đoạn phát triển tập thể</p> <p>2.2. Sự cố kết trong tập thể</p> <p>2.2.1. Khái niệm và vai trò của sự cố kết</p> <p>2.2.2. Đoàn kết trong tập thể</p> <p>2.2.3. Tinh thần tập thể</p> <p>2.3. Một số hiện tượng tâm lý xã hội trong đời sống tập thể</p> <p>2.3.1. Thủ lĩnh trong tập thể</p> <p>2.3.2. Sự tương hợp tâm lý trong nhóm</p> <p>2.3.3. Bầu không khí tập thể</p> <p>2.3.4. Dư luận xã hội</p> <p>2.3.5. Xung đột trong nhóm</p>				
3	<p>Chương 3: Ảnh hưởng xã hội, định kiến xã hội và sự xâm kích</p> <p>1. Ảnh hưởng xã hội</p> <p>1.1. Khái niệm ảnh hưởng xã hội</p> <p>1.2. Ảnh hưởng của môi trường văn hóa đến hành vi cá nhân</p> <p>1.3. Ảnh hưởng của nhóm đối với hành vi của cá nhân</p> <p>2. Định kiến xã hội</p> <p>2.1. Khái niệm định kiến xã hội</p> <p>2.2. Nguồn gốc của định kiến xã hội</p> <p>2.3. Điều chỉnh các định kiến xã hội</p> <p>3. Sự xâm kích</p> <p>3.1. Khái niệm xâm kích</p> <p>3.2. Những yếu tố xã hội ảnh hưởng đến hành vi xâm kích</p> <p>3.3. Xâm kích có tổ chức.</p>	13	4	9	
4	<p>Chương 4: Nhân cách và quan hệ liên nhân cách trong Tâm lý học xã hội</p> <p>1. Nhân cách trong tâm lý học xã hội</p> <p>1.1. Khái niệm nhân cách</p> <p>1.2. Cấu trúc của nhân cách</p> <p>1.2.1. Cái tôi</p> <p>1.2.2. Vai trò xã hội của cá nhân</p> <p>1.3. Các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách</p>	13	4	8	1

1.3.1. Ảnh hưởng của yếu tố sinh học 1.3.2. Ảnh hưởng của môi trường 1.3.3. Giáo dục và nhân cách 1.3.4. Ảnh hưởng của hoạt động cá nhân 1.4. Sự suy thoái nhân cách 1.4.1. Suy thoái nhân cách là gì 1.4.2. Các mức độ suy thoái nhân cách 1.4.3. Các nguyên nhân suy thoái nhân cách 1.5. Kiểu nhân cách xã hội 1.5.1. Khái niệm kiểu nhân cách 1.5.2. Sự khác nhau giữa hai khái niệm nhân cách và kiểu nhân cách 1.5.3. Phân biệt kiểu nhân cách xã hội và nhân vật điển hình của nghệ thuật 2. Quan hệ liên nhân cách 2.1. Khái niệm quan hệ liên nhân cách 2.1.1. Khái niệm, vai trò và bản chất của quan hệ liên nhân cách 2.2. Quan hệ xã hội 2.3. Quan hệ giữa quan hệ xã hội và quan hệ liên nhân cách 2.4. Các yếu tố chi phối quan hệ liên nhân cách 2.4.1. Giao tiếp trong hệ thống quan hệ liên nhân cách 2.4.2. Những yếu tố tâm lý xã hội					
Cộng	45	15	28	2	

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TÂM LÝ HỌC XÃ HỘI (1) (Thời gian: 8 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả chính xác bản chất, chức năng của tâm lý xã hội; phân biệt được đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý xã hội so với tâm lý học đại cương; phân tích đúng và đầy đủ ý nghĩa của môn học đối với nghề nghiệp trong tương lai; xác định chính xác nội dung của các quy luật và cơ chế tâm lý xã hội.

2. Vận dụng các kiến thức của tâm lý xã hội để giải thích một số các hiện tượng tâm lý đơn giản trong đời sống xã hội; thực hiện chính xác các phương pháp nghiên cứu để nhìn nhận, đánh giá các hiện tượng tâm lý xã hội trong đời sống.

3. Tích cực tự học, tự nghiên cứu tài liệu học tập; có thái độ trân trọng môn học trong quá trình học tập đồng thời có ý thức để vận dụng các kiến thức của tâm lý xã hội vào ngành, nghề công tác xã hội.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Bản chất của các hiện tượng tâm lý xã hội

1.1. Các hiện tượng tâm lý xã hội là gì?

1.2. Bản chất và chức năng của các hiện tượng tâm lý xã hội

1.2.1. Bản chất của các hiện tượng tâm lý xã hội

1.2.2. Chức năng của các hiện tượng tâm lý xã hội

1.3. Phân biệt các hiện tượng tâm lý xã hội với các hiện tượng xã hội

2. Đối tượng và nhiệm vụ của tâm lý học xã hội

2.1. Các quan điểm về đối tượng nghiên cứu của Tâm lý học xã hội

2.2. Đối tượng nghiên cứu của Tâm lý học xã hội

2.3. Nhiệm vụ nghiên cứu của Tâm lý học xã hội

3. Các phương pháp nghiên cứu của tâm lý học xã hội

3.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu

3.2. Phương pháp quan sát

3.3. Điều tra (thăm dò ý kiến)

3.4. Phương pháp thực nghiệm

3.5. Phương pháp đánh giá của nhóm về cá nhân

4. Các quy luật và cơ chế tâm lý xã hội

4.1. Các quy luật tâm lý xã hội

4.1.1. Quy luật kế thừa

4.1.2. Quy luật về sự quyết định của các điều kiện kinh tế xã hội đối với tâm lý xã hội

4.1.3. *Quy luật bắt chước*

4.1.4. *Quy luật tác động qua lại giữa con người với con người*

4.2. Các cơ chế tâm lý xã hội

4.2.1. *Cơ chế lây lan*

4.2.2. *Cơ chế đồng nhất hóa*

4.2.3. *Cơ chế ám thị*

4.2.4. *Cơ chế thỏa hiệp*

CHƯƠNG 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ TÂM LÝ CỦA NHÓM, TẬP THỂ (1, 2) (Thời gian: 11 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả và phân biệt khái niệm nhóm và tập thể. Phân tích chính xác đặc điểm cơ bản về tâm lý dân tộc, tâm lý giai cấp và tâm lý của một số nhóm lớn khác trong xã hội.

2. Vận dụng thành thạo kiến thức về tâm lý dân tộc, giai cấp cũng như các nhóm lớn khác trong đời sống xã hội để rút ra các kết luận phục vụ cho nghề nghiệp; liên hệ và xác định chính xác các đặc điểm của tâm lý dân tộc, tâm lý giai cấp.

3. Có lòng tự hào, tôn vinh các đặc điểm tâm lý tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Tích cực gìn giữ và phát huy những nét đẹp truyền thống của dân tộc. Linh hoạt, mềm dẻo trong ứng xử, tiếp xúc đối với các tầng lớp, giai cấp khác nhau trong quá trình công tác sau này.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Nhóm xã hội

1.1. Khái niệm nhóm xã hội và phân loại nhóm

1.1.1. Khái niệm nhóm

1.1.2. Phân loại nhóm

1.2. Cấu trúc của nhóm xã hội

1.2.1. Cấu trúc chính thức

1.2.2. Cấu trúc không chính thức

1.2.3. *Chuẩn mực nhóm*

1.3. Một số đặc điểm tâm lý của nhóm lớn

1.3.1. *Những vấn đề chung về nhóm lớn*

1.3.2. *Đặc điểm tâm lý dân tộc*

1.3.3. *Đặc điểm tâm lý giai cấp*

1.4. Một số đặc điểm của nhóm nhỏ

1.4.1. *Khái niệm nhóm nhỏ*

1.4.2. *Quy mô nhóm*

1.4.3. *Phân loại nhóm nhỏ*

2. Tập thể

2.1. Tập thể và cấu trúc quan hệ cá nhân trong tập thể

2.1.1. *Khái niệm tập thể*

2.1.2. *Cấu trúc quan hệ cá nhân trong tập thể*

2.1.3. *Các giai đoạn phát triển tập thể*

2.2. Sự cố kết trong tập thể

2.2.1. *Khái niệm và vai trò của sự cố kết*

2.2.2. *Đoàn kết trong tập thể*

2.2.3. *Tinh thần tập thể*

2.3. Một số hiện tượng tâm lý xã hội cơ bản trong đời sống tập thể

2.3.1. *Thủ lĩnh trong tập thể*

2.3.2. *Sự tương hợp tâm lý trong nhóm*

2.3.3. *Bầu không khí tập thể*

2.3.4. *Dư luận xã hội*

2.3.5. *Xung đột trong nhóm*

CHƯƠNG 3: ẢNH HƯỞNG XÃ HỘI, ĐỊNH KIẾN XÃ HỘI VÀ SỰ XÂM KÍCH (1-4)

(Thời gian: 13 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả đúng khái niệm ảnh hưởng xã hội, định kiến xã hội. Phân tích chính xác ảnh hưởng của môi trường văn hóa, định kiến xã hội đến hành vi cá nhân; xác định được những yếu tố xã hội ảnh hưởng đến hành vi xâm kích trong giai đoạn hiện nay.

2. Vận dụng thành thạo kiến thức về môi trường văn hóa, định kiến xã hội để áp dụng, phục vụ cho ngành, nghề Công tác xã hội; liên hệ và xác định chính xác vai trò của môi trường văn hóa, định kiến xã hội, sự xâm kích.

3. Tích cực tự học, tự nghiên cứu tài liệu; thường xuyên học hỏi, bổ sung kinh nghiệm thực tiễn thông qua các hoạt động nhóm, hoạt động tình huống. Thể hiện rõ thái độ của cá nhân đối với những định kiến xã hội, sự xâm kích xã hội mang xu hướng tiêu cực.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Ảnh hưởng xã hội

1.1. Khái niệm ảnh hưởng xã hội

1.2. Ảnh hưởng của môi trường văn hóa đến hành vi cá nhân

1.3. Ảnh hưởng của nhóm đối với hành vi của cá nhân

2. Định kiến xã hội

2.1. Khái niệm định kiến xã hội

2.2. Nguồn gốc của định kiến xã hội

2.3. Điều chỉnh các định kiến xã hội

3. Sự xâm kích

3.1. Khái niệm xâm kích

3.2. Những yếu tố xã hội ảnh hưởng đến hành vi xâm kích

3.3. Xâm kích có tổ chức

CHƯƠNG 4: NHÂN CÁCH VÀ QUAN HỆ LIÊN NHÂN TRONG TÂM LÝ HỌC XÃ HỘI (2, 4, 5) (Thời gian: 13 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả và phân tích chính xác quan hệ liên nhân cách, quan hệ xã hội, quan hệ cá nhân; phân tích được quan hệ liên nhân cách trong quan hệ xã hội và quan hệ cá nhân.

2. Xây dựng các mối quan hệ liên nhân cách phù hợp với hoạt động nghề nghiệp của cá nhân; thực hiện thành thạo kỹ năng thể hiện giá trị của bản thân trong các mối quan hệ xã hội.

3. Tích cực, chủ động trong việc tạo lập các mối quan hệ liên nhân cách tốt đẹp trong cuộc sống; có tinh thần trách nhiệm cao, thái độ nghiêm túc khi tham gia và thực hiện các mối quan hệ xã hội trong quá trình giao tiếp và hoạt động.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Nhân cách trong tâm lý học xã hội

1.1. Khái niệm nhân cách trong Tâm lý học xã hội

1.2. Cấu trúc của nhân cách

1.2.1. Cái tôi

1.2.2. Vai trò xã hội của cá nhân

1.3. Các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách

1.3.1. Ảnh hưởng của yếu tố sinh học

1.3.2. Ảnh hưởng của môi trường

1.3.3. Giáo dục và nhân cách

1.3.4. Ảnh hưởng của hoạt động cá nhân

1.4. Sự suy thoái nhân cách

1.4.1. Suy thoái nhân cách là gì

1.4.2. Các mức độ suy thoái nhân cách

1.4.3. Các nguyên nhân suy thoái nhân cách

1.5. Kiểu nhân cách xã hội

1.5.1. Khái niệm kiểu nhân cách

1.5.2. Sự khác nhau giữa hai khái niệm nhân cách và kiểu nhân cách

1.5.3. Phân biệt kiểu nhân cách xã hội và nhân vật điển hình của nghệ thuật

2. Quan hệ liên nhân cách

2.1. Khái niệm quan hệ liên nhân cách

2.1.1. *Khái niệm quan hệ liên nhân cách*

2.1.2. *Vai trò của quan hệ liên nhân cách*

2.1.3. *Bản chất của quan hệ liên nhân cách*

2.2. Quan hệ xã hội

2.3. Quan hệ giữa quan hệ xã hội và quan hệ liên nhân cách

2.4. Các yếu tố chi phối quan hệ liên nhân cách

2.4.1. *Giao tiếp trong hệ thống quan hệ liên nhân cách*

2.4.2. *Những yếu tố tâm lý xã hội*

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng

Phòng học đảm bảo rộng rãi, có không gian để tổ chức các hoạt động nhóm, hoạt động tình huống, hoạt động trải nghiệm.

II. Trang thiết bị máy móc

Máy chiếu (Projector), Máy tính xách tay

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Học liệu: Giáo trình: Tâm lý học xã hội. Trần Quốc Thành, Nguyễn Đức Sơn. Hà Nội: 2018.

- Dụng cụ, nguyên vật liệu: giấy A0, A4, bút viết, giấy màu, kéo, video, hình ảnh, tài liệu phát tay, phương tiện dạy học khác.

IV. Các điều kiện khác

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

Mô tả được bản chất, chức năng của tâm lý học xã hội; đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học xã hội; phân tích được những ảnh hưởng của môi trường văn hóa, định kiến xã hội đến hành vi cá nhân. Mô tả được những yếu tố xã hội ảnh

hướng đến hành vi xâm kích trong giai đoạn hiện nay, quan hệ liên nhân cách, quan hệ xã hội, quan hệ cá nhân.

2. Kỹ năng

Chú trọng các kỹ năng phân tích, tổng hợp các vấn đề; kỹ năng vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề thực tiễn như: kỹ năng xây dựng các mối quan hệ liên nhân cách tốt đẹp cho cá nhân trong quan hệ xã hội và quan hệ cá nhân; kỹ năng thể hiện khả năng bản thân một cách đúng đắn trong các mối quan hệ xã hội.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học cần vận dụng linh hoạt các kinh nghiệm cá nhân vào giải quyết các bài tập theo yêu cầu của giảng viên; chủ động rèn luyện bản thân hình thành những năng lực phù hợp với nghiệp vụ ngành Công tác xã hội.

II. Phương pháp

- Kiểm tra thường xuyên: 01 bài; thời gian: 30 phút; hình thức: thông qua bài tập thực hành nhóm.

- Kiểm tra định kỳ: 01 bài; thời gian: 45 phút; hình thức: tự luận.

- Thi kết thúc môn học: tự luận, thời gian: 60 phút.

- Đánh giá năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá qua việc chấp hành học tập môn học và tính tự giác, cẩn thận, nghiêm túc, tích cực tham gia các buổi học, thảo luận nhóm,... Nội dung này được nhà giáo quan sát, theo dõi và đánh giá trong suốt quá trình giảng dạy.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình chi tiết môn học Tâm lý học xã hội được xây dựng cho chương trình liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng ngành, nghề Công tác xã hội.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

Trong quá trình giảng dạy, nhà giáo cần quan tâm phát huy kinh nghiệm của người học trong quá trình lên lớp; chú trọng đầu tư tổ chức tốt các tiết thảo luận cả về nội dung lẫn hình thức.

2. Đối với người học

Cần có tập giáo trình “Tâm lý học xã hội” để làm nguồn tài liệu chính; tham khảo thêm các tài liệu khác trên mạng và ở thư viện theo giới thiệu của nhà giáo giảng dạy. Tích cực tham gia các hoạt động học và hoạt động nhóm tại lớp.

III. Những trọng tâm cần chú ý

Khi học tập môn học này người học cần chú ý các vấn đề trọng tâm sau:

- Phân biệt được đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý xã hội so với tâm lý học đại cương, nhận thức đúng và đầy đủ ý nghĩa của môn học đối với ngành, nghề Công tác xã hội. Mô tả chính xác các nội dung của các quy luật và cơ chế tâm lý xã hội.

- Vấn đề quan hệ liên nhân cách trong Tâm lý học xã hội.

- Những hiện tượng tâm lý nổi bật của nhóm nhỏ, nhóm lớn, đặc biệt chú trọng liên hệ với bản thân, tập thể lớp học với những vấn đề lý thuyết được nghiên cứu.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Trần Quốc Thành, Nguyễn Đức Sơn. Tâm lý học xã hội. Đại học sư phạm: Hà Nội.

2. Vũ Dũng. Tâm lý học xã hội với quản lý. NXB Chính trị quốc gia: Hà Nội; 2000.

3. Vũ Dũng. Cơ sở tâm lý học của ê kíp lãnh đạo. NXB Khoa học xã hội: Hà Nội; 2005.

4. C. George Boeree (Nguyễn Hồng Trang dịch). Tâm lý học xã hội: Nhà xuất bản Sự thật; 2015.

5. Nguyễn Đình Chính, Phạm Ngọc Uyển. Tâm lý học xã hội: Hà Nội; 2008.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Ứng dụng công nghệ thông tin trong chuyên ngành Công tác xã hội (IT application in community service)

Mã môn học: 61272904

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (lý thuyết: 15 giờ; thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 28 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

I. Vị trí: Là môn học bổ trợ trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội. Được bố trí học sau môn học Tin học hoặc người học đã có chứng chỉ công nghệ thông tin ứng dụng cơ bản.

II. Tính chất: Môn học Ứng dụng công nghệ thông tin trong Công tác xã hội là môn học tích hợp lý thuyết và thực hành. Thông qua môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng cần thiết để thực hiện tốt các ứng dụng công nghệ thông tin vào trong ngành công tác xã hội.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

I. Kiến thức

1. Trình bày được cách để tổ chức các cuộc họp trực tuyến trên các phần mềm Google Meet, Zoom,...
2. Trình bày được các chức năng của ứng dụng Google như google docs, google sheets, google form,...
3. Trình bày được cách thiết kế một bài trình chiếu, các chức năng nâng cao để tạo một bài trình chiếu.
4. Mô tả được chức năng của phần mềm Camtasia để biên tập phim bằng hình ảnh, video.
5. Nhận diện được các công cụ xử lý phim ảnh.

II. Kỹ năng

1. Sử dụng thành thạo các phần mềm Google Meet, Zoom để tổ chức họp trực tuyến.

2. Sử dụng thành thạo các chức năng trên Google để xây dựng các phiếu khảo sát trực tuyến.

3. Tìm kiếm được thông tin cần tìm trên Internet và tải được một số chương trình.

4. Xây dựng được bài trình diễn sinh động theo yêu cầu bằng phần mềm PowerPoint.

6. Sử dụng được phần mềm Camtasia để biên tập phim bằng hình ảnh, video để tạo các đoạn phim.

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Mong muốn tạo ra các sản phẩm hoàn chỉnh: bài báo cáo, các đoạn phim, câu chuyện bằng ảnh động bằng các phần mềm được học.

2. Tinh thần hợp tác, đoàn kết, học hỏi trong nhóm, trong lớp.

3. Thực hiện nghiêm túc, tích cực, rèn luyện tính bao quát, tổng hợp, phân tích, cẩn thận, chính xác và linh hoạt trong học tập.

4. Chủ động tìm kiếm các nguồn tài liệu liên quan đến môn học.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác xã hội (1)	12	4	8	0
	1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác xã hội				

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	2. Sử dụng các ứng dụng của Google 3. Sử dụng phần mềm Zoom				
2	Chương 2: Tạo trình diễn với Microsoft Powerpoint (1) 1. Một số kỹ thuật thiết kế bài trình diễn trên Microsoft PowerPoint 2. Thiết lập các hiệu ứng trên Microsoft PowerPoint 3. Sử dụng kỹ thuật Trigger 4. Tạo liên kết trên Microsoft PowerPoint 5. Tạo Slide Master trên Microsoft PowerPoint	14	4	9	1
	6. Thiết kế một bài báo cáo về công tác xã hội bằng Microsoft PowerPoint Kiểm tra				
3	Chương 3: Sử dụng phần mềm Camtasia để biên tập phim bằng hình ảnh, video (1) 1. Xây dựng câu chuyện bằng hình ảnh, video 2. Giới thiệu các phần mềm biên tập phim bằng hình ảnh, video	19	7	11	1

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	3. Sử dụng phần mềm Camtasia để biên tập phim.				
	Kiểm tra				
	Tổng cộng	45	15	28	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI (Thời gian: 12 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được các ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác xã hội; trình bày được cách để tổ chức các cuộc họp trực tuyến trên các phần mềm Google Meet, Zoom,...; các chức năng của ứng dụng Google như google docs, google sheets, google form,...

2. Sử dụng thành thạo các phần mềm Google Meet, Zoom để tổ chức họp trực tuyến; các chức năng trên Google để xây dựng các phiếu khảo sát trực tuyến; tìm kiếm được thông tin trên Internet và tải được một số chương trình.

3. Tinh thần hợp tác, đoàn kết, học hỏi trong nhóm, trong lớp; nghiêm túc, tỉ mỉ trong học tập, rèn luyện tính cẩn thận. Chủ động trong tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác xã hội

2. Sử dụng các ứng dụng của Google

2.1. Sử dụng phần mềm Google Meet

2.2. Sử dụng google drive và tạo nhóm trên gmail

2.3. Sử dụng google docs, google sheets và google forms

3. Sử dụng phần mềm Zoom

CHƯƠNG 2: TẠO TRÌNH DIỄN VỚI MICROSOFT POWERPOINT (Thời gian: 14 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được cách thiết kế một bài trình chiếu, các chức năng nâng cao để tạo một bài trình chiếu.
2. Sử dụng thành thạo các thao tác trên PowerPoint; xây dựng được bài trình diễn sinh động theo yêu cầu bằng phần mềm PowerPoint.
3. Mong muốn tạo ra sản phẩm báo cáo hoàn chỉnh bằng phần mềm PowerPoint; tinh thần hợp tác, đoàn kết, học hỏi trong lớp; nghiêm túc, tỉ mỉ trong học tập, rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, khoa học, sáng tạo và đảm bảo an toàn lao động trong thực hành.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Một số kỹ thuật thiết kế bài trình diễn trên Microsoft PowerPoint
2. Thiết lập các hiệu ứng trên Microsoft PowerPoint
 - 2.1. Thiết lập hiệu ứng cho Slide
 - 2.2. Thiết lập hiệu ứng cho các đối tượng
3. Sử dụng kỹ thuật Trigger
4. Tạo liên kết trên Microsoft PowerPoint
5. Tạo Slide Master trên Microsoft PowerPoint
6. Thiết kế một bài báo cáo về công tác xã hội bằng Microsoft PowerPoint

Kiểm tra

CHƯƠNG 3: SỬ DỤNG PHẦN MỀM CAMTASIA ĐỂ BIÊN TẬP PHIM BẰNG HÌNH ẢNH, VIDEO (Thời gian: 19 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Phân tích được một số phần mềm ứng dụng biên tập phim bằng hình ảnh, video để hỗ trợ trong công tác xã hội.

2. Sử dụng được phần mềm Camtasia để biên tập phim bằng hình ảnh, video.

3. Mong muốn tạo ra các sản phẩm hoàn chỉnh: bài báo cáo, các đoạn phim, câu chuyện bằng hình ảnh động, video, âm thanh bằng các phần mềm được học; tinh thần hợp tác, đoàn kết, học hỏi trong lớp; nghiêm túc, tỉ mỉ trong học tập, rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, khoa học, sáng tạo trong quá trình khai thác, sử dụng phần mềm và đảm bảo an toàn lao động trong thực hành. Chủ động trong thực hành và nghiên cứu tài liệu.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Xây dựng câu chuyện bằng hình ảnh, video

2. Giới thiệu các phần mềm biên tập phim bằng hình ảnh, video

3. Sử dụng phần mềm Camtasia để biên tập phim.

3.1. Quy trình biên tập một phim bằng hình ảnh, video

3.2. Giới thiệu các thành phần trên Camtasia

3.3. Biên tập phim

Kiểm tra

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng

Phòng thực hành máy tính sử dụng hệ điều hành Windows 10 trở lên, các phần mềm ứng dụng trên Google, Microsoft PowerPoint, Camtasia, các máy có kết nối internet tốc độ cao.

II. Trang thiết bị máy móc

Máy tính có cấu hình cao, máy chiếu,...

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giáo trình, giáo án và các loại dụng cụ theo từng nội dung thực hành.

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Trình bày được các phần mềm ứng dụng trên Google và Zoom,....

- Mô tả, trình bày được một số chức năng nâng cao trong Microsoft Powerpoint.

- Mô tả được chức năng của các phần mềm ứng dụng để biên tập phim bằng hình ảnh, video.

2. Kỹ năng

- Sử dụng thành thạo các phần mềm Google và Zoom để xây các phiếu khảo sát, tổ chức họp trực tuyến.

- Xây dựng được bài trình diễn sinh động theo yêu cầu bằng phần mềm Power Point.

- Sử dụng được phần mềm Camtasia để biên tập phim bằng hình ảnh, video để tạo các đoạn phim.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Mong muốn tạo ra các sản phẩm hoàn chỉnh: bài báo cáo, các đoạn phim, câu chuyện bằng ảnh động bằng các phần mềm được học.

- Tinh thần hợp tác, đoàn kết, học hỏi trong nhóm, trong lớp.

- Thực hiện nghiêm túc, tích cực, rèn luyện tính bao quát, tổng hợp, phân tích, cẩn thận, chính xác và linh hoạt trong học tập.

- Chủ động tìm kiếm các nguồn tài liệu liên quan đến môn học.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên

- 1 bài kiểm tra thường xuyên (hệ số 1); hình thức: Lý thuyết hoặc trắc nghiệm; thời gian kiểm tra: 15 - 30 phút.

- 2 bài kiểm tra định kỳ (hệ số 2); hình thức: Thực hành hoặc trắc nghiệm; thời gian kiểm tra: 40 - 60 phút.

2. Thi kết thúc môn học

Hình thức: Thực hành hoặc trắc nghiệm; thời gian: 40-90 phút.

3. Đánh giá năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Người học tham dự ít nhất 80% thời gian học các bài lý thuyết, thực hành, thảo luận, bài tập. Người học không đủ điều kiện này phải học lại theo đúng kế hoạch của nhà trường.

- Nhà giáo được phân công giảng dạy có trách nhiệm tổng hợp kết quả kiểm tra; tiến hành đánh giá kết quả môn học gửi về khoa quản lý người học để tổng hợp điểm.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình môn học Ứng dụng công nghệ thông tin trong chuyên ngành công tác xã hội được sử dụng để đào tạo liên thông từ trình trung cấp lên trình độ cao đẳng dành cho ngành, nghề Công tác xã hội và làm tài liệu tham khảo cho các ngành, nghề khác.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

- Nhà giáo giảng dạy lý thuyết kết hợp với thực hành trên phòng máy.

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan như: máy chiếu, phim demo,... trong giảng dạy để người học tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo đúng quy trình hướng dẫn kỹ năng.

2. Đối với người học

- Lắng nghe, quan sát, tích cực trong học tập, chuẩn bị các tài liệu cần thiết do nhà giáo cung cấp và các tài liệu từ các nguồn khác trên internet.

- Chuẩn bị đầy đủ các bảng quy trình trước khi thực hành và thực hiện các thao tác đúng trong quy trình.

- Thực hiện đúng quy định về đảm bảo an toàn lao động.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Trình bày được các ứng dụng trên Google, thao tác cơ bản trên Powerpoint và phần mềm Camtasia.

- Sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng trên Google và Powerpoint.

- Biên tập phim bằng hình ảnh, video trên phần mềm Camtasia.

IV. Tài liệu cần tham khảo

1. Nguyễn Văn Hào, Trần Thị Ngọc Hà. Giáo trình Ứng dụng công nghệ thông tin trong Công tác xã hội: Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum; 2021.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: An sinh xã hội (Social Security)

Mã môn học: 64032033

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (lý thuyết: 15 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 28 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

I. Vị trí:

An sinh xã hội, là môn học thuộc khối các môn chuyên môn trong chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng ngành, nghề Công tác xã hội. Môn học được bố trí học kỳ II năm thứ 1.

II. Tính chất:

An sinh xã hội, là môn học bắt buộc quan trọng của chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội; môn học kết hợp giữa lý thuyết, thảo luận và thực hành.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

I. Về kiến thức

1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về an sinh xã hội, lịch sử hình thành an sinh xã hội; quỹ dự phòng và chương trình xóa đói giảm nghèo;
2. Trình bày được trợ giúp xã hội; phân tích các chức năng trợ giúp xã hội;
3. Mô tả và phân tích được bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thương mại và các dịch vụ hỗ trợ an sinh xã hội; phân tích được vai trò quản lý nhà nước về an sinh xã hội.

II. Về kỹ năng

1. Thực hiện thành thạo các kỹ năng về thu thập và xử lý thông tin, đánh giá các được hệ thống an sinh xã hội Việt Nam hiện nay, có kỹ năng hướng dẫn cho đối tượng có hoàn cảnh khó khăn thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội.

2. Thực hiện được một số kỹ năng: giao tiếp, hợp tác; kỹ năng chia sẻ, kỹ năng vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

3. Thực hiện thành thạo tác phong làm việc khoa học: làm việc cá nhân và làm việc nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến nội dung môn học.

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Nghiêm túc học tập; có ý thức vận dụng các chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội.

2. Có năng lực tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Tổng quan về An sinh xã hội 1. Vấn đề xã hội và vai trò của an sinh xã hội 2. Các khái niệm và cơ sở khoa học của an sinh xã hội 3. An sinh xã hội và nghề công tác xã hội 4. Diễn biến ngành an sinh xã hội	7	2	5	.
2	Chương 2: Quỹ dự phòng và chương trình xóa đói giảm nghèo 1. Quỹ dự phòng 1.1. Lý do thiết lập Quỹ dự phòng	9	3	6	

	<p>1.2. Đặc điểm Quỹ dự phòng</p> <p>1.3. Nguồn hình thành và mục đích sử dụng quỹ dự phòng</p> <p>2. Chương trình xóa đói giảm nghèo</p> <p>2.1. Xóa đói giảm nghèo với An sinh xã hội</p> <p>2.2. Nội dung chương trình xóa đói giảm nghèo</p> <p>2.3. Nguồn tài chính xóa đói giảm nghèo</p> <p>Kiểm tra</p>				
3	<p>Chương 3: Trợ giúp xã hội</p> <p>1. Một số vấn đề chung về trợ giúp xã hội</p> <p>1.1. Khái niệm trợ giúp xã hội</p> <p>1.2. Chức năng của trợ giúp xã hội</p> <p>2. Sự hình thành trợ giúp xã hội</p> <p>2.1. Sự hình thành trợ giúp xã hội trên thế giới</p> <p>2.2. Sự hình thành trợ giúp xã hội ở Việt Nam</p>	9	3	5	1
4	<p>Chương 4: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thương mại và các dịch vụ hỗ trợ an sinh xã hội</p> <p>1. Bảo hiểm xã hội</p> <p>1.1. Sự ra đời và phát triển của Bảo hiểm xã hội</p> <p>1.2. Các chế độ bảo hiểm xã hội hiện hành</p> <p>1.3. Quỹ bảo hiểm xã hội ở Việt Nam</p> <p>2. Bảo hiểm thương mại</p> <p>2.1. Khái quát chung về bảo hiểm thương mại</p> <p>2.2. Bảo hiểm thương mại trong cơ chế quản lý rủi ro của xã hội</p>	10	3	7	

	<p>2.3. Vai trò của Bảo hiểm thương mại trong hệ thống an sinh xã hội</p> <p>2.4. Những nghiệp vụ Bảo hiểm thương mại chủ yếu</p> <p>3. Các dịch vụ an sinh xã hội.</p>				
5	<p>Chương 5: Quản lý nhà nước về an sinh xã hội</p> <p>1. Sự cần thiết quản lý của nhà nước về an sinh xã hội</p> <p>2. Nguyên tắc và cơ sở quản lý nhà nước về an sinh xã hội</p> <p>2.1. Nguyên tắc của quản lý Nhà nước về an sinh xã hội</p> <p>2.2. Cơ sở quản lý Nhà nước về an sinh xã hội</p> <p>3. Nội dung cơ bản cấu quản lý nhà nước về an sinh xã hội</p> <p>3.1. Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển an sinh xã hội</p> <p>3.2. Hoạch định hệ thống các chính sách an sinh xã hội</p> <p>3.3. Ban hành văn bản pháp quy</p> <p>3.4. Tổ chức bộ máy, hướng dẫn, giám sát, thanh tra và kiểm tra việc thực hiện chính sách an sinh xã hội</p> <p>4. Cơ quan quản lý nhà nước về an sinh xã hội.</p>	10	4	5	1
	Cộng	45	15	28	2

NỘI DUNG CHI TIẾT
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ AN SINH XÃ HỘI
(Thời gian: 7 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm an sinh xã hội, cơ sở khoa học của an sinh xã hội; vai trò và mối liên hệ giữa an sinh xã hội và công tác xã hội; diễn biến về an sinh xã hội ở Việt Nam và trên thế giới.

2. Vai trò và trách nhiệm của nhân viên công tác xã hội trong thực tiễn; tìm kiếm, xử lý, phân tích và vận dụng thông tin về phương pháp, phương tiện, những kiến thức liên quan đến các vấn đề nảy sinh trong đời sống; có ý thức cập nhật các chính sách an sinh xã hội trong từng giai đoạn phát triển của xã hội.

3. Tích cực, chủ động phát huy vai trò, trách nhiệm của bản thân trong hệ thống an sinh xã hội, có ý thức cập nhật các chính sách an sinh xã hội trong từng giai đoạn phát triển của xã hội.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Vấn đề xã hội và vai trò của an sinh xã hội (1-3)

2. Các khái niệm và cơ sở khoa học của an sinh xã hội (1-3)

3. An sinh xã hội và nghề công tác xã hội (2)

4. Diễn biến ngành an sinh xã hội (2)

**CHƯƠNG 2: QUỸ DỰ PHÒNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH
XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO**
(Thời gian: 9 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được quỹ dự phòng và các chương trình xóa đói giảm nghèo; vận dụng được các chính sách có liên quan để đề xuất giải pháp đối với từng địa phương;
2. Có kỹ năng hướng dẫn cho các đối tượng thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo;
3. Nhận thức đúng đắn quan điểm của Đảng, nhà nước đối với việc thực hiện các chính sách đói nghèo; các nguồn tài chính cho việc thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Quỹ dự phòng (1-3)

1.1. Lý do thiết lập Quỹ dự phòng

1.2. Đặc điểm Quỹ dự phòng

1.3. Nguồn hình thành và mục đích sử dụng quỹ dự phòng

2. Chương trình xóa đói giảm nghèo (1-3)

2.1. Xóa đói giảm nghèo với An sinh xã hội

2.2. Nội dung chương trình xóa đói giảm nghèo

2.3. Nguồn tài chính xóa đói giảm nghèo

CHƯƠNG 3: TRỢ GIÚP XÃ HỘI
(Thời gian: 9 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các nội dung về trợ giúp xã hội, các chức năng của trợ giúp xã hội;
2. Vận dụng các kỹ năng trong việc giúp đỡ các trường hợp gặp khó khăn trong cuộc sống; vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề về khủng hoảng trong các trường hợp cụ thể.
3. Nhận thức đầy đủ, đúng quan điểm của Đảng, nhà nước đối với việc thực hiện trợ giúp trong xã hội.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Một số vấn đề chung về trợ giúp xã hội (1, 2)

1.1. Khái niệm trợ giúp xã hội

1.2. Chức năng của trợ giúp xã hội

2. Sự hình thành trợ giúp xã hội (1, 2)

2.1. Sự hình thành trợ giúp xã hội trên thế giới

2.2. Sự hình thành trợ giúp xã hội ở Việt Nam

CHƯƠNG 4: BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THƯƠNG MẠI VÀ CÁC DỊCH VỤ HỖ TRỢ AN SINH XÃ HỘI

(Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày và phân tích được vấn đề bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thương mại và các dịch vụ hỗ trợ an sinh xã hội; phân tích thực trạng, nguyên nhân và vai trò của bảo hiểm thương mại trong hệ thống an sinh xã hội.

2. Hình thành một số kỹ năng phân tích, tổng hợp các vấn đề; vận dụng lý thuyết đã học để giải thích, tư vấn về nội dung cơ bản của bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thương mại.

3. Nâng cao ý thức trách nhiệm đối với nghề nghiệp; biết phát huy tính chủ động, sáng tạo trong quá trình học tập, rèn luyện.

II. NỘI DUNG

1. Bảo hiểm xã hội (4)

1.1. Sự ra đời và phát triển của Bảo hiểm xã hội

1.2. Các chế độ bảo hiểm xã hội hiện hành

1.3. Quỹ bảo hiểm xã hội ở Việt Nam

2. Bảo hiểm thương mại (5)

2.1. Khái quát chung về bảo hiểm thương mại

2.2. Bảo hiểm thương mại trong cơ chế quản lý rủi ro của xã hội

2.3. Vai trò của Bảo hiểm thương mại trong hệ thống an sinh xã hội

2.4. Những nghiệp vụ Bảo hiểm thương mại chủ yếu

3. Các dịch vụ an sinh xã hội. (2)

CHƯƠNG 5: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN SINH XÃ HỘI

(Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày và nhận thức được vấn đề bảo hiểm thương mại và các dịch vụ hỗ trợ an sinh xã hội; phân tích thực trạng, nguyên nhân và vai trò của bảo hiểm thương mại trong hệ thống an sinh xã hội

2. Hình thành kỹ năng tự tìm kiếm tài liệu liên quan đến môn học và trình bày được nội dung của các tài liệu này; xây dựng tác phong làm việc khoa học: làm việc cá nhân và làm việc nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến nội dung môn học.

3. Nâng cao ý thức trách nhiệm đối với nghề nghiệp; biết phát huy tính chủ động, sáng tạo trong quá trình học tập, rèn luyện.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Sự cần thiết quản lý của nhà nước về an sinh xã hội (1, 3)

2. Nguyên tắc và cơ sở quản lý nhà nước về an sinh xã hội (1, 3)

2.1. Nguyên tắc của quản lý nhà nước về an sinh xã hội

2.2. Cơ sở quản lý Nhà nước về an sinh xã hội

3. Nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về an sinh xã hội

3.1. Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển an sinh xã hội

3.2. Hoạch định hệ thống các chính sách an sinh xã hội

3.3. Ban hành văn bản pháp quy (1-3)

3.4. Tổ chức bộ máy, hướng dẫn, giám sát, thanh tra và kiểm tra việc thực hiện chính sách an sinh xã hội

4. Cơ quan quản lý nhà nước về an sinh xã hội.

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết.

II. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, đèn chiếu, phần mềm hỗ trợ...

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, tài liệu tham khảo, văn bản pháp luật liên quan đến trẻ em, giấy A0, giấy màu, bút lông, bảng phụ, bài tập tình huống...

IV. Các điều kiện khác:

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung:

1. Kiến thức

- Trình bày được khái niệm An sinh xã hội, lịch sử hình thành an sinh xã hội; chương trình xóa đói giảm nghèo;

- Phân tích Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thương mại và các dịch vụ hỗ trợ an sinh xã hội;

- Phân tích vai trò quản lý nhà nước về an sinh xã hội.

2. Kỹ năng

- Hình thành kỹ năng tiếp cận thực tiễn, vận dụng những kiến thức đã học vào học tập và rèn luyện; hình thành và phát triển các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, giải quyết vấn đề, làm việc theo nhóm.

- Kỹ năng đọc, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin các tư liệu an sinh xã hội; đánh giá các được hệ thống an sinh xã hội Việt Nam hiện nay, có kỹ năng hướng dẫn cho đối tượng có hoàn cảnh khó khăn thực hiện chính sách an sinh xã hội.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Chủ động tìm hiểu các thông tin nhằm hoàn thiện thêm các kiến thức và kỹ năng đảm bảo thực hành công tác xã hội hiệu quả.

- Có khả năng tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

II. Phương pháp

- Kiểm tra thường xuyên: 01 bài; thời gian: 30 phút; hình thức: tự luận.

- Kiểm tra định kỳ: 01 bài; thời gian: 45 phút; hình thức: tự luận.

- Thi kết thúc môn học: tự luận 60 phút.

- Đánh giá năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá qua việc chấp hành học tập môn học và tính tự giác, cẩn thận, nghiêm túc, tích cực tham gia các buổi học, thảo luận nhóm,...

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học An sinh xã hội được sử dụng trong chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng ngành, nghề Công tác xã hội.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Giáo viên sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực;
- Giáo viên sử dụng các dụng cụ trực quan trọng giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.
- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

2. Đối với người học

- Tham dự ít nhất 80% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học, mô đun được quy định trong chương trình môn học, mô đun;
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5.0 điểm trở lên theo thang điểm 10;
- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Vai trò của an sinh xã hội
- Quỹ dự phòng và chương trình xóa đói giảm nghèo
- Bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm thương mại và các dịch vụ an sinh xã hội
- Quản lý nhà nước về an sinh xã hội.

IV. Tài liệu tham khảo

1. PGS.TS. Nguyễn Văn Định. Giáo trình An sinh xã hội. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân; 2008.

2. Nguyễn Hải Hữu. Giáo trình Nhập môn An sinh xã hội: Nxb Lao động - Xã hội; 2012.

3. Nguyễn Thị Oanh. An sinh xã hội và các vấn đề xã hội: Đại học Mở - Bán công, Tp. Hồ Chí Minh; 1997.

4. Hoàng Mạnh Cừ, Đoàn Thị Thu Hương. Giáo trình Bảo hiểm xã hội: NXB Tài chính; 2011.

5. PGS.TS. Nguyễn Văn Định. Giáo trình Bảo hiểm thương mại: Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân; 2020.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có).

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Công tác xã hội với sức khỏe tâm thần. (*Social work with Mental Health*)

Mã môn học: 64032078

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (lý thuyết: 13 giờ; thực hành, thảo luận: 30 giờ; kiểm tra 02 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT MÔN HỌC

I. Vị trí: Công tác xã hội với sức khỏe tâm thần là môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ liên thông từ trung cấp lên cao đẳng, được bố trí học vào năm học thứ hai hoặc thứ ba.

II. Tính chất: Công tác xã hội với sức khỏe tâm thần là môn học kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ liên thông từ trung cấp lên cao đẳng.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

I. Về kiến thức

1. Trình bày được đại cương về tâm thần học và phân biệt bệnh tâm thần với bệnh thần kinh; nguyên nhân và các nhân tố thuận lợi gây phát sinh bệnh tâm thần;

2. Mô tả được các bệnh tâm thần thường gặp và cách nhận định tình trạng bệnh nhân.

3. Phân tích được vai trò của công tác xã hội và nhân viên công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần.

4. Mô tả được các trạng thái bệnh lý tâm thần chính trong cấp cứu bệnh tâm thần; Trình bày được khái niệm, nguyên nhân các trường hợp trong cấp cứu bệnh tâm thần.

5. Trình bày được khái niệm và tầm quan trọng của việc vệ sinh - phòng bệnh tâm thần

II. Về kỹ năng

1. Có những kỹ năng cơ bản để xử trí, theo dõi, chăm sóc và phòng ngừa các trường hợp cấp cứu bệnh tâm thần thường gặp;

2. Thực hiện được các biện pháp vệ sinh - phòng bệnh tâm thần cho mọi người trong cộng đồng

III. Về năng lực tự chủ, trách nhiệm

1. Giáo dục và nâng cao nhận thức cho người dân trong vệ sinh - phòng bệnh tâm thần;

2. Sinh viên ý thức được tính chuyên nghiệp. Có trách nhiệm với kết quả nghiên cứu và học tập.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Số TT	Tên chương/ mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra *
1	Chương 1: Khái quát chung về tâm thần và sức khỏe tâm thần 1. Khái niệm và thuật ngữ 2. Nguyên nhân và các bệnh tâm thần thường gặp 3. Mô hình sức khỏe tâm thần	6	3	3	
2	Chương 2: Vai trò của Công tác xã hội trong các dịch vụ sức khỏe tâm thần 1. Khái niệm CTXH 2. Vai trò của công tác xã hội và nhân viên công tác xã hội 3. Các lý thuyết đặc trưng vận dụng	10	5	5	

Số TT	Tên chương/ mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra*
	trong CTXH với sức khoẻ tâm thần 4. Nhu cầu công tác xã hội trong lĩnh vực sức khỏe tâm thần				
3	Chương 3: Theo dõi, chăm sóc các trường hợp cấp cứu tâm thần 1. Kích động 2. Tự sát 3. Bệnh nhân không chịu ăn uống	15	3	11	1
4	Chương 4: Vệ sinh, phòng bệnh tâm thần và chăm sóc người bệnh tâm thần tại cộng đồng 1. Khái niệm 2. Vệ sinh tâm thần 3. Phòng bệnh tâm thần 4. Khả năng vệ sinh và phòng bệnh tâm thần ở nước ta 5. Tầm quan trọng của công tác chăm sóc người bệnh tâm thần tại cộng đồng	16	2	13	1
	Tổng cộng:	45	13	30	2

NỘI DUNG CHI TIẾT
CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TÂM THẦN VÀ SỨC KHỎE TÂM THẦN
(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được đại cương về tâm thần học và phân biệt bệnh tâm thần

với bệnh thần kinh; nguyên nhân và các nhân tố thuận lợi gây phát sinh bệnh tâm thần; Mô tả được các bệnh tâm thần thường gặp và cách nhận định tình trạng bệnh nhân; Trình bày được các mô hình sức khỏe tâm thần.

2. Có kỹ năng phân biệt và phân tích các mô hình sức khỏe tâm thần.

3. Sinh viên ý thức được tính chuyên nghiệp. Có trách nhiệm với kết quả nghiên cứu và học tập

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm và thuật ngữ

1.1. Khái niệm về sức khỏe tâm thần

1.2. Rối loạn tâm thần

1.3. Thế nào là bệnh tâm thần

1.4. Phân biệt bệnh tâm thần với bệnh thần kinh

2. Nguyên nhân và các bệnh tâm thần thường gặp

2.1. Nguyên nhân

2.2. Các bệnh tâm thần thường gặp

3. Mô hình sức khỏe tâm thần

3.1. Mô hình y học

3.2. Mô hình xã hội

3.3. Mô hình sinh học – tâm lý – xã hội

CHƯƠNG 2: VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG CÁC DỊCH VỤ SỨC KHỎE TÂM THẦN

(Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các khái niệm công tác xã hội; Phân tích được vai trò của công tác xã hội và nhân viên công tác xã hội; các lý thuyết đặc trưng vận dụng trong CTXH với sức khỏe tâm thần.

2. Có kỹ năng phân tích về nhu cầu công tác xã hội trong lĩnh vực sức khỏe tâm thần.

3. Ý thức được vai trò trong việc hỗ trợ và giúp đỡ người có bệnh về tâm thần. Tôn trọng và chia sẻ cùng đối tượng.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm CTXH (1)

2. Vai trò của công tác xã hội và nhân viên công tác xã hội

3. Các lý thuyết đặc trưng vận dụng trong CTXH với sức khỏe tâm thần

3.1. Lý thuyết hệ thống sinh thái

3.2. Quan niệm sức mạnh thân chủ

3.3. Thuyết hành vi

4. Nhu cầu công tác xã hội trong lĩnh vực sức khỏe tâm thần

4.1. Trên thế giới

4.2. Ở Việt Nam

CHƯƠNG 3: THEO DÕI, CHĂM SÓC CÁC TRƯỜNG HỢP CẤP CỨU TÂM THẦN

(Thời gian: 15 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được các trạng thái bệnh lý tâm thần chính trong cấp cứu bệnh tâm thần;

2. Trình bày được khái niệm, nguyên nhân các trường hợp trong cấp cứu bệnh tâm thần;

3. Sinh viên vận dụng xử trí, theo dõi và chăm sóc người có vấn đề về sức khỏe tâm thần.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Kích động (2)

1.1. Khái niệm

1.2. Nguyên nhân

1.3. Cách xử trí, theo dõi và chăm sóc

1.4. Quản lý bệnh nhân kích động tại bệnh phòng

1.5. Vận chuyển bệnh nhân tâm thần bị kích động

2. Tự sát (2)

2.1. Khái niệm**2.2. Nguyên nhân****2.3. Cách xử trí, theo dõi và chăm sóc****2.4. Phòng bệnh****3. Bệnh nhân không chịu ăn uống (2)****3.1. Nguyên nhân****3.2. Cách xử trí, theo dõi và chăm sóc**

**CHƯƠNG 4: VỆ SINH, PHÒNG BỆNH TÂM THẦN VÀ CHĂM SÓC
NGƯỜI BỆNH TÂM THẦN TẠI CỘNG ĐỒNG
(Thời gian: 16 giờ)**

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm và tầm quan trọng của việc vệ sinh-phòng bệnh tâm thần.
2. Thực hiện được các biện pháp vệ sinh - phòng bệnh tâm thần cho mọi người trong cộng đồng;
3. Có kỹ năng cơ bản về truyền thông chăm sóc sức khỏe tâm thần.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG**1. Khái niệm****2. Vệ sinh tâm thần (3)****2.1 Tổ chức lao động thích hợp****2.2. Tổ chức cuộc sống sinh hoạt thích hợp****2.3. Giáo dục thích hợp trong gia đình, nhà trường, tập thể và xã hội**

2.4. Hạn chế và loại trừ các sang chấn tâm thần trường diễn xuất hiện trong mối quan hệ thường ngày

3. Phòng bệnh tâm thần (4)**3.1 Những biện pháp phòng bệnh tuyệt đối****3.2 Những biện pháp phòng bệnh tương đối****4. Khả năng vệ sinh và phòng bệnh tâm thần ở nước ta (4)****5. Tầm quan trọng của công tác chăm sóc người bệnh tâm thần tại cộng**

đồng (3)

5.1. Một số bệnh tâm thần thường gặp tại cộng đồng

5.2. Nhiệm vụ của các thành viên trong cộng đồng

5.3. Đánh giá kết quả điều trị và chăm sóc

5.4. Phương hướng quản lý và chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn hóa: đảm bảo các điều kiện ánh sáng, vệ sinh...

II. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu projector, hoặc tivi, bút lật trang

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, tài liệu tham khảo, giấy màu, bút lông, phấn, bảng phụ, bút viết bảng, giấy A0, giấy A4, bút chì, nam châm, kéo, phấn, bảng, bút, sách, ...

IV. Các điều kiện khác: sinh viên nghiên cứu tài liệu, làm việc có trách nhiệm, hiệu quả; tích cực trong việc học tập tại lớp và thực hành tại các cơ sở xã hội.

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ**I. Nội dung****1. Về kiến thức**

- Trình bày được đại cương về tâm thần học và phân biệt bệnh tâm thần với bệnh thần kinh; nguyên nhân và các nhân tố thuận lợi gây phát sinh bệnh tâm thần;

- Mô tả được các bệnh tâm thần thường gặp và cách nhận định tình trạng bệnh nhân.

- Mô tả được các trạng thái bệnh lý tâm thần chính trong cấp cứu bệnh tâm thần;

- Trình bày được khái niệm và tầm quan trọng của việc vệ sinh - phòng bệnh tâm thần

2. Về kỹ năng

Thực hiện được các biện pháp vệ sinh - phòng bệnh tâm thần cho mọi người trong cộng đồng;

3. Năng lực tự chủ, trách nhiệm

Giáo dục và nâng cao nhận thức cho người dân trong vệ sinh - phòng bệnh tâm thần

II. Phương pháp

- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài. Hình thức: Tự luận. Thời gian 30 phút
- Kiểm tra định kỳ: 1 bài. Hình thức: thảo luận nhóm, lấy điểm bài báo cáo thực hành theo nhóm
- Thi kết thúc môn học: 1 bài. Hình thức thi: tự luận. Thời gian thi: 90 phút
- Đánh giá năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá qua việc chấp hành học tập môn học và tính tự giác, cẩn thận, nghiêm túc, tích cực tham gia các buổi học, thảo luận nhóm,...

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn Công tác xã hội với sức khỏe tâm thần được sử dụng đào tạo trình độ liên thông trung cấp lên cao đẳng chuyên ngành Công tác xã hội.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học giúp người học chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức, thực hành kỹ năng để đạt được mục tiêu của môn học.
- Sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học: Thảo luận nhóm, bài tập tình huống, sắm vai, hỏi đáp, trực quan...
- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự hướng dẫn kỹ năng.

2. Đối với người học

- Nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học.
- Tham gia ít nhất 80% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học được quy định trong chương trình môn học.
- Điểm trung bình chung của môn học có tổng điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.
- Hoàn thành nghĩa vụ đóng học phí theo quy định của nhà trường.

III. Những trọng tâm cần chú ý:

Những nội dung trọng tâm cần lưu ý.

- Khái niệm và thuật ngữ
- Nguyên nhân và các bệnh tâm thần thường gặp
- Vai trò của công tác xã hội và nhân viên công tác xã hội
- Tầm quan trọng của công tác chăm sóc người bệnh tâm thần tại cộng đồng
- Phương hướng quản lý và chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng

IV. Tài liệu tham khảo:

1. Lã Chí An. Công tác xã hội cá nhân. TP.HCM: NXB Đại học Mở - BC; 2006.
2. Bùi Quang Huy. Tâm thần phân liệt Hà Nội: NXB Y học; 2010.
3. Bùi Văn Hồi - Trần Hữu Trung. Đề án trợ giúp XH và PHCN cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng. Hà Nội: NXB Thông tin và truyền thông; 2011.
4. Bùi Văn Hồi - Trần Hữu Trung. Xây dựng mô hình trung tâm CTXH và nghiệp vụ quản lý trường hợp. Hà Nội: NXB Thông tin và truyền thông; 2011.
5. Nguyễn Thị Mỹ Lộc. Công tác xã hội trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tâm thần. NXB Hà Nội, 2013.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Công tác xã hội cá nhân và nhóm (Individual and group social work)

Mã môn học: 64034079

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ (lý thuyết: 41 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 30 giờ; kiểm tra: 4 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

I. Vị trí: Công tác xã hội cá nhân và nhóm là môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ liên thông từ trung cấp lên cao đẳng, được bố trí học sau các môn học cơ sở.

II. Tính chất: Công tác xã hội cá nhân và nhóm là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ liên thông từ trung cấp lên cao đẳng.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

I. Về kiến thức

1. Trình bày những kiến thức về công tác xã hội cá nhân và nhóm;
2. Trình bày và phân tích các bước thực hiện trong tiến trình công tác xã hội cá nhân, nhóm; vận dụng các kỹ năng cần thiết để có thể can thiệp nhằm đạt được những mục tiêu đặt ra.
3. Mô tả và phân tích vai trò, kỹ năng, kỹ thuật tác nghiệp trong công tác xã hội cá nhân và nhóm.

II. Về kỹ năng

1. Thực hiện được các kỹ năng như: quan sát, lắng nghe, vãng gia, thiết lập mối quan hệ, lãnh đạo nhóm, giải quyết mâu thuẫn, hoạt náo,...
2. Vận dụng các kỹ năng hỗ trợ tác động vào một cá nhân thân chủ hay một nhóm bất kỳ để giải quyết vấn đề.

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Tích cực nghiên cứu, nâng cao trình độ và tham gia vào các hoạt động nhằm bảo vệ quyền lợi cho các cá nhân, nhóm đối tượng yếu thế.

2. Nâng cao ý thức trách nhiệm đối với nghề nghiệp, với môn học, có tinh thần trách nhiệm trong học tập và công tác sau khi tốt nghiệp.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Tổng quan về công tác xã hội cá nhân 1.1. Khái niệm về công tác xã hội với cá nhân 1.2. Lịch sử công tác xã hội với cá nhân 1.3. Mục đích, mục tiêu công tác xã hội cá nhân 1.4. Các nguyên tắc hành động trong CTXH với cá nhân 1.5. Các phương pháp công tác xã hội với cá nhân 1.6. Các thành tố trong công tác xã hội với cá nhân	10	7	3	
2	Chương 2: Tổng quan về công tác xã hội với nhóm 1. Lịch sử phát triển phương pháp công tác xã hội với nhóm 1.1. Lịch sử hình thành và phát triển công tác xã hội nhóm trên thế giới 1.2. Lịch sử hình thành và phát triển công tác xã hội nhóm tại Việt Nam 2. Khái niệm, đặc trưng, tầm quan trọng của công tác xã hội nhóm 2.1. Khái niệm 2.2. Đặc trưng 3. Tầm quan trọng của công tác xã hội với nhóm	10	6	3	1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	<p>4. Các đặc điểm của công tác xã hội nhóm</p> <p>5. Phân loại nhóm</p> <p>5.1.Nhóm tự nhiên</p> <p>5.2.Nhóm được thành lập</p> <p>5.3.Các nhóm trong công tác xã hội</p> <p>5.3.1.Nhóm can thiệp</p> <p>5.3.2.Nhóm nhiệm vụ</p> <p>6. Sự khác biệt giữa công tác xã hội cá nhân và công tác xã hội nhóm</p>				
	<p>Chương 3: Nền tảng lý thuyết trong công tác xã hội cá nhân và nhóm</p> <p>1. Một số lý thuyết cơ bản ứng dụng trong công tác xã hội cá nhân</p> <p>1.1. Lý thuyết hệ thống sinh thái</p> <p>1.2. Quan niệm sức mạnh thân chủ</p> <p>1.3. Thuyết hành vi con người</p> <p>1.4. Lý thuyết thế hệ</p> <p>2. Một số lý thuyết cơ bản ứng dụng trong công tác xã hội nhóm</p> <p>2.1. Thuyết hệ thống</p> <p>2.2. Thuyết lãnh đạo</p> <p>2.3. Thuyết xung đột xã hội</p> <p>2.4. Thuyết động năng tâm lý</p> <p>2.5. Thuyết học tập xã hội</p> <p>2.6. Thuyết vai trò</p> <p>2.7. Thuyết trao đổi xã hội</p> <p>2.8. Thuyết thực nghiệm</p> <p>3. Một số kiến thức về năng động nhóm</p> <p>3.1. Năng động nhóm</p> <p>3.2 Tương tác nhóm</p> <p>3.3. Cố kết nhóm</p> <p>3.4. Kiểm soát xã hội</p> <p>3.5. Chuẩn mực nhóm</p> <p>3.6. Văn hóa nhóm</p> <p>3.7. Xung đột nhóm</p>	16	9	6	1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
3	Chương 4: Tiến trình trong công tác xã hội cá nhân và nhóm 1. Định nghĩa tiến trình 2. Tiến trình trong công tác xã hội cá nhân 2.1. Thiết lập mối quan hệ 2.2. Xác định và phân tích vấn đề 2.3. Lượng giá đầu vào 2.4. Phát triển kế hoạch can thiệp 2.5. Thực hiện và giám sát việc thực hiện kế hoạch 2.6. Lượng giá đầu ra 2.7. Kết thúc 3. Tiến trình trong công tác xã hội nhóm 3.1. Giai đoạn thành lập nhóm 3.2. Giai đoạn khảo sát nhóm 3.3. Giai đoạn duy trì nhóm 3.4. Giai đoạn kết thúc nhóm	18	10	7	1
4	Chương 5: Một số kỹ năng áp dụng trong CTXH cá nhân và nhóm 1. Kỹ năng áp dụng trong công tác xã hội cá nhân 1.1. Lắng nghe 1.2. Quan sát 1.3. Vấn đàm 1.4. Vãng gia 1.5. Ghi chép hồ sơ cá nhân 1.6. Tư vấn, tham vấn 2. Kỹ năng áp dụng trong công tác xã hội nhóm 2.1. Kỹ năng lãnh đạo nhóm 2.2. Kỹ năng tạo lập liên kết giữa các cá nhân trong nhóm 2.3. Kỹ năng thấu cảm 2.4. Kỹ năng điều phối 2.5. Kỹ năng tự bộc lộ 2.6. Kỹ năng lắng nghe tích cực	21	9	11	1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	3. Một số công cụ vận dụng trong công tác xã hội cá nhân và nhóm 3.1. Vẽ sơ đồ SWOT, sơ đồ sinh thái, sơ đồ phả hệ, cây vấn đề 3.2. Vẽ sơ đồ tương tác nhóm, sơ đồ Sharon 3.3. Đối chiếu với kế hoạch 3.4. Báo cáo buổi sinh hoạt 3.5. Các kỹ thuật giúp các thành viên vận động, thay đổi không khí, tạo hoạt động vui vẻ cùng nhau 3.6. Các Kỹ thuật giúp các thành viên nhận biết thể hiện suy nghĩ, tình cảm, sự sáng tạo của mình 3.7. Các Kỹ thuật sử dụng trong việc lấy ý kiến của cả nhóm, giúp các thành viên học kỹ năng mới				
	Cộng	75	41	30	4

NỘI DUNG CHI TIẾT
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI CÁ NHÂN
(Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày lịch sử hình thành, khái niệm, đặc trưng, tầm quan trọng của công tác xã hội nhóm; Phân tích mục đích mục tiêu, nguyên tắc hành động và phương pháp công tác xã hội cá nhân;

2. Thực hiện được kỹ năng phân tích, đánh giá, làm việc nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng các nguyên tắc hành động trong công tác xã hội cá nhân vào thực hành với đối tượng.

3. Có ý thức trong việc rèn luyện học tập, tự ý thức giá trị ngành nghề công tác xã hội đặc biệt khi làm việc với các thân chủ có vấn đề.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm về công tác xã hội với cá nhân (2)
2. Lịch sử công tác xã hội với cá nhân
3. Mục đích, mục tiêu công tác xã hội cá nhân (2)
4. Các nguyên tắc hành động trong công tác xã hội với cá nhân (3)
5. Các phương pháp công tác xã hội với cá nhân
6. Các thành tố trong công tác xã hội với cá nhân (3,4)
 - 6.1. Con người
 - 6.2. Vấn đề
 - 6.3. Cơ quan giải quyết vấn đề
 - 6.4. Tiến trình giải quyết vấn đề

CHƯƠNG 2: TỔNG QUAN VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NHÓM (Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả và phân tích lịch sử hình thành, khái niệm, đặc trưng, tầm quan trọng của nhóm, phân loại nhóm; Trình bày và so sánh giữa công tác xã hội cá nhân và công tác xã hội nhóm; Mô tả và phân tích thuận lợi và bất lợi thông qua điều trị nhóm;
2. Hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá, làm việc nhóm và rèn luyện kỹ năng so sánh đánh giá sự khác biệt giữa công tác xã hội nhóm và công tác xã hội cá nhân.
3. Có ý thức trong việc rèn luyện học tập và làm việc nhóm, tự ý thức giá trị ngành nghề công tác xã hội đặc biệt khi làm việc với nhóm đối tượng cụ thể.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Lịch sử phát triển phương pháp công tác xã hội với nhóm
 - 1.1. Lịch sử hình thành và phát triển công tác xã hội trên thế giới
 - 1.2. Lịch sử hình thành và phát triển tại Việt Nam
2. Khái niệm, đặc trưng, tầm quan trọng của công tác xã hội nhóm
 - 2.1. Khái niệm
 - 2.2. Đặc trưng
3. Tầm quan trọng của công tác xã hội với nhóm (2, 4)

4. Các đặc điểm của công tác xã hội với nhóm (3, 6)

5. Phân loại nhóm

5.1. Nhóm tự nhiên

5.2. Nhóm được thành lập

5.3. Các nhóm trong công tác xã hội

5.3.1. Nhóm can thiệp

5.3.2. Nhóm nhiệm vụ

6. Sự khác biệt giữa công tác xã hội cá nhân và công tác xã hội nhóm (2, 4)

CHƯƠNG 3: NỀN TẢNG LÝ THUYẾT CÔNG TÁC XÃ HỘI XÃ HỘI CÁ NHÂN VÀ NHÓM (Thời gian: 16 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả và phân tích các lý thuyết cơ bản ứng dụng trong công tác xã hội cá nhân và nhóm và một số kiến thức về năng động nhóm; trình bày và phân tích vai trò và tác động của nhóm nhỏ vào cuộc sống, một số yếu tố sử dụng trong can thiệp nhóm công tác xã hội.

2. Hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá, làm việc nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng các giai đoạn phát triển của nhóm vào thực tiễn;

3. Có tinh thần hợp tác có trách nhiệm, chủ động thực hiện công việc được giao; Vận dụng phương pháp công tác xã hội cá nhân và nhóm hiệu quả hơn, hiểu rõ ngành nghề mình đang theo học.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Một số lý thuyết cơ bản ứng dụng trong công tác xã hội cá nhân

1.1. Lý thuyết hệ thống sinh thái

1.2. Quan niệm sức mạnh thân chủ

1.3. Thuyết hành vi con người

1.4. Lý thuyết thể hệ

2. Một số lý thuyết cơ bản ứng dụng trong công tác xã hội nhóm(3)

2.1. Thuyết hệ thống

2.2. Thuyết lãnh đạo

2.3. Thuyết xung đột xã hội

2.4. Thuyết động năng tâm lý

2.5. Thuyết học tập xã hội

2.6. Thuyết vai trò

2.7. Thuyết trao đổi xã hội

2.8. Thuyết thực nghiệm

3. Một số kiến thức về năng động nhóm(3,6)

3.1. Năng động nhóm

3.2. Tương tác nhóm

3.3. Cố kết nhóm

3.4. Kiểm soát xã hội

3.5. Chuẩn mực nhóm

3.6. Văn hóa nhóm

3.7. Xung đột nhóm

CHƯƠNG 4: TIẾN TRÌNH TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI CÁ NHÂN VÀ NHÓM

(Thời gian: 18 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả và phân tích các giai đoạn trong tiến trình công tác xã hội cá nhân và nhóm.

2. Thực hiện được kỹ năng phân tích, đánh giá, làm việc với cá nhân và nhóm thân chủ và rèn luyện một số kỹ năng: lắng nghe, quan sát, thiết lập mối quan hệ, xây dựng mục tiêu; tổ chức cuộc họp; giải quyết xung đột, lãnh đạo nhóm.

3. Nâng cao ý thức trách nhiệm đối với nghề nghiệp, với môn học, có tinh thần trách nhiệm trong học tập và công tác sau khi tốt nghiệp.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Định nghĩa tiến trình (1, 4)

2. Tiến trình công tác xã hội cá nhân (4)

2.1. Thiết lập mối quan hệ

2.2. Xác định và phân tích vấn đề

2.3. Lượng giá đầu vào

2.4. Phát triển kế hoạch can thiệp

2.5. Thực hiện và giám sát việc thực hiện kế hoạch

2.6. Lượng giá đầu ra

2.7. Kết thúc

3. Tiến trình công tác xã hội nhóm (3,6)

3.1. Giai đoạn thành lập nhóm

3.2. Giai đoạn khảo sát nhóm (3)

3.4. Giai đoạn duy trì nhóm

3.5. Giai đoạn kết thúc nhóm (6)

CHƯƠNG 5: MỘT SỐ KỸ NĂNG, KỸ THUẬT TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI CÁ NHÂN VÀ NHÓM

(Thời gian: 19 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả và phân tích các kỹ năng, kỹ thuật tác nghiệp trong công tác xã hội cá nhân và nhóm.

2. Hình thành và vận dụng các kỹ năng: lắng nghe, quan sát, thiết lập mối quan hệ, giải quyết vấn đề, kỹ năng lãnh đạo nhóm. Áp dụng kỹ năng vẽ sơ đồ sinh thái, phả hệ, SWOT, sơ đồ tương tác nhóm, viết báo cáo buổi sinh hoạt, tổ chức trò chơi, ...

3. Linh hoạt và năng động tự tin hơn trong học tập và rèn luyện, mạnh dạn, chủ động thực hiện công việc được giao; vận dụng các kỹ năng trong công tác xã hội đối với đối tượng cá nhân và nhóm một cách linh hoạt, hiệu quả.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Kỹ năng áp dụng trong công tác xã hội cá nhân (4)

1.1. Lắng nghe

1.2. Quan sát

1.3. Vấn đàm

1.4. Vãng gia

1.5. Ghi chép hồ sơ cá nhân

1.6. Tư vấn, tham vấn

2. Một số kỹ năng áp dụng trong công tác xã hội nhóm(6)

2.1. Kỹ năng lãnh đạo nhóm

2.2. Kỹ năng tạo lập liên hệ giữa các cá nhân trong nhóm

2.3. Kỹ năng thấu cảm

2.4. Kỹ năng điều phối

2.5. Kỹ năng tự bộc lộ

2.6. Kỹ năng lắng nghe tích cực

3. Một số công cụ vận dụng trong công tác xã hội cá nhân và nhóm(7)

3.1. Vẽ sơ đồ SWOT, sơ đồ sinh thái, sơ đồ phả hệ, cây vấn đề

3.2. Vẽ sơ đồ tương tác nhóm, sơ đồ Sharon

3.3. Đối chiếu với kế hoạch(7)

3.4. Báo cáo buổi sinh hoạt

3.5. Các kỹ thuật giúp các thành viên vận động, thay đổi không khí, tạo hoạt động vui vẻ cùng nhau(3)

3.6. Các Kỹ thuật giúp các thành viên nhận biệt thể hiện suy nghĩ, tình cảm, sự sáng tạo của mình(3)

3.7. Các Kỹ thuật sử dụng trong việc lấy ý kiến của cả nhóm, giúp các thành viên học kỹ năng mới

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng

Phòng học đảm bảo rộng rãi, có không gian để tổ chức các hoạt động nhóm, hoạt động tình huống, hoạt động trải nghiệm.

II. Trang thiết bị máy móc

Máy chiếu (Projector), Máy tính xách tay

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Học liệu: giáo trình công tác xã hội cá nhân, giáo trình công tác xã hội nhóm.

- Dụng cụ, nguyên vật liệu: giấy A0, A4, bút viết, giấy màu, kéo, video, hình ảnh, tài liệu phát tay, phương tiện dạy học khác...

IV. Các điều kiện khác:

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

1. Về kiến thức

- Trình bày những kiến thức về công tác xã hội cá nhân và nhóm;

- Trình bày và phân tích các bước thực hiện trong tiến trình công tác xã hội cá nhân và nhóm và các kỹ năng cần thiết để có thể can thiệp nhằm đạt được những mục tiêu đặt ra.

- Mô tả và phân tích vai trò, kỹ năng, kỹ thuật tác nghiệp trong công tác xã hội cá nhân và nhóm.

2. Về kỹ năng

- Hình thành các kỹ năng trong công tác xã hội cá nhân và nhóm như: quan sát, lắng nghe, vãng gia, thiết lập mối quan hệ, lãnh đạo nhóm, kỹ năng giải quyết mâu thuẫn, thấu cảm, ...

- Vận dụng các kỹ năng hỗ trợ tác động vào một cá nhân thân chủ hay một nhóm bất kỳ để giải quyết vấn đề.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Tích cực nghiên cứu, nâng cao trình độ và tham gia vào các hoạt động nhằm bảo vệ quyền lợi cho các cá nhân, nhóm đối tượng yếu thế.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm đối với nghề nghiệp, với môn học, có tinh thần trách nhiệm trong học tập và công tác sau khi tốt nghiệp.

II. Phương pháp

- Kiểm tra thường xuyên: 2 bài. Hình thức: tự luận. Thời gian: 30 phút

- Kiểm tra định kỳ: 2 bài. Hình thức: thảo luận nhóm, lấy điểm bài báo cáo thực hành theo nhóm

- Thi kết thúc môn học: 1 bài. Hình thức thi: tự luận. Thời gian thi: 90 phút

- Đánh giá năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá qua việc chấp hành học tập môn học và tính tự giác, cẩn thận, nghiêm túc, tích cực tham gia các buổi học, thảo luận nhóm...

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học Công tác xã hội cá nhân và nhóm được sử dụng đào tạo trình độ liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chuyên ngành, nghề Công tác xã hội.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học giúp người học chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức, thực hành kỹ năng để đạt được mục tiêu của môn học.

- Sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học: Thảo luận nhóm, bài tập tình huống, sắm vai, hỏi đáp, trực quan...

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự hướng dẫn kỹ năng.

2. Đối với người học

- Nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học.

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học được quy định trong chương trình môn học.

- Điểm trung bình chung của môn học có tổng điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

- Hoàn thành nghĩa vụ đóng học phí theo quy định của nhà trường.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Trình bày các kiến thức chung về công tác xã hội cá nhân và nhóm (khái niệm, loại hình nhóm, vai trò nhân viên xã hội, đặc điểm,...);

- Khái niệm, tiến trình công tác xã hội cá nhân và nhóm (nhận biết các yêu cầu ở từng giai đoạn trong tiến trình);

- Trình bày và phân tích các yếu tố trong năng động nhóm và tâm lý nhóm;

- Vận dụng các kỹ năng, công cụ áp dụng trong công tác xã hội cá nhân và nhóm qua đó tiến hành áp dụng vào thực hành, thực tiễn.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Bùi Thị Xuân Mai. Nhập môn Công tác xã hội NXB Đại học Lao động – xã hội; 2017.

2. Nguyễn Thị Oanh. Công tác xã hội đại cương; NXB Giáo dục thành phố Hồ Chí Minh; 2006.

3. Bùi Thị Chóm, Nguyễn Thị Vân. Giáo trình Công tác xã hội cá nhân và nhóm; NXB Lao động - Xã hội; 2015.

4. Bùi Thị Xuân Mai. Giáo trình nhập môn Công tác xã hội: Đại học Lao động - Xã hội; 2010.

5. Lê Văn Phú; Công tác xã hội; NXB Quốc gia Hà Nội; 2014.

6. Nguyễn Thị Thái Lan. Giáo trình công tác xã hội nhóm; NXB Lao động – xã hội; 2018.

7. Nguyễn Thị Hồng Chuyên, Võ Mạnh Tuấn. Giáo trình Công tác xã hội cá nhân: Trường CĐCD Kon Tum (Lưu hành nội bộ); 2021.

8. Nguyễn Thị Hồng Chuyên, Trần Thị Hằng. Giáo trình Công tác xã hội nhóm: Trường CĐCD Kon Tum (Lưu hành nội bộ); 2021.

9. Bộ Lao động thương binh và xã hội. Công tác xã hội với cá nhân và gia đình: NXB Lao động- xã hội; 2016.

V. Ghi chú và giải thích: không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Phát triển cộng đồng (Community Development)

Mã môn học: 64033036

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (lý thuyết: 27 giờ; thực hành, thảo luận: 30 giờ; kiểm tra: 3 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

I. Vị trí: Là môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội liên thông từ trung cấp lên cao đẳng, được bố trí vào năm học thứ hai.

II. Tính chất môn học: Môn học Phát triển cộng đồng được kết hợp giữa lý thuyết và thực hành. Môn học này là nền tảng vững chắc để người học vận dụng vào mô đun Thực hành công tác xã hội II.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

I. Về kiến thức

1. Trình bày được các khái niệm cộng đồng, phát triển cộng đồng và phương pháp tổ chức phát triển cộng đồng; khái niệm dự án, mô tả các thành phần cơ bản trong quản lý dự án;

2. Giải thích được một số phương pháp trong phát triển cộng đồng, trong đó có phương pháp khảo sát nhanh có sự tham gia (PRA).

3. Phân tích được vai trò của cộng tác viên; vai trò và ý nghĩa của việc tham gia của người dân trong các dự án phát triển cộng đồng;

II. Về kỹ năng

1. Ứng dụng kỹ năng trong giáo dục cộng đồng và chú trọng việc xây dựng nguồn lực và tăng năng lực cho cộng đồng;

2. Áp dụng các kỹ năng trong khai thác thông tin; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng làm việc nhóm, thảo luận nhóm;

3. Vẽ được các sơ đồ, biểu đồ về cộng đồng.

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Có năng lực tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;

2. Luôn có trách nhiệm, trung thực, có ý thức tổ chức kỷ luật, tự giác trong công việc, đoàn kết, có tinh thần vì cộng đồng, sẵn sàng tham gia hoạt động xã hội vì mục đích chung;

3. Có ý thức chuyên nghiệp, sẵn sàng dấn thân với nghề nghiệp sau này.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Số TT	Tên chương/ mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Giới thiệu về phát triển cộng đồng 1. Lịch sử xuất phát và diễn tiến 2. Khái niệm cộng đồng và phát triển 3. Phát triển cộng đồng 4. Các nguyên tắc trong phát triển cộng đồng	5	5		
2	Chương 2: Tiến trình tổ chức cộng đồng 1. Khái niệm, mục tiêu, tiến trình 2. Các bước tiến hành	10	4	5	1
3	Chương 3: Tác viên phát triển cộng đồng 1. Vai trò 2. Một số chỉ dẫn dành cho tác viên cộng đồng 3. Phẩm chất của tác viên cộng đồng 4. Môi quan hệ của tác viên cộng đồng	7	3	4	
4	Chương 4: Sự tham gia của cộng đồng	8	4	3	1

Số TT	Tên chương/ mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	1. Ý nghĩa 2. Các loại hình tham gia 3. Sự tham gia của người dân 4. Những cản trở đến sự tham gia của người dân				
5	Chương 5: Phương pháp khảo sát nhanh có sự tham gia (PRA) 1. Xuất phát PRA 2. PRA là gì? 3. Mục đích 4. Nguyên tắc trong PRA 5. Ứng dụng PRA 6. Điều tra căn bản của PRA 7. Phương pháp PRA 8. Các đặc điểm của PRA 9. Một số kỹ thuật cơ bản trước khi sử dụng PRA	20	9	10	1
	Chương 6: Giới thiệu dự án phát triển cộng đồng 1. Một số khái niệm 2. Các yếu tố cấu thành dự án 3. Quản lý dự án	10	2	8	
	Tổng cộng:	60	27	30	03

NỘI DUNG CHI TIẾT
CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VỀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG
(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm, nội dung, mục đích về cộng đồng và nguyên tắc trong phát triển cộng đồng.

2. Vẽ được sơ đồ hóa tiến trình phát triển cộng đồng.

3. Có ý thức, tinh thần học tập bộ môn; yêu ngành, nghề đã lựa chọn.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Lịch sử xuất phát và diễn tiến

2. Khái niệm(1)

2.1. Cộng đồng

2.2. Phát triển

3. Phát triển cộng đồng

3.1. Thế nào là cộng đồng kém phát triển và phát triển

3.2. Định nghĩa phát triển cộng đồng

3.3. Các giá trị của phát triển cộng đồng

3.4. Mục đích của phát triển cộng đồng

3.5. Nội dung của phát triển cộng đồng

3.6. Tiến trình phát triển cộng đồng

4. Các nguyên tắc trong phát triển cộng đồng

CHƯƠNG 2: TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

(Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các khái niệm, mục tiêu, tiến trình và các bước tiến hành trong tiến trình tổ chức cộng đồng; phân tích được tiến trình tổ chức cộng đồng.

2. Xây dựng được kế hoạch chương trình phát triển cộng đồng.

3. Nghiêm túc, tích cực và có trách nhiệm trong học tập.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm, mục tiêu, tiến trình(2)

1.1. Khái niệm tổ chức cộng đồng

1.2. Mục tiêu của tổ chức cộng đồng

1.3. Tiến trình tổ chức cộng đồng

2. Các bước tiến hành

2.1. Chọn cộng đồng

2.2. Hội nhập cộng đồng, nhận diện những người có khả năng và tích cực

2.3. Xây dựng và bồi dưỡng/ Tập huấn nhóm lãnh đạo nòng cốt

2.4. Tìm hiểu và phân tích cộng đồng

2.5. Chính thức hình thành ban đại diện cộng đồng và lập kế hoạch các chương trình phát triển

2.6. Vận động, phát huy tiềm năng nhóm - củng cố tổ chức

2.7. Rút kinh nghiệm - Lượng giá các chương trình hành động và sự phát triển của các nhóm.

2.8. Liên kết các nhóm hành động

2.9. Giai đoạn chuyển giao

CHƯƠNG 3: TÁC VIÊN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

(Thời gian: 7 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được vai trò của tác viên cộng đồng và mối quan hệ của tác viên cộng đồng; phân tích được những phẩm chất cần có của một tác viên cộng đồng.

2. Có kỹ năng xây dựng được mối quan hệ với cộng đồng.

3. Luôn có trách nhiệm, trung thực, có ý thức tổ chức kỷ luật, tự giác trong công việc của một tác viên phát triển cộng đồng.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Vai trò

1.1. Người xúc tác

1.2. Người biện hộ

1.3. Người nghiên cứu

1.4. Người huấn luyện

1.5. Người lập kế hoạch

2. Phẩm chất của tác viên cộng đồng

3. Môi quan hệ của tác viên cộng đồng

CHƯƠNG 4: SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG (Thời gian: 8 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được ý nghĩa và các loại hình tham gia của người dân trong cộng đồng, các cản trở khi họ tham gia; phân tích được các yếu tố thúc đẩy người dân tham gia dự án.

2. Có kỹ năng tập hợp, làm việc nhóm và điều phối, xây dựng kế hoạch.

3. Có năng lực tập hợp, đoàn kết vì cộng đồng, sẵn sàng tham gia hoạt động xã hội.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Ý nghĩa

2. Các loại hình tham gia(1)

2.1. Tham gia thụ động

2.2. Tham gia bằng cách cung cấp thông tin

2.3. Tham gia qua tư vấn

2.4. Tham gia vì những khích lệ vật chất

2.5. Tham gia chức năng: Người dân tham gia bằng cách tổ chức nhóm nhằm đạt đến những mục tiêu dự định của dự án phát triển.

2.6. Tham gia tương tác

2.7. Tự huy động

3. Sự tham gia của người dân

3.1. Tham gia mang lại lợi ích gì?

3.2. Yếu tố để thúc đẩy sự tham gia

4. Những cản trở đến sự tham gia của người dân

4.1. Những tranh cãi về sự tham gia

4.2. Các yếu tố cản trở

CHƯƠNG 5: PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT NHANH CÓ SỰ THAM GIA (PRA) (Thời gian: 20 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được phương pháp phương pháp khảo sát nhanh có sự tham gia (PRA), mục đích, nguyên tắc trong PRA.
2. Thực hành áp dụng phương pháp và các kỹ thuật cơ bản trong PRA.
3. Có năng lực trong học tập bộ môn; có ý thức của một tác viên cộng đồng chuyên nghiệp để phân đầu và rèn luyện.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Xuất phát PRA

2. PRA là gì?

3. Mục đích

4. Nguyên tắc trong PRA

5. Ứng dụng PRA

6. Điều tra căn bản của PRA

6.1. *PRA không phải là một tập hợp những công cụ*

6.2. *Con người là hàng đầu*

6.3. *Thái độ đúng trong PRA*

6.4. *Huấn luyện thái độ và hành vi*

7. Phương pháp PRA

7.1. *Phương pháp theo không gian*

7.2. *Phương pháp theo thời gian*

7.3. *Phương pháp theo mối liên hệ*

8. Các đặc điểm của PRA

8.1. *Yêu cầu khi thực hiện PRA*

8.2. *Những ưu điểm của PRA*

9. Một số kỹ thuật cơ bản trước khi sử dụng PR

9.1. Thu thập tài liệu có sẵn

9.2. Tạo lập mối quan hệ

CHƯƠNG 6: GIỚI THIỆU DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG (Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày khái niệm; các yếu tố cấu thành một dự án.
2. Xây dựng được tiến trình quản lý dự án cụ thể.
3. Có ý thức, năng lực và trách nhiệm trong quá trình xây dựng tiến trình quản lý dự án cụ thể.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Một số khái niệm

1.1. Dự án

1.2. Các bên liên quan (Stakeholders)

1.3. Nguồn lực của dự án

1.4. Dự án nhánh hay Tiểu dự án (Sub-Project)

1.5. Chương trình (Program)

2. Các yếu tố cấu thành dự án

3. Quản lý dự án(2)

3.1. Giai đoạn 1: Phân tích tình hình

3.2. Giai đoạn 2: Lập kế hoạch

3.3. Giai đoạn 3: Viết và nộp đề xuất dự án

3.4. Giai đoạn 4: Thực hiện dự án

3.5. Giai đoạn 5: Lượng giá

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn hóa: đảm bảo các điều kiện ánh sáng, vệ sinh...

II. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu projector, hoặc tivi, bút lật trang

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: phần, bảng phụ, bút lông, sách, giấy A0, ...

IV. Các điều kiện khác: Không

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Về kiến thức

- Các kiến thức cơ bản như khái niệm cộng đồng, phát triển cộng đồng và phương pháp tổ chức phát triển cộng đồng.

- Làm rõ mục đích, nội dung, biện pháp tổ chức và phát triển cộng đồng.

2. Về kỹ năng

Vận dụng phương pháp về khảo sát, kỹ năng phỏng vấn, thảo luận nhóm, quan sát nhằm để giáo dục cộng đồng, nhận thức được vấn đề, phát huy thế mạnh, huy động nguồn lực để giải quyết vấn đề trong cộng đồng.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Tính chuyên nghiệp. Có trách nhiệm với kết quả nghiên cứu và học tập.

II. Phương pháp

- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài, thời gian 30 phút.

- Kiểm tra định kỳ: 2 bài (1 bài lý thuyết, thời gian 45 phút; 1 bài lấy điểm thực hành, thảo luận nhóm).

- Thi kết thúc môn học: Tự luận; thời gian 90 phút

- Đánh giá năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá qua việc chấp hành học tập môn học và tính tự giác, cẩn thận, nghiêm túc, tích cực tham gia các buổi học, thảo luận nhóm,...

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn Phát triển cộng đồng được sử dụng đào tạo trình độ Trung cấp liên thông lên Cao đẳng ngành, nghề Công tác xã hội.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực;
- Quan tâm phát huy kinh nghiệm của người học trong quá trình lên lớp; chú trọng đầu tư tổ chức tốt các tiết thảo luận cả về nội dung lẫn hình thức.

2. Đối với người học

- Tham dự ít nhất 80% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học lý thuyết, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học được quy định trong chương trình môn học;

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;

- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Các khái niệm, vai trò và các vấn đề của cộng đồng; các phương pháp tiếp cận và giải quyết vấn đề của cộng đồng;

- Tiến trình phát triển cộng đồng;

- Phương pháp khảo sát nhanh có sự tham gia (PRA)

- Các bước trong chu trình dự án phát triển cộng đồng.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Hữu Nhân. Phát triển cộng đồng: NXB Đại học quốc gia Hà Nội

2004.

2. Tô Duy Hợp, Lương Hồng Quang. Phát triển cộng đồng, lý thuyết và vận dụng. Hà Nội: NXB Văn hoá thông tin; 2000

3. Nguyễn Thị Thái Lan, Phát triển cộng đồng, NXB Lao động xã hội, Hà Nội; 2008

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Công tác xã hội với trẻ tự kỷ (Community Service with Autistic children)

Mã môn học: 64032055

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (lý thuyết: 15 giờ; thực hành, thảo luận: 28 giờ; kiểm tra 2 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

I. Vị trí: Môn học Công tác xã hội với trẻ tự kỷ thuộc khối môn học chuyên ngành của chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng ngành, nghề Công tác xã hội, được bố trí sau các môn học cơ sở và một số môn học chuyên ngành.

II. Tính chất môn học: Là môn học chuyên ngành bắt buộc chương trình đào tạo liên thông giữa trình độ trung cấp với trình độ cao đẳng ngành, nghề Công tác xã hội.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

I. Về kiến thức:

1. Trình bày được kiến thức đại cương về chứng tự kỷ, nguyên nhân, một số khác biệt về phát triển của trẻ tự kỷ.
2. Trình bày được các cách phát hiện sớm, can thiệp sớm với trẻ tự kỷ.
3. Phân tích được các nguyên nhân dẫn đến chứng tự kỷ ở trẻ.
4. So sánh sự phát triển giữa trẻ em bình thường và trẻ mắc chứng tự kỷ.
5. Phân biệt cơ bản các mức độ của trẻ tự kỷ.
6. Phân tích được các kỹ thuật can thiệp sớm đối với trẻ tự kỷ

II. Về kỹ năng:

1. Vận dụng các kỹ năng để can thiệp đối với trẻ tự kỷ.
2. Thiết kế được các trò chơi giúp trẻ tự kỷ hòa nhập.

3. Sử dụng được các thang quan sát chẩn đoán, thang phỏng vấn chẩn đoán và thang đánh giá mức độ tự kỷ.

4. Đánh giá được các mức độ của trẻ tự kỷ.

III. Năng lực tự chủ, trách nhiệm:

1. Có ý thức chuyên nghiệp, có trách nhiệm với công việc và ý thức được vai trò của bản thân; tôn trọng, chấp nhận và kiên trì trong việc giúp trẻ tự kỷ hòa nhập với cuộc sống.

2. Tư duy nhanh nhẹn, sắc bén, chủ động, suy nghĩ tích cực trước các vấn đề trong thực tiễn; có thái độ đúng mực, chuyên nghiệp của nhân viên công tác xã hội; tích cực, chủ động, nghiêm túc trong học tập..

C. NỘI DUNG MÔN HỌC:

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Tổng quan về tự kỷ 1. Hội chứng tự kỷ 1.1. Hội chứng Asperger 1.2. Hội chứng Rett 1.3. Hội chứng thoái triển trẻ em. 2. Tự kỷ điển hình 2.1. Các dấu hiệu của tự kỷ 2.2. Những rối loạn khác đi kèm với tự kỷ 2.3. Tỷ lệ mắc chứng tự kỷ 2.4. Nguyên nhân gia tăng tỷ lệ mắc của tự kỷ. 3. Nguyên nhân của tự kỷ 3.1. Nguyên nhân liên quan đến thời kỳ phát triển sớm của trẻ 3.2. Bệnh do gen, di truyền 3.3. Chế độ dinh dưỡng có liên quan đến nguy cơ của tự kỷ 4. Đánh giá mức độ tự kỷ	10	5	5	

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	4.1. Mức độ nhẹ 4.2. Mức độ vừa 4.3. Mức độ nặng 5. Một số khác biệt phát triển trẻ tự kỷ 5.1. Đặc điểm trí nhớ 5.2. Khả năng học và áp dụng kỹ năng mới 5.3. Khả năng tập trung và chú ý 5.4. Hội chứng thiên tài.				
2	Chương 2: Phát hiện sớm trẻ tự kỷ 1. Tầm quan trọng phát hiện – can thiệp sớm trẻ tự kỷ 1.1. Đối với trẻ 1.2. Đối với cha mẹ trẻ 1.3. Đối với gia đình 1.4. Đối với xã hội 2. Đối tượng sàng lọc phát hiện sớm trẻ tự kỷ 2.1. Tại sao phải phát hiện sớm? 2.2. Quy trình phát hiện sớm – can thiệp sớm 2.3. Nhân lực phát hiện trẻ tự kỷ. 3. Giới thiệu một số công cụ phát hiện tự kỷ 3.1. Thang phỏng vấn chẩn đoán tự kỷ (Autism Diagnostic Interview Revised ADI – R) 3.2. Thang quan sát chẩn đoán tự kỷ (Autism Diagnostic Observation Schedule ADOS) 3.3. Thang đánh giá tự kỷ ở trẻ em (Childhood Autism Rating Scale CARS) 3.4. Thang đánh giá mức độ tự kỷ của Gilliam (GARS)	10	3	6	1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
3	<p>Chương 3: Can thiệp sớm trẻ tự kỷ</p> <p>1. Can thiệp sớm trẻ tự kỷ</p> <p>1.1. Can thiệp theo nhu cầu của trẻ</p> <p>1.2. Can thiệp toàn diện</p> <p>1.3. Dịch vụ được cung cấp theo hệ thống</p> <p>1.4. Phối hợp đa ngành và phối hợp dịch vụ</p> <p>2. Một số điều cần biết khi can thiệp</p> <p>2.1. Thời điểm can thiệp</p> <p>2.2. Cường độ</p> <p>2.3. Thời gian</p> <p>2.4. Các mô hình can thiệp hiện nay</p> <p>3. Nội dung can thiệp</p> <p>3.1. Điều trị thuốc</p> <p>3.2. Can thiệp bằng chế độ ăn</p> <p>3.3. Giáo dục hành vi</p> <p>3.4. Ngôn ngữ trị liệu</p> <p>3.5. Tìm hiểu thế giới qua các giác quan</p> <p>3.6. Hoạt động trị liệu</p> <p>3.7. Cải thiện kỹ năng xã hội</p> <p>3.8. Dạy trẻ vui chơi</p> <p>4. Sự tham gia của cha mẹ</p> <p>5. Chương trình can thiệp</p> <p>5.1. Chương trình bắt đầu (A)</p> <p>5.2. Chương trình mức độ vừa (B)</p> <p>5.3. Chương trình nâng cao (C)</p>	15	4	10	1
4	<p>Chương 4: Các kỹ thuật can thiệp sớm</p> <p>1. Hướng dẫn trẻ vui chơi</p> <p>1.1. Ý nghĩa của vui chơi đối với sự phát triển của trẻ</p> <p>1.2. Cách chơi của trẻ</p>	10	3	6	1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	2. Hướng dẫn trẻ tự chăm sóc 2.1. Nguyên tắc dạy trẻ tự chăm sóc 2.2. Cách thực hiện				
	Cộng	45	15	28	2

NỘI DUNG CHI TIẾT
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ TỰ KỶ
(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU:

1. Trình bày được khái niệm hội chứng tự kỷ; các hội chứng tự kỷ; chế độ dinh dưỡng có liên quan đến nguy cơ của tự kỷ; phân tích được các dấu hiệu, nguyên nhân gia tăng tỷ lệ mắc của tự kỷ; những rối loạn khác đi kèm với tự kỷ; các mức độ của tự kỷ; nhận diện được một số khác biệt phát triển của trẻ tự kỷ so với trẻ bình thường.

2. Nhận diện, đánh giá được các dấu hiệu của tự kỷ; một số khác biệt phát triển của trẻ tự kỷ so với trẻ bình thường; đánh giá về mức độ nặng của tự kỷ; rèn luyện các kỹ năng về ghi chép hồ sơ cá nhân, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng quan sát-lắng...

3. Quan tâm, chăm sóc và giành những gì tốt đẹp nhất cho trẻ tự kỷ trên nguyên tắc bình đẳng không phân biệt đối xử; tôn trọng và chia sẻ khi làm việc với trẻ tự kỷ và gia đình trẻ tự kỷ; có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện ý thức chuyên nghiệp, có trách nhiệm với công việc và ý thức được vai trò của bản thân.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG:

1. Hội chứng tự kỷ (1-3)

1.1. Hội chứng Asperger

1.2. Hội chứng Rett

1.3. Hội chứng thoái triển trẻ em

2. Tự kỷ điển hình (3-5)

2.1. Các dấu hiệu của tự kỷ

2.2. Những rối loạn khác đi kèm với tự kỷ

2.3. Tỷ lệ mắc chứng tự kỷ

2.4. Nguyên nhân gia tăng tỷ lệ mắc của tự kỷ

3. Nguyên nhân của tự kỷ (1, 3)

3.1. Nguyên nhân liên quan đến thời kỳ phát triển sớm của trẻ

3.2. Bệnh do gen, di truyền

3.3. Chế độ dinh dưỡng có liên quan đến nguy cơ của tự kỷ

4. Đánh giá mức độ tự kỷ (2, 3, 6)

4.1. Mức độ nhẹ

4.2. Mức độ vừa

4.3. Mức độ nặng

5. Một số khác biệt phát triển trẻ tự kỷ (1, 3)

5.1. Đặc điểm trí nhớ

5.2. Khả năng học và áp dụng kỹ năng mới

5.3. Khả năng tập trung và chú ý

5.4. Hội chứng thiên tài

CHƯƠNG 2: PHÁT HIỆN SỚM TRẺ TỰ KỶ (Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU:

1. Trình bày được tầm quan trọng phát hiện – can thiệp sớm trẻ tự kỷ; phân tích được đối tượng sàng lọc phát hiện sớm trẻ tự kỷ; các công cụ phát hiện tự kỷ.

2. Nhận diện, phát hiện những trẻ có yếu tố nguy cơ bị tự kỷ hoặc đang bị tự kỷ để có biện pháp hỗ trợ và can thiệp; rèn luyện các kỹ năng về ghi chép hồ sơ cá nhân, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng quan sát-lắng nghe, kỹ năng can thiệp - giải quyết vấn đề, kỹ năng tham vấn...

3. Tích cực, chủ động phát huy vai trò, trách nhiệm của bản thân trong công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ tự kỷ.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG:

1. Tầm quan trọng phát hiện – can thiệp sớm trẻ tự kỷ (3, 4)

1.1. Đối với trẻ

1.2. Đối với cha mẹ trẻ

1.3. Đối với gia đình

1.4. Đối với xã hội

2. Đối tượng sàng lọc phát hiện sớm trẻ tự kỷ (1, 3, 4)

2.1. Tại sao phải phát hiện sớm?

2.2. Quy trình phát hiện sớm – can thiệp sớm

2.3. Nhân lực phát hiện trẻ tự kỷ

3. Giới thiệu một số công cụ phát hiện tự kỷ (1, 3-5)

3.1. Thang phỏng vấn chẩn đoán tự kỷ (*Autism Diagnostic Interview Revised ADI – R*)

3.2. Thang quan sát chẩn đoán tự kỷ (*Autism Diagnostic Observation Schedule ADOS*)

3.3. Thang đánh giá tự kỷ ở trẻ em (*Childhood Autism Rating Scale CARS*)

3.4. Thang đánh giá mức độ tự kỷ của Gilliam (*GARS*) *Chương 4: Phát hiện sớm trẻ tự kỷ*

CHƯƠNG 3: CAN THIỆP SỚM TRẺ TỰ KỶ (Thời gian: 15 giờ)

I. MỤC TIÊU:

1. Trình bày được một số điều cần biết khi can thiệp; các mô hình can thiệp hiện nay; vai trò tham gia của cha mẹ khi can thiệp; phân tích được các nguyên tắc can thiệp sớm để thành công (theo nhu cầu, can thiệp toàn diện, có hệ thống và phối hợp đa ngành); nội dung, chương trình can thiệp trẻ tự kỷ.

2. Xây dựng được một số chương trình can thiệp dành cho trẻ tự kỷ; vận dụng các kiến thức về can thiệp sớm trẻ tự kỷ để can thiệp, giải quyết các vấn đề trẻ tự kỷ trong học tập và thực tiễn; rèn luyện kỹ năng: ghi chép hồ sơ cá nhân, kỹ năng quan sát- lắng nghe, kỹ năng can thiệp - giải quyết vấn đề, kỹ năng tham vấn...

3. Có ý thức, trách nhiệm cao trong giải quyết vấn đề trong học tập và thực tiễn; công tâm, trung thực, bảo mật; nghiêm túc, tích cực trong học tập.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG:

1. Can thiệp sớm trẻ tự kỷ (1, 3-5)

1.1. Can thiệp theo nhu cầu của trẻ

1.2. Can thiệp toàn diện (2, 3, 5)

1.3. Dịch vụ được cung cấp theo hệ thống

1.4. Phối hợp đa ngành và phối hợp dịch vụ

2. Một số điều cần biết khi can thiệp (2, 3, 5)

2.1. Thời điểm can thiệp

2.2. Cường độ

2.3. Thời gian

2.4. Các mô hình can thiệp hiện nay

3. Nội dung can thiệp (1, 3, 4)

3.1. Điều trị thuốc

3.2. Can thiệp bằng chế độ ăn

3.3. Giáo dục hành vi

3.4. Ngôn ngữ trị liệu

3.5. Tìm hiểu thế giới qua các giác quan

3.6. Hoạt động trị liệu

3.7. Cải thiện kỹ năng xã hội

3.8. Dạy trẻ vui chơi

4. Sự tham gia của cha mẹ (1, 3)

5. Chương trình can thiệp

5.1. Chương trình bắt đầu (A)

5.2. Chương trình mức độ vừa (B)

5.3. Chương trình nâng cao (C)

CHƯƠNG 4: CÁC KỸ THUẬT CAN THIỆP SỚM (Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU:

1. Trình bày được ý nghĩa của vui chơi đối với sự phát triển của trẻ tự kỷ; Phân tích được cách thực hiện kỹ năng chơi của trẻ tự kỷ; nguyên tắc dạy và cách hướng dẫn trẻ tự chăm sóc.

2. Xác định được sự phát triển kỹ năng chơi ở trẻ tự kỷ; thực hiện hoặc hướng dẫn cho cha mẹ trẻ tự kỷ các kỹ thuật can thiệp trẻ tự kỷ

3. Rèn luyện thái độ tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập và thực hành; có tinh thần tự nghiên cứu, tham gia có hiệu quả các hoạt động thực hành, thảo luận.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Hướng dẫn trẻ vui chơi (1, 3, 4, 6)

1.1. Ý nghĩa của vui chơi đối với sự phát triển của trẻ

1.2. Cách chơi của trẻ

2. Hướng dẫn trẻ tự chăm sóc (1-3)

2.1. Nguyên tắc dạy trẻ tự chăm sóc

2.2. Cách thực hiện

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

I. Phòng học chuyên môn hóa: Phòng học lý thuyết rộng rãi, thoáng mát.

II. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu projector, hoặc tivi, bút lật trang

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, tài liệu tham khảo, giấy A0, giấy màu, bút lông, tranh ảnh, bài tập tình huống...

IV. Các điều kiện khác:

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ:

I. Nội dung:

1. Kiến thức: Trình bày được kiến thức đại cương về chứng tự kỷ, nguyên nhân, một số khác biệt về phát triển của trẻ tự kỷ. Khái quát và tổng hợp các cách phát hiện sớm, can thiệp sớm với trẻ tự kỷ.

2. Về kỹ năng: Đánh giá và đề xuất được một số chương trình can thiệp sớm cho trẻ tự kỷ.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thái độ tôn trọng, chấp nhận và khả năng kiên trì trong việc giúp trẻ tự kỷ hòa nhập với cuộc sống.

II. Phương pháp:

1. Kiểm tra thường xuyên: 1 bài; thời gian: 30 phút; hình thức: tự luận.

2. Kiểm tra định kỳ: 1 bài; thời gian: 45 phút; hình thức: tự luận.

3. Thi kết thúc môn học: Tự luận 60 phút.

4. Đánh giá năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá qua việc chấp hành học tập môn học và tính tự giác, cẩn thận, nghiêm túc, tích cực tham gia các buổi học, thảo luận nhóm...

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

I. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn Công tác xã hội với trẻ em tự kỷ được sử dụng đào tạo tạo liên thông giữa trình độ trung cấp với trình độ cao đẳng ngành, nghề Công tác xã hội

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

1. Đối với nhà giáo:

- Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học giúp người học chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức, thực hành kỹ năng để đạt được mục tiêu của môn học.

- Sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học: Thảo luận nhóm, bài tập tình huống, sắm vai, hỏi đáp, trực quan...

2. Đối với người học

- Nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học.

- Hoàn thành các yêu cầu của nhà giáo đưa ra.

- Người học tham dự ít nhất 80% thời học tập bao gồm: thời gian học lý thuyết, thực hành và đáp ứng được các yêu cầu khác quy định trong chương trình môn học

- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

III. Những trọng tâm cần chú ý:

Những nội dung trọng tâm cần lưu ý.

- Các nguyên nhân và mức độ của tự kỷ
- Sàng lọc phát hiện sớm trẻ tự kỷ
- Can thiệp sớm trẻ tự kỷ
- Các kỹ thuật can thiệp sớm

IV. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Y tế. Hướng dẫn phát hiện sớm can thiệp sớm khuyết tật. : NXB Y học.; 2011.

2. Đinh Thị Hoa. Mô tả đặc điểm lâm sàng tự kỷ và bước đầu đánh giá hiệu quả can thiệp ngôn ngữ. Luận văn thạc sĩ Y học. 2009.

3. Võ Mạnh Tuấn NTAH. Giáo trình Công tác xã hội với trẻ tự kỷ: Trường CĐCD Kon Tum; 2021.

4. Vũ Thị Bích Hạnh. Tự kỷ phát hiện sớm can thiệp sớm: NXB Y học 2007.

5. Vũ Thị Bích Hạnh, Nguyễn Thanh Thủy, Hoa. ĐT. Mô tả đặc điểm lâm sàng ở trẻ tự kỷ và bước đầu nhận xét kết quả phục hồi chức năng ngôn ngữ. Y học Lâm sàng. 2010.

6. Nguyễn Thị Hương Giang. Nghiên cứu sàng lọc phát hiện sớm tự kỷ bằng M-CHAT 23, đặc điểm dịch tễ, lâm sàng và can thiệp sớm phục hồi chức năng cho trẻ nhỏ tự kỷ, Luận án Tiến sĩ Y học: ĐHYHN; 2012.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Công tác xã hội trong trường học (School Social Work)

Mã môn học: 64032041

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (lý thuyết: 15 giờ; thực hành, thảo luận: 28 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

I. Vị trí: Công tác xã hội trong trường học là môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ liên thông từ trung cấp lên cao đẳng, được bố trí học sau các môn học cơ sở.

II. Tính chất: Công tác xã hội trong trường học là môn học kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ liên thông từ trung cấp lên cao đẳng.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

I. Về kiến thức

1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về công tác xã hội trong trường học như: khái niệm, mục đích, nhu cầu của công tác xã hội trong trường học.

2. Mô tả, phân tích được tầm quan trọng của công tác xã hội trong trường học, vai trò của nhân viên công tác xã hội trong trường học.

3. Phân tích được các vấn đề công tác xã hội trong trường học, các phương pháp can thiệp công tác xã hội trong trường học.

II. Về kỹ năng

1. Làm việc nhóm hiệu quả; thuyết trình mạch lạc, rõ ràng, tự tin; nhận diện đánh giá vấn đề chính xác.

2. Phối hợp chặt chẽ với nhà trường để thực hiện phòng ngừa bạo lực học đường và trợ giúp học sinh khuyết tật, học sinh nghiện game online trong trường học một cách có hiệu quả.

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Nhận thức được vai trò của nhân viên công tác xã hội trong trường học, từ đó có thái độ ứng xử phù hợp khi thực hiện can thiệp công tác xã hội trong trường học.

2. Nâng cao ý thức trách nhiệm đối với nghề nghiệp, với môn học, có tinh thần trách nhiệm trong học tập và công tác sau khi tốt nghiệp.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Khái quát về công tác xã hội trong trường học 1. Khái niệm công tác xã hội trong trường học 2. Nhu cầu của công tác xã hội trong trường học 3. Mục đích của công tác xã hội trong trường học 4. Các giá trị định hướng của công tác xã hội trong trường học	10	3	7	
2	Chương 2: Nhân viên công tác xã hội trong trường học 1. Công việc của nhân viên công tác xã hội trong trường học 2. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong trường học 2.1. Đối với các cấp quản lý nhà trường 2.2. Đối với giáo viên 2.3. Đối với học sinh	12	5	6	1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	<p>2.4. Đối với phụ huynh học sinh</p> <p>3. Các kỹ năng cần thiết của nhân viên công tác xã hội trong trường học</p> <p>3.1. Kỹ năng giao tiếp</p> <p>3.2. Kỹ năng lắng nghe</p> <p>3.3. Kỹ năng quan sát</p> <p>3.4. Kỹ năng biện hộ</p> <p>3.5. Kỹ năng thuyết phục</p> <p>3.6. Kỹ năng tìm kiếm nguồn lực</p>				
	<p>Chương 3: Vấn đề công tác xã hội trong trường học</p> <p>1. Công tác xã hội trong trường học với vấn đề sức khỏe tâm thần</p> <p>2. Công tác xã hội trong trường học với vấn đề bạo lực trường học</p> <p>3. Công tác xã hội trường học với vấn đề học sinh khuyết tật hoà nhập</p> <p>4. Công tác xã hội trong trường học với vấn đề học sinh nghiện game online</p>	11	3	8	
	<p>Chương 4: Phương pháp và tiến trình giải quyết vấn đề công tác xã hội trong trường học</p> <p>1. Các phương pháp áp dụng trong công tác xã hội trường học</p>	12	4	7	1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	1.1. Quản lý trường hợp 1.2. Khủng hoảng và xử lý khủng hoảng 1.3. Tiếp cận tập trung vào giải pháp 2. Tiến trình giải quyết vấn đề công tác xã hội trong trường học 2.1. Tiếp nhận tình huống và hoàn thành đánh giá ban đầu 2.2. Đánh giá nhu cầu và những mặt mạnh 2.3. Xây dựng và thực hiện kế hoạch 2.4. Kết thúc				
	Cộng	45	15	28	2

NỘI DUNG CHI TIẾT
CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG TRƯỜNG HỌC
(Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm, nhu cầu, mục đích của công tác xã hội trong trường học; phân tích được sự phát triển công tác xã hội trường học trên thế giới và ở Việt Nam, các giá trị định hướng công tác xã hội trong trường học.

2. Làm việc nhóm hiệu quả; thảo luận sôi nổi, tích cực.

3. Tích cực, học tập, tự giác và có trách nhiệm với nghề nghiệp sau này.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm công tác xã hội trong trường học (1, 2)

2. Nhu cầu của công tác xã hội trong trường học (2)

3. Mục đích của công tác xã hội trong trường học (1)

4. Các giá trị định hướng của công tác xã hội trong trường học (2)

CHƯƠNG 2: NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG TRƯỜNG HỌC

(Thời gian: 12 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được một số công việc, kỹ năng và vai trò của nhân viên công tác xã hội trong trường học.

2. Giao tiếp rõ ràng; lắng nghe, quan sát, biện hộ một cách tự tin, chính xác; thuyết phục hiệu quả; tìm kiếm nguồn lực nhanh chóng.

3. Nhận thức được vai trò của nhân viên công tác xã hội trong trường học; ý thức trong việc trau dồi kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm để trở thành một nhân viên công tác xã hội trường học trong tương lai.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Công việc của nhân viên công tác xã hội trong trường học (1, 3)

2. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong trường học (3)

2.1. Đối với các cấp quản lý nhà trường

2.2. Đối với giáo viên

2.3. Đối với học sinh

2.4. Đối với phụ huynh học sinh

3. Các kỹ năng cần thiết của nhân viên công tác xã hội trường học (1)

3.1. Kỹ năng giao tiếp

3.2. Kỹ năng lắng nghe

3.3. Kỹ năng quan sát

3.4. Kỹ năng biện hộ

3.5. Kỹ năng thuyết phục

3.6. Kỹ năng tìm kiếm nguồn lực

CHƯƠNG 3: VẤN ĐỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG TRƯỜNG HỌC (Thời gian: 11 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Phân tích được các vấn đề trong trường học và công tác xã hội trong trường học.
2. Nhận diện và giải quyết các vấn đề công tác xã hội trong trường học một cách hiệu quả.
3. Tích cực, tự giác và có thái độ ứng xử phù hợp khi giải quyết các vấn đề công tác xã hội trong trường học.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Công tác xã hội trong trường học với vấn đề sức khỏe tâm thần (1)
2. Công tác xã hội trong trường học với vấn đề bạo lực trường học (4)
3. Công tác xã hội trường học với vấn đề học sinh khuyết tật hoà nhập (2)
4. Công tác xã hội trường học với vấn đề học sinh nghiện game online (3)

CHƯƠNG 4: PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG TRƯỜNG HỌC (Thời gian: 12 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả, phân tích được phương pháp và tiến trình giải quyết vấn đề trong trường học.
2. Xây dựng kế hoạch đúng yêu cầu, làm việc nhóm hiệu quả để giải quyết các vấn đề trong trường học hiện nay.
3. Ý thức vai trò, vị trí của môn học; từ đó có động lực và định hướng để trở thành những nhân viên xã hội học đường trong tương lai.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Các phương pháp áp dụng trong công tác xã hội trường học (1)

1.1. Quản lý trường học

1.2. Khủng hoảng và xử lý khủng hoảng

1.3. Tiếp cận tập trung vào giải pháp

2. Tiến trình giải quyết vấn đề công tác xã hội trong trường học (3)

2.1. Tiếp nhận tình huống và hoàn thành đánh giá ban đầu

2.2. Đánh giá nhu cầu và những mặt mạnh

2.3. Xây dựng và thực hiện kế hoạch

2.4. Kết thúc

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: phòng học lý thuyết

II. Trang thiết bị máy móc: máy tính, máy chiếu, ti vi

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, tài liệu tham khảo, giấy màu, bút lông, phấn, bảng phụ, bút viết bảng, giấy A0, giấy A4, bút chì, nam châm, kéo

IV. Các điều kiện khác: sinh viên nghiên cứu tài liệu, làm việc có trách nhiệm, hiệu quả và xây dựng kế hoạch trợ giúp các đối tượng trong trường học.

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về công tác xã hội trong trường học như: khái niệm, mục đích, nhu cầu của công tác xã hội trong trường học.

- Mô tả, phân tích được tầm quan trọng của công tác xã hội trong trường học, vai trò của nhân viên công tác xã hội trong trường học.

- Phân tích được các phương pháp, tiến trình can thiệp công tác xã hội trong trường học.

2. Kỹ năng

- Làm việc nhóm hiệu quả; thuyết trình rõ ràng, tự tin; nhận diện, đánh giá vấn đề chính xác.

- Phối hợp chặt chẽ với nhà trường để thực hiện phòng ngừa bạo lực học đường và trợ giúp học sinh khuyết tật, học sinh nghiện game online trong trường học một cách có hiệu quả.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được vai trò của nhân viên công tác xã hội trong trường học, từ đó có thái độ ứng xử phù hợp khi thực hiện can thiệp công tác xã hội trong trường học.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm đối với nghề nghiệp, với môn học, có tinh thần trách nhiệm trong học tập và công tác sau khi tốt nghiệp.

II. Phương pháp

- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài. Hình thức: tự luận. Thời gian: 30 phút

- Kiểm tra định kỳ: 1 bài. Hình thức: thảo luận nhóm, lấy điểm bài báo cáo thực hành theo nhóm

- Thi kết thúc môn học: 1 bài. Hình thức thi: tự luận. Thời gian thi: 90 phút

- Đánh giá năng lực tự chủ và trách nhiệm: đánh giá qua thời gian chấp hành học tập môn học và tính tự giác, cẩn thận, nghiêm túc, tích cực nhằm đảm bảo công bằng

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học Công tác xã hội trong trường học được sử dụng đào tạo trình độ liên thông từ trung cấp lên cao đẳng, chuyên ngành, nghề Công tác xã hội.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực.

- Sử dụng các dụng cụ trực quan trọng giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự hướng dẫn kỹ năng.

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học được quy định trong chương trình môn học.

- Điểm trung bình chung của môn học có tổng điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

- Hoàn thành nghĩa vụ đóng học phí theo quy định của nhà trường.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Khái niệm, vai trò, nhu cầu của công tác xã hội trong trường học
- Các kỹ năng cần thiết của nhân viên công tác xã hội trường học
- Các phương pháp tiếp cận và tiến trình giải quyết vấn đề công tác xã hội trong trường học
- Vai trò của nhân viên xã hội trong trường học
- Các vấn đề công tác xã hội trong trường học

IV. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Hiệp Thương. Đại cương công tác xã hội trường học. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam; 2020.
2. Lê Hải Thanh. Công tác xã hội đại cương. TP Hồ Chí Minh: NXB Đại học Quốc gia; 2015.
3. Nguyễn Thanh Bình. Công tác xã hội với gia đình, cộng đồng và hệ thống nhà trường. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam; 2007.
4. Lương Quang Hưng. Công tác xã hội với vấn đề bạo lực học đường. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam; 2020.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Công tác xã hội trong bệnh viện (Medical Social Work)

Mã môn học: 64032047

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (lý thuyết: 15 giờ; thực hành, thảo luận: 28 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

I. Vị trí: Công tác xã hội trong bệnh viện là môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ liên thông từ trung cấp lên cao đẳng, được bố trí học sau các môn học cơ sở.

II. Tính chất: Công tác xã hội trong bệnh viện là môn học kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ liên thông từ trung cấp lên cao đẳng.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

I. Về kiến thức

1. Trình bày được những kiến thức cơ bản, tổng quan về công tác xã hội trong bệnh viện.

2. Mô tả, phân tích được vai trò của nhân viên xã hội trong bệnh viện cũng như các phương pháp can thiệp, hỗ trợ công tác xã hội trong bệnh viện phù hợp.

3. Phân tích được quy trình thực hành công tác xã hội trong bệnh viện.

II. Về kỹ năng

1. Lập kế hoạch, khai thác thông tin liên quan tới thân chủ, nhóm thân chủ trong bệnh viện và hỗ trợ cho các đối tượng khác nhau trong bệnh viện một cách có hiệu quả.

2. Can thiệp, giải quyết hiệu quả các vấn đề về công tác xã hội trong bệnh viện và các vấn đề khác trong học tập và thực tiễn.

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Tích cực nghiên cứu, nâng cao trình độ và tham gia vào các hoạt động nhằm bảo vệ quyền lợi cho các nhóm đối tượng yếu thế trong bệnh viện.

2. Nâng cao ý thức trách nhiệm đối với nghề nghiệp, với môn học, có tinh thần trách nhiệm trong học tập và công tác sau khi tốt nghiệp.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	<p>Chương 1: Khái quát chung về công tác xã hội trong bệnh viện</p> <p>1. Một số khái niệm</p> <p>1.1. Khái niệm sức khỏe</p> <p>1.2. Khái niệm công tác xã hội trong bệnh viện</p> <p>2. Mục đích và chức năng của công tác xã hội trong bệnh viện</p> <p>2.1. Mục đích của công tác xã hội trong bệnh viện</p> <p>2.2. Chức năng của công tác xã hội trong bệnh viện</p> <p>3. Nguyên tắc hoạt động và yêu cầu của người làm công tác xã hội trong bệnh viện</p> <p>3.1. Nguyên tắc hoạt động</p> <p>3.2. Yêu cầu đối với người làm công tác xã hội trong bệnh viện</p>	14	4	10	

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	<p>4. Một số hoạt động trọng tâm của công tác xã hội trong bệnh viện</p> <p>4.1. Hoạt động trợ giúp người bệnh gặp khó khăn khi khám, chữa bệnh</p> <p>4.2. Huy động và điều phối nguồn lực hỗ trợ cho người bệnh và bệnh viện</p> <p>4.3. Hoạt động hỗ trợ nhân viên y tế</p> <p>4.4. Truyền thông về công tác xã hội</p> <p>4.5. Đào tạo, bồi dưỡng</p> <p>5. Một số chính sách pháp luật có liên quan</p> <p>5.1. Luật khám bệnh, chữa bệnh</p> <p>5.2. Luật bảo hiểm y tế</p> <p>5.3. Thông tư quy định nhiệm vụ và hình thức tổ chức, thực hiện nhiệm vụ công tác xã hội của bệnh viện</p>				
2	Chương 2. Một số phương pháp can thiệp và kỹ năng của người làm công tác xã hội trong bệnh viện	15	6	8	1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	<p>1. Một số phương pháp can thiệp của công tác xã hội trong bệnh viện</p> <p>1.1. Quản lý trường hợp, quản lý ca trong bệnh viện</p> <p>1.2. Công tác xã hội nhóm trong bệnh viện</p> <p>1.3. Truyền thông về công tác xã hội trong bệnh viện</p> <p>1.4. Tham vấn tâm lý trong bệnh viện</p> <p>2. Một số kỹ năng của người làm công tác xã hội trong bệnh viện</p> <p>2.1. Kỹ năng giao tiếp</p> <p>2.2. Kỹ năng quan sát, lắng nghe</p> <p>2.3. Kỹ năng phản hồi, đặt câu hỏi</p> <p>2.4. Kỹ năng thấu cảm</p> <p>2.5. Kỹ năng lập kế hoạch và quản lý khủng hoảng truyền thông</p> <p>2.6. Kỹ năng huy động và điều phối nguồn lực</p>				
	Chương 3. Quy trình thực hành công tác xã hội trong bệnh viện	16	5	10	1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	1. Quy trình hỗ trợ người bệnh 2. Quy trình vận động, tiếp nhận và điều phối nguồn lực 3. Quy trình tổ chức sự kiện 4. Quy trình truyền thông 5. Quy trình quản lý trường hợp, ca 6. Quy trình làm việc nhóm 7. Quy trình tham vấn tâm lý				
	Cộng	45	15	28	2

NỘI DUNG CHI TIẾT
CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG BỆNH
VIỆN
(Thời gian: 14 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các kiến thức khái quát về công tác xã hội trong bệnh viện như: khái niệm, mục đích, chức năng, nguyên tắc hoạt động; phân tích được yêu cầu đối với nhân viên xã hội, một số hoạt động trọng tâm và các chính sách pháp luật có liên quan đến công tác xã hội trong bệnh viện.

2. Trợ giúp, huy động các nguồn lực hỗ trợ cho người bệnh khi gặp khó khăn một cách hiệu quả.

3. Nâng cao nhận thức ngành nghề, có ý thức trong việc hỗ trợ, giúp đỡ các đối tượng trong bệnh viện.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Một số khái niệm liên quan (1)

1.1. Khái niệm sức khoẻ**1.2. Khái niệm công tác xã hội trong bệnh viện****2. Mục đích và chức năng của công tác xã hội trong bệnh viện (1)****2.1. Mục đích của công tác xã hội trong bệnh viện****2.2. Chức năng của công tác xã hội trong bệnh viện****3. Nguyên tắc hoạt động, yêu cầu của người làm công tác xã hội trong bệnh viện (1)****3.1. Nguyên tắc hoạt động****3.2. Yêu cầu của người làm công tác xã hội trong bệnh viện****4. Một số hoạt động trọng tâm của công tác xã hội trong bệnh viện (1)****4.1. Hoạt động trợ giúp người bệnh gặp khó khăn khi khám, chữa bệnh****4.2. Huy động, điều phối nguồn lực hỗ trợ cho người bệnh và bệnh viện****4.3. Hoạt động hỗ trợ nhân viên y tế****4.4. Truyền thông về công tác xã hội****4.5. Đào tạo, bồi dưỡng****5. Một số chính sách pháp luật có liên quan****5.1. Luật khám bệnh, chữa bệnh (2)****5.2. Luật bảo hiểm y tế (3)****5.3. Thông tư quy định nhiệm vụ và hình thức tổ chức, thực hiện nhiệm vụ công tác xã hội của bệnh viện (4)****CHƯƠNG 2: MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP CAN THIỆP VÀ KỸ NĂNG CỦA NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG BỆNH VIỆN****(Thời gian: 15 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Phân tích được các phương pháp can thiệp và một số kỹ năng của người làm công tác xã hội trong bệnh viện.

2. Thực hiện thành thạo các kỹ năng giao tiếp, quan sát, làm việc nhóm, truyền thông, tham vấn tâm lý, phản hồi, đặt câu hỏi, thấu cảm, lập kế hoạch, quản lý khủng hoảng trong truyền thông, huy động và điều phối nguồn lực.

3. Trau dồi kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm để trở thành một nhân viên công tác xã hội bệnh viện trong tương lai.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Một số phương pháp can thiệp công tác xã hội trong bệnh viện (1)

1.1. Quản lý trường hợp, quản lý ca trong bệnh viện

1.2. Công tác xã hội nhóm trong bệnh viện

1.3. Truyền thông về công tác xã hội trong bệnh viện

1.4. Tham vấn tâm lý trong bệnh viện

2. Một số kỹ năng của người làm công tác xã hội trong bệnh viện (1)

2.1. Kỹ năng giao tiếp

2.2. Kỹ năng quan sát, lắng nghe

2.3. Kỹ năng phản hồi, đặt câu hỏi

2.4. Kỹ năng thấu cảm

2.5. Kỹ năng lập kế hoạch và quản lý khủng hoảng truyền thông

2.6. Kỹ năng huy động và điều phối nguồn lực

CHƯƠNG 3: QUY TRÌNH THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG BỆNH VIỆN

(Thời gian: 16 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Phân tích được quy trình thực hành công tác xã hội trong bệnh viện: quy trình hỗ trợ người bệnh, quy trình vận động tiếp nhận và điều phối nguồn lực, quy trình tổ chức sự kiện, quy trình truyền thông, quy trình quản lý trường hợp, quy trình làm việc nhóm, quy trình tham vấn tâm lý.

2. Tham vấn tâm lý, tổ chức sự kiện đạt hiệu quả, huy động nguồn lực đúng quy định.

3. Nâng cao năng lực cá nhân, ý thức trong việc trau dồi kiến thức để trở thành một nhân viên công tác xã hội phù hợp với tình hình thực tế trong tương lai.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Quy trình hỗ trợ người bệnh (1)

2. Quy trình vận động, tiếp nhận và điều phối nguồn lực

3. Quy trình tổ chức sự kiện

4. Quy trình truyền thông

5. Quy trình quản lý trường hợp, ca (1)

6. Quy trình làm việc nhóm

7. Quy trình tham vấn tâm lý

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: phòng học lý thuyết

II. Trang thiết bị máy móc: máy tính, máy chiếu, ti vi

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, tài liệu tham khảo, giấy màu, bút lông, phấn, bảng phụ, bút viết bảng, giấy A0, giấy A4, bút chì, nam châm, kéo

IV. Các điều kiện khác: sinh viên nghiên cứu tài liệu, làm việc có trách nhiệm, hiệu quả; sinh viên tham quan phòng công tác xã hội tại bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum, tiếp cận học hỏi kinh nghiệm và quan sát nhân viên công tác xã hội trong bệnh viện

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Trình bày được những kiến thức cơ bản, tổng quan về công tác xã hội trong bệnh viện.

- Mô tả, phân tích được vai trò của nhân viên xã hội trong bệnh viện cũng như các phương pháp can thiệp, hỗ trợ công tác xã hội trong bệnh viện phù hợp.

- Phân tích được quy trình thực hành trong công tác xã hội bệnh viện.

2. Kỹ năng

- Lập kế hoạch, khai thác thông tin liên quan tới thân chủ, nhóm thân chủ trong bệnh viện và hỗ trợ cho các đối tượng khác nhau trong bệnh viện một cách có hiệu quả.

- Vận dụng các kiến thức đã học để can thiệp, giải quyết các vấn đề về công tác xã hội trong bệnh viện và các vấn đề khác trong học tập và thực tiễn.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Tích cực nghiên cứu, nâng cao trình độ và tham gia vào các hoạt động nhằm bảo vệ quyền lợi cho các nhóm đối tượng yếu thế trong bệnh viện.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm đối với nghề nghiệp, với môn học, có tinh thần trách nhiệm trong học tập và công tác sau khi tốt nghiệp.

II. Phương pháp

- Kiểm tra thường xuyên: 01 bài, Hình thức: tự luận. Thời gian: 30 phút

- Kiểm tra định kỳ: 01 bài. Hình thức: lấy điểm bài báo cáo thực hành theo nhóm

- Thi kết thúc môn học: 01 bài, hình thức thi: tự luận, thời gian thi: 90 phút

- Đánh giá năng lực tự chủ và trách nhiệm: đánh giá qua thời gian chấp hành học tập môn học và tính tự giác, cẩn thận, nghiêm túc, tích cực nhằm đảm bảo công bằng.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học Công tác xã hội trong bệnh viện được sử dụng đào tạo trình độ liên thông từ trung cấp lên cao đẳng, chuyên ngành Công tác xã hội.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực.

- Sử dụng các dụng cụ trực quan trọng giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học được quy định trong chương trình môn học.

- Điểm trung bình chung của môn học có tổng điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

- Hoàn thành nghĩa vụ đóng học phí theo quy định của nhà trường.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Khái niệm công tác xã hội trong bệnh viện, các mục đích, nguyên tắc, một số hoạt động trọng tâm của công tác xã hội trong bệnh viện và một số chính sách pháp luật có liên quan

- Các phương pháp can thiệp trong công tác xã hội bệnh viện

- Các kỹ năng của người làm công tác xã hội trong bệnh viện

- Quy trình thực hành công tác xã hội trong bệnh viện

IV. Tài liệu tham khảo

1. TS. Phạm Tiến Nam. Tài liệu Công tác xã hội trong bệnh viện. Hà Nội: NXB Lao động-Xã hội; 2019.

2. Quốc hội. Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12. Hà Nội. 2009.

3. Quốc hội. Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12. Hà Nội. 2008.

4. Bộ Y tế. Thông tư số 43/2015/TT-BYT ngày 26/11/2015 về nhiệm vụ và hình thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác xã hội trong bệnh viện. Hà Nội. 2015.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Công tác xã hội với người cao tuổi (Social work with the elderly)

Mã môn học: 64032029

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (lý thuyết: 15 giờ; thực hành, thảo luận: 28 giờ; kiểm tra: 02 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

I. Vị trí

Môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội trình độ liên thông từ trung cấp lên cao đẳng.

II. Tính chất

Đây là môn học bắt buộc của ngành, nghề Công tác xã hội; môn học kết hợp giữa lý thuyết và thực hành. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cần thiết để thực hiện tốt công tác thực hành và làm việc với đối tượng người cao tuổi.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

I. Về kiến thức

1. Trình bày được các kiến thức cơ sở lý thuyết về công tác xã hội với người cao tuổi như: khái niệm, đặc điểm tâm sinh lý, nhu cầu của người cao tuổi.
2. Phân tích được một số nội dung luật liên quan, chính sách xã hội và xu hướng phát triển công tác xã hội đối với người cao tuổi.
3. Vận dụng được các kiến thức luật, nghị định liên quan đến người cao tuổi trong học bộ môn và công tác sau này.

II. Về kỹ năng

1. Phát triển được các kỹ năng cơ bản của nhân viên công tác xã hội trong lĩnh vực trợ giúp người cao tuổi: phân tích, quan sát, lắng nghe, thấu cảm, tóm tắt, diễn giải, đặt câu hỏi, tự bộc lộ, vận động và kết nối nguồn lực...

2. Rèn luyện kỹ năng phân tích; đánh giá vấn đề; kỹ năng can thiệp - giải quyết vấn đề; kỹ năng tham vấn.

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Yêu thích môn học để từ đó có trách nhiệm với việc học tập của bản thân và nghề nghiệp trong tương lai.

2. Luôn có ý thức học hỏi, có khả năng phát huy những kỹ năng cơ bản nhân viên công tác xã hội, góp phần hình thành thái độ, ý thức trách nhiệm xã hội - nghề nghiệp tích cực.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Những vấn đề chung 1. Khái quát về công tác xã hội với người cao tuổi 1.1. Khái niệm về người cao tuổi 1.2. Khái niệm về công tác xã hội với người cao tuổi 1.3. Vai trò của người cao tuổi 1.4. Thực trạng và xu hướng người cao tuổi 2. Các đặc điểm tâm sinh lý và nhu cầu người cao tuổi (1) (2) 2.1. Các đặc điểm tâm sinh lý 2.2. Nhu cầu của người cao tuổi	8	4	4	

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	<p>3. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong lĩnh vực trợ giúp người cao tuổi</p> <p>3.1. Người tạo khả năng</p> <p>3.2. Người điều phối – kết nối dịch vụ</p> <p>3.3. Người giáo dục</p> <p>3.4. Người biện hộ</p> <p>3.5. Người tạo môi trường thuận lợi</p> <p>3.6. Người đánh giá và giám sát</p> <p>4. Các văn bản pháp luật và chính sách liên quan đến người cao tuổi</p> <p>4.1. Những chủ trương của Đảng</p> <p>4.2. Luật pháp và chính sách của Nhà nước</p>				
2	<p>Chương 2: Một số vấn đề của người cao tuổi và cách thức trợ giúp</p> <p>1. Một số vấn đề của người cao tuổi</p> <p>1.1. Vấn đề sức khỏe</p> <p>1.2. Vấn đề tâm lý</p> <p>1.3. Vấn đề kinh tế</p> <p>2. Tiến trình trợ giúp</p>	12	3	8	1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	2.1. Tiếp cận người cao tuổi 2.2. Xác định vấn đề 2.3. Thu thập dữ liệu 2.4. Chẩn đoán 2.5. Lên kế hoạch trợ giúp 2.6. Trợ giúp 2.7. Đánh giá				
3	Chương 3: Các kỹ năng cơ bản trong lĩnh vực trợ giúp người cao tuổi 1. Kỹ năng quan sát, lắng nghe (2) 1.1. Kỹ năng quan sát 1.2. Kỹ năng lắng nghe 2. Kỹ năng xử lý im lặng 3. Kỹ năng thấu cảm (3) 4. Kỹ năng tóm tắt, diễn giải 4.1. Kỹ năng tóm tắt 4.2. Kỹ năng giảng giải 5. Kỹ năng đặt câu hỏi (2) 6. Kỹ năng tự bộc lộ 7. Kỹ năng vận động và kết nối nguồn lực 8. Kỹ năng điều phối	12	4	8	

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
4	<p>Chương 4: Công tác xã hội với người cao tuổi</p> <p>1. Luật người cao tuổi</p> <p>2. Công tác xã hội với người cao tuổi tại Việt Nam (4)</p> <p>2.1. Những kết quả ban đầu trong phát triển công tác xã hội chuyên nghiệp ở Việt Nam và những khó khăn đặt ra</p> <p>2.2. Định hướng phát triển công tác xã hội với người cao tuổi</p> <p>3. Một số loại hình chăm sóc, hỗ trợ của nhân viên xã hội với người cao tuổi (4)</p> <p>4. Bài tập tình huống giúp đỡ người cao tuổi</p>	13	4	8	1
Cộng		45	15	28	2

NỘI DUNG CHI TIẾT
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG
(Thời gian: 8 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái quát công tác xã hội với người cao tuổi như: khái niệm, thực trạng xu hướng, các đặc điểm tâm sinh lý và nhu cầu của người cao tuổi.
2. Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phân tích, kỹ năng đánh giá nhu cầu, kỹ năng thu thập thông tin...
3. Ý thức được vai trò và trách nhiệm của bản thân đối với người cao tuổi.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái quát về công tác xã hội với người cao tuổi

1.1. Khái niệm về người cao tuổi (5)

1.2. Khái niệm về công tác xã hội với người cao tuổi

1.3. Vai trò của người cao tuổi

1.4. Thực trạng và xu hướng người cao tuổi

2. Các đặc điểm tâm sinh lý và nhu cầu người cao tuổi (1) (2)

2.1. Các đặc điểm tâm sinh lý

2.2. Nhu cầu của người cao tuổi

3. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong lĩnh vực trợ giúp người cao tuổi

3.1. Người tạo khả năng

3.2. Người điều phối – kết nối dịch vụ

3.3. Người giáo dục

3.4. Người biện hộ

3.5. Người tạo môi trường thuận lợi

3.6. Người đánh giá và giám sát

4. Các văn bản pháp luật và chính sách liên quan đến người cao tuổi

4.1. Những chủ trương của Đảng

4.2. Luật pháp và chính sách của Nhà nước (6, 7)

CHƯƠNG 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA NGƯỜI CAO TUỔI VÀ CÁCH THỨC TRỢ GIÚP (Thời gian: 12 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được tiến trình trợ giúp người cao tuổi; giải thích được các vấn đề của người cao tuổi.

2. Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng đánh giá nhu cầu, kỹ năng thu thập thông tin...

3. Ý thức được vai trò và trách nhiệm của bản thân đối với người cao tuổi.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Một số vấn đề của người cao tuổi

1.1. Vấn đề sức khỏe

1.2. Vấn đề tâm lý

1.3. Vấn đề kinh tế

2. Tiến trình trợ giúp (3)

2.1. Tiếp cận người cao tuổi

2.2. Xác định vấn đề

2.3. Thu thập dữ liệu

2.4. Chẩn đoán

2.5. Lên kế hoạch trợ giúp

2.6. Trợ giúp

2.7. Đánh giá

CHƯƠNG 3: CÁC KỸ NĂNG CƠ BẢN TRONG LĨNH VỰC TRỢ GIÚP NGƯỜI CAO TUỔI (Thời gian: 12 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Phân tích được các kỹ năng cơ bản trong lĩnh vực trợ giúp người cao tuổi.

2. Phát triển được các kỹ năng cơ bản của nhân viên công tác xã hội trong lĩnh vực trợ giúp người cao tuổi: phân tích, quan sát, lắng nghe, thấu cảm, tóm tắt, diễn giải, đặt câu hỏi, tự bộc lộ, vận động và kết nối nguồn lực...

3. Luôn có ý thức học hỏi, có khả năng phát huy những kỹ năng cơ bản nhân viên công tác xã hội, góp phần hình thành thái độ, ý thức trách nhiệm xã hội - nghề nghiệp tích cực.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Kỹ năng quan sát, lắng nghe (2)

1.1. Kỹ năng quan sát

1.2. Kỹ năng lắng nghe

2. Kỹ năng xử lý im lặng
3. Kỹ năng thấu cảm (3)
4. Kỹ năng tóm tắt, diễn giải
 - 4.1. Kỹ năng tóm tắt
 - 4.2. Kỹ năng giảng giải
5. Kỹ năng đặt câu hỏi (2)
6. Kỹ năng tự bộc lộ
7. Kỹ năng vận động và kết nối nguồn lực
8. Kỹ năng điều phối

CHƯƠNG 4: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI CAO TUỔI (Thời gian: 13 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được các định hướng phát triển công tác xã hội với người cao tuổi; vận dụng được tiến trình công tác xã hội với người cao tuổi vào việc xử lý và giải quyết bài tập tình huống.
2. Rèn luyện các kỹ năng: đánh giá nhu cầu; xây dựng kế hoạch; kỹ năng lượng giá...
3. Có sự say mê, hứng thú trong quá trình học tập; tích cực tham gia các hoạt động trợ giúp người cao tuổi.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Luật người cao tuổi (5)
2. Công tác xã hội với người cao tuổi tại Việt Nam (4)
 - 2.1. *Những kết quả ban đầu trong phát triển công tác xã hội chuyên nghiệp ở Việt Nam và những khó khăn đặt ra*
 - 2.2. *Định hướng phát triển công tác xã hội với người cao tuổi*
3. Một số loại hình chăm sóc, hỗ trợ của nhân viên xã hội với người cao tuổi (4)
4. Bài tập tình huống giúp đỡ người cao tuổi

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết.

II. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, đèn chiếu, phần mềm hỗ trợ...

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, tài liệu tham khảo, giấy A0, giấy màu, bút lông, tranh ảnh, bảng phụ, bài tập tình huống...

IV. Các điều kiện khác:

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Phân tích được những kiến thức cơ bản về đặc điểm tâm sinh lý của người cao tuổi;

- Áp dụng được kiến thức vận động và kết nối nguồn lực; tiến trình giải quyết vấn đề để lên kế hoạch trợ giúp người cao tuổi.

2. Kỹ năng

Phát triển được các kỹ năng cơ bản của nhân viên công tác xã hội trong lĩnh vực trợ giúp người cao tuổi: phân tích, quan sát, lắng nghe, thấu cảm, tóm tắt, diễn giải, đặt câu hỏi, tự bộc lộ, vận động và kết nối nguồn lực...

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Yêu thích môn học, từ đó có trách nhiệm với việc học tập của bản thân và nghề nghiệp trong tương lai;

- Nhận thức được vai trò của nhân viên công tác xã hội với đối tượng người cao tuổi, có thái độ ứng xử phù hợp khi thực hiện can thiệp công tác xã hội với người cao tuổi.

II. Phương pháp

- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 bài; hình thức: tự luận; thời gian: 30 phút;

- Kiểm tra định kỳ (hệ số 2): 1 bài thực hành thuộc nội dung chương trình giảng dạy;

- Thi kết thúc môn học, hình thức: tự luận; thời gian: 60 phút.

- Đánh giá năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá qua thời gian chấp hành học tập môn học và tính tự giác, cẩn thận, nghiêm túc, tích cực nhằm đảm bảo công bằng.

E. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học Công tác xã hội với người cao tuổi được sử dụng đào tạo trình độ liên thông từ trung cấp lên cao đẳng, chuyên ngành Công tác xã hội.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực: phương pháp nêu vấn đề, giải thích, phân tích, chứng minh, thảo luận (có sử dụng các thiết bị giáo dục hiện đại);

- Sử dụng các dụng cụ trực quan trọng giảng dạy để học sinh tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

2. Đối với người học

- Tham dự ít nhất 80% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học được quy định trong chương trình môn học;

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;

- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Các đặc điểm tâm sinh lý và nhu cầu người cao tuổi.

- Luật người cao tuổi.

- Các kỹ năng cơ bản trong lĩnh vực trợ giúp người cao tuổi.

- Tiến trình trợ giúp người cao tuổi.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Đồng. Tâm lý học phát triển, giai đoạn thanh niên đến tuổi già. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia; 2007.

2. Chu Vĩnh Bình. Cuộc sống người cao tuổi. Hà Nội: NXB Thế giới; 2006.

3. Trần Thị Minh Đức. Giáo trình Tham vấn tâm lý. Hà Nội: NXB Đại học quốc gia; 2009.

4. Đại học Lao động - Xã hội. Giáo trình Công tác xã hội cá nhân và gia đình. Hà Nội: NXB Lao động - Xã hội; 2010.

5. Bộ Tư pháp. Luật người cao tuổi. Hà Nội: NXB Tư pháp; 2010.

6. Quốc hội. Luật Lao động số 45/2019/QH14; 2019.

7. Quốc hội. Luật Hình sự số 100/2015/QH13; 2015.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tham vấn (Consultation)

Mã môn học: 64033038

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (lý thuyết: 30 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 27 giờ; kiểm tra 03 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

I. Vị trí:

Môn học Tham vấn thuộc khối môn học chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành, nghề công tác xã hội, trình độ cao đẳng, được bố trí sau các môn học cơ sở và một số môn học chuyên ngành.

II. Tính chất môn học:

Là môn học chuyên ngành bắt buộc đối với ngành, nghề công tác xã hội, liên thông giữa trình độ trung cấp với trình độ cao đẳng.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

I. Về kiến thức

1. Trình bày được đối tượng nghiên cứu, mục đích của tham vấn; các khái niệm liên quan.

2. Phân tích được các hình thức tham vấn; các nguyên tắc đạo đức trong tham vấn.

3. Trình bày được khái niệm và phân tích được các kỹ thuật trong thực hiện kỹ năng lắng nghe, kỹ năng quan sát, kỹ năng phản hồi, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phát hiện và chống kì thị, kỹ năng thấu hiểu trong tham vấn.

II. Về kỹ năng

1. Nhận diện và giải quyết được các tình huống cần tham vấn cụ thể trong học tập và cuộc sống.

2. Rèn luyện các kỹ năng về ghi chép hồ sơ cá nhân, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng truyền thông, kỹ năng quan sát - lắng nghe...

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Có trách nhiệm với công việc và ý thức được vai trò của bản thân.
2. Nhận thức được những khó khăn thường gặp phải đối với nhà tham vấn trong quá trình làm việc với thân chủ.
3. Tư duy nhanh nhẹn, sắc bén, chủ động, suy nghĩ tích cực trước các vấn đề trong thực tiễn; có thái độ đúng mực, chuyên nghiệp của nhà tham vấn; tích cực, chủ động, nghiêm túc trong học tập.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Những vấn đề chung về tham vấn 1. Các khái niệm 1.1. Khái niệm tham vấn 1.2. Một số khái niệm liên quan 2. Đối tượng nghiên cứu của tham vấn 2.1. Thân chủ 2.2. Vấn đề của thân chủ 3. Mục đích, nhiệm vụ của tham vấn 3.1. Mục đích của tham vấn 3.2. Nhiệm vụ của tham vấn 4. Các hình thức tham vấn 4.1. Tham vấn cá nhân 4.2. Tham vấn nhóm 4.3. Tham vấn gia đình 5. Nguyên tắc đạo đức 5.1. Nguyên tắc tôn trọng thân chủ 5.2. Nguyên tắc tin tưởng vào khả năng giải quyết vấn đề của thân chủ 5.3. Nguyên tắc bí mật 5.4. Nguyên tắc nhà tham vấn không gắn mình vào các mối quan hệ cá nhân với thân chủ hay còn gọi	15	10	4	1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	là “mối quan hệ nhiều tuyến với thân chủ” 5.5. Nguyên tắc thân chủ là trọng tâm				
2	Chương 2: Kỹ năng tham vấn 1. Kỹ năng lắng nghe 1.1. Sự khác nhau giữa nghe và lắng nghe 1.2. Các cấp độ lắng nghe 2. Kỹ năng quan sát 2.1. Khái niệm 2.2. Lợi ích của việc quan sát 2.3. Những điểm cần quan sát 3. Kỹ năng phản hồi 3.1. Vai trò của phản hồi 3.2. Một số phương pháp phản hồi 3.3. Những điều nên và không nên làm khi phản hồi 4. Kỹ năng đặt câu hỏi 4.1. Tầm quan trọng của việc đặt câu hỏi trong tham vấn 4.2. Các dạng câu hỏi sử dụng trong tham vấn 4.3. Một số vấn đề có thể nảy sinh khi đặt câu hỏi và phương cách kiểm soát 5. Kỹ năng phát hiện và chống kỳ thị 5.1. Khái niệm về kỳ thị 5.2. Nhận diện kỳ thị 5.3. Chống kỳ thị 6. Kỹ năng thấu hiểu 6.1. Khái niệm thấu hiểu 6.2. Các mức độ biểu hiện thấu hiểu	22	10	11	1
3	Chương 3: Tiến trình tham vấn 1. Xây dựng mối quan hệ 2. Thu thập thông tin, đánh giá và xác định vấn đề 3. Thiết lập và thống nhất mục tiêu	23	10	12	1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	và giải pháp thực hiện 4. Can thiệp và giải quyết vấn đề 5. Lượng giá và kết thúc 6. Theo dõi sau kết thúc				
	Cộng	60	30	27	3

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THAM VẤN

(Thời gian: 15 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được đối tượng nghiên cứu của tham vấn; mục đích của tham vấn; trình bày được các khái niệm: Tư vấn, cố vấn, trị liệu tâm lý; Phân tích được các hình thức tham vấn: tham vấn cá nhân, nhóm, gia đình.

2. Thực hành kỹ năng nhận diện và vận dụng các hình thức tham vấn phù hợp với vấn đề của thân chủ.

3. Nhận thức được những khó khăn thường gặp phải đối với nhà tham vấn trong quá trình làm việc với thân chủ; có thái độ đúng mực, chuyên nghiệp của nhà tham vấn; tích cực, chủ động, nghiêm túc trong học tập.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Các khái niệm (1-3)

1.1. Khái niệm tham vấn

1.2. Một số khái niệm liên quan

2. Đối tượng nghiên cứu của tham vấn (1, 2)

2.1. Thân chủ

2.2. Vấn đề của thân chủ

3. Mục đích, nhiệm vụ của tham vấn (1, 2, 4)

3.1. Mục đích của tham vấn

3.2. Nhiệm vụ của tham vấn

4. Các hình thức tham vấn (1-3)

4.1. Tham vấn cá nhân

4.2. Tham vấn nhóm

4.3. Tham vấn gia đình

5. Nguyên tắc đạo đức (2)

5.1. Nguyên tắc tôn trọng thân chủ

5.2. Nguyên tắc tin tưởng vào khả năng giải quyết vấn đề của thân chủ

5.3. Nguyên tắc bí mật

5.4. Nguyên tắc nhà tham vấn không gắn mình vào các mối quan hệ cá nhân với thân chủ hay còn gọi là “mối quan hệ nhiều tuyến với thân chủ”

5.5. Nguyên tắc thân chủ là trọng tâm

CHƯƠNG 2: KỸ NĂNG THAM VẤN

(Thời gian: 22 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm lắng nghe, kỹ năng quan sát, kỹ năng phản hồi, vai trò của phản hồi, một số lưu ý để lắng nghe chủ động, lợi ích của việc quan sát, tầm quan trọng của việc đặt câu hỏi trong tham vấn, một số phương pháp phản hồi.

2. So sánh được sự khác nhau giữa nghe và lắng nghe.

3. Phân tích được các cấp độ của lắng nghe, những điểm cần quan sát, các dạng câu hỏi sử dụng trong tham vấn.

4. Thực hiện tốt việc lắng nghe, quan sát, phản hồi trong cuộc sống, học tập, công việc một cách hiệu quả và khoa học

5. Bảo mật, tôn trọng, thấu cảm, sẻ chia với thân chủ, những người xung quanh; Có ý thức, trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp trong giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Kỹ năng lắng nghe (1-3, 5)

1.1. Sự khác nhau giữa nghe và lắng nghe

1.2. Các cấp độ lắng nghe**2. Kỹ năng quan sát (2, 5)****2.1. Khái niệm****2.2. Lợi ích của việc quan sát****2.3. Những điểm cần quan sát****3. Kỹ năng phản hồi (2, 5)****3.1. Vai trò của phản hồi****3.2. Một số phương pháp phản hồi****3.3. Những điều nên và không nên làm khi phản hồi****4. Kỹ năng đặt câu hỏi (2, 5)****4.1. Tầm quan trọng của việc đặt câu hỏi trong tham vấn****4.2. Các dạng câu hỏi sử dụng trong tham vấn****4.3. Một số vấn đề có thể nảy sinh khi đặt câu hỏi và phương cách kiểm soát****5. Kỹ năng phát hiện và chống kỳ thị (1-3)****5.1. Khái niệm về kỳ thị****5.2. Nhận diện kỳ thị****5.3. Chống kỳ thị****6. Kỹ năng thấu hiểu (2)****6.1. Khái niệm thấu hiểu****6.2. Các mức độ biểu hiện thấu hiểu****CHƯƠNG 3: TIẾN TRÌNH THAM VẤN****(Thời gian: 23 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được một số lưu ý trong tiến trình tham vấn; phân tích được các giai đoạn trong tiến trình tham.

2. Thực hiện được việc can thiệp, giải quyết các vấn đề trong quá trình làm việc với thân chủ, trong học tập và thực tiễn đạt hiệu quả; rèn luyện các kỹ năng

về ghi chép hồ sơ cá nhân, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng quan sát-lắng nghe.

3. Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện ý thức chuyên nghiệp, có trách nhiệm với công việc và ý thức được vai trò của bản thân; có thái độ hòa nhã, biết kiềm chế trước các hành động thiếu tôn trọng của thân chủ và giải quyết nó theo hướng tích cực nhất; tích cực, chủ động, nghiêm túc trong học tập.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Xây dựng mối quan hệ (2-5)

2. Thu thập thông tin, đánh giá và xác định vấn đề (2, 4)

3. Thiết lập và thống nhất mục tiêu và giải pháp thực hiện (2-5)

4. Can thiệp và giải quyết vấn đề (1, 2, 5)

5. Lượng giá và kết thúc (1, 2, 5)

6. Theo dõi sau kết thúc (1, 2, 5)

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn hóa: Phòng học lý thuyết rộng rãi, thoáng mát.

II. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, đèn chiếu, phần mềm hỗ trợ...

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, tài liệu tham khảo, giấy A0, A4, giấy màu, bút lông, tranh ảnh, bài tập tình huống...

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Trình bày các khái niệm: Tư vấn, cố vấn, trị liệu tâm lý, kỹ năng quan sát, lợi ích của việc quan sát, kỹ năng phản hồi.

- Trình bày vai trò của phản hồi, tầm quan trọng của việc đặt câu hỏi trong tham vấn, một số phương pháp phản hồi, vì sao nói tham vấn là một nghề nghiệp đầy thách thức;

- So sánh sự khác biệt giữa tham vấn và tư vấn.

- Phân tích hình thức tham vấn: tham vấn cá nhân, tham vấn nhóm; các dạng câu hỏi sử dụng trong tham vấn; các cấp độ của lắng nghe, một số lưu ý để lắng nghe chủ động; kỹ năng phát hiện và chống kỳ thị; kỹ năng thấu hiểu; các

nguyên tắc đạo đức trong tham vấn; các giai đoạn của tiến trình tham vấn.

2. Về kỹ năng

- Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng được học để xử lý các tình huống xảy ra trong cuộc sống, học tập.

- Tư duy nhanh nhẹn, sắc bén, chủ động, suy nghĩ tích cực trước các vấn đề trong thực tiễn.

- Lập được chép hồ sơ cá nhân. Thành thực trong giao tiếp, truyền thông, quan sát-lắng nghe...

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nâng cao ý thức trách nhiệm đối với nghề nghiệp, với môn học.

- Chủ động, tích cực, linh hoạt, sáng tạo trong vận dụng các kỹ năng vào cuộc sống, học tập, công việc một cách hiệu quả và khoa học.

- Tích cực, nghiêm túc, chủ động trong học tập.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên: 1 bài, được thực hiện bằng hình thức kiểm tra vấn đáp, kiểm tra viết có thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, chấm điểm bài tập thực hành.

2. Kiểm tra định kỳ: 2 bài; thời gian: 45 phút; hình thức: tự luận.

3. Thi kết thúc môn học: tự luận 90 phút.

4. Đánh giá năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá qua việc chấp hành học tập môn học và tính tự giác, cẩn thận, nghiêm túc, tích cực tham gia các buổi học, thảo luận nhóm...

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học tham vấn được sử dụng đào tạo trình độ Cao đẳng ngành, nghề Công tác xã hội.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

1. Đối với nhà giáo

- Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học giúp người học chủ động,

tích cực tiếp thu kiến thức, thực hành kỹ năng để đạt được mục tiêu của môn học.

- Sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học: Thảo luận nhóm, bài tập tình huống, sắm vai, hỏi đáp, trực quan...

2. Đối với người học

- Nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học.

- Hoàn thành các yêu cầu của nhà giáo đưa ra.

- Người học tham dự ít nhất 80% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học thực hành, thảo luận, bài tập.

- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

III. Những trọng tâm cần chú ý:

1. Tham vấn và các khái niệm liên quan.

2. Các hình thức tham vấn

3. Nguyên tắc đạo đức trong tham vấn

4. Tiến trình tham vấn

5. Kỹ năng tham vấn

IV. Tài liệu tham khảo:

1. Hoàng Phê. Từ điển Tiếng Việt: NXB Đà Nẵng; 2000.

2. Tài liệu hướng dẫn (Dành cho cán bộ xã hội cấp cơ sở). Tham vấn căn bản: Bộ Lao động Thương binh và xã hội; 2016.

3. Nguyễn Thị Anh Hiếu, Võ Mạnh Tuấn. Giáo trình Tham vấn: Trường CĐCD Kon Tum: (Lưu hành nội bộ); 2021.

4. Daigniault Michel, Nguyễn Phương Hoà & Lưu Song Hà dịch. Giáo trình mối quan hệ trợ giúp: Viện tâm lý học; 2001.

5. Trung tâm Nghiên cứu - Tư vấn CTXH&PTCD. Dự án Nâng cao năng lực cho Nhân viên xã hội cơ sở ở TP. HCM2012.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có).

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Công tác xã hội với cộng đồng dân tộc thiểu số (Social work Ethnic community)

Mã môn học: 64032046

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (lý thuyết: 15 giờ; thực hành, thảo luận: 28 giờ; kiểm tra: 2 giờ).

A. Vị trí, tính chất của môn học:

I. Vị trí

Môn học Công tác xã hội với cộng đồng dân tộc thiểu số là môn học tự chọn trong chương trình đào tạo liên thông ngành công tác xã hội, được bố trí học sau khi học xong các môn chuyên ngành, học kỳ 2 năm thứ 3.

II. Tính chất

Đây là môn học tự chọn, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành trong chương trình đào tạo liên thông giữa trình độ trung cấp với trình độ cao đẳng ngành, nghề Công tác xã hội.

B. Mục tiêu môn học:

I. Về kiến thức:

1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về công tác xã hội với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số như: khái niệm, đối tượng, chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước trong việc đảm bảo quyền của các dân tộc thiểu số Việt Nam;
2. Phân tích được quy trình bảo tồn và phát huy văn hóa cho cộng đồng dân tộc thiểu số;
3. Mô tả được một số vấn đề về chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường đối với cộng đồng dân tộc thiểu số;
4. Phân tích được chất lượng giáo dục đối với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số.

II. Về kỹ năng:

1. Có kỹ năng thuyết trình, thảo luận, hợp tác theo nhóm; kỹ năng phân tích, tổng hợp để giải quyết các vấn đề liên quan đến nội dung môn học.
2. Người học áp dụng và phát triển kỹ năng hỗ trợ nhận diện đánh giá vấn đề, đề xuất được các biện pháp phối hợp với các tổ chức xã hội để thực hiện phòng ngừa và can thiệp trợ giúp với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số.
3. Hình thành kỹ năng tạo lập mối quan hệ với đối tượng, thu thập thông tin xác định sơ bộ vấn đề, xác minh, đánh giá chẩn đoán, lên kế hoạch làm việc với đối tượng nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số.

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Có ý thức trách nhiệm nghề nghiệp, có thái độ ứng xử phù hợp với nhóm cộng đồng các dân tộc thiểu số;
2. Có năng lực tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với môi trường làm việc.
3. Có ý thức phổ biến các chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước vào cộng đồng dân tộc thiểu số.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Khái quát về cộng đồng dân tộc thiểu số (1) 1. Vài nét về cộng đồng dân tộc thiểu số 2. Nhận diện nhóm dân tộc thiểu số ở Việt Nam 3. Một số chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước trong việc đảm bảo quyền của cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam 4. Các vấn đề cơ bản mà nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số gặp phải	8	3	5	
2	Chương 2: Công tác xã hội với vấn đề nghèo đói đối với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số (2) 1. Nhận diện vấn đề nghèo đói ở vùng các dân tộc thiểu số 2. Quy trình và kỹ năng giải quyết vấn đề nghèo đói theo tiến trình của công tác xã hội	8	2	4	1
3	Chương 3: Công tác xã hội về vấn đề văn hóa, lối sống đối với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số (3) 1. Vấn đề văn hóa, lối sống của nhóm dân tộc thiểu số	11	4	8	

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	2. Lối sống cơ bản trong cộng đồng dân tộc thiểu số 3. Hậu quả của các hủ tục văn hóa đến cộng đồng dân tộc thiểu số 4. Nguyên nhân dẫn đến lối sống lạc hậu của cộng đồng dân tộc thiểu số 5. Quy trình bảo tồn, phát huy văn hóa cho cộng đồng dân tộc thiểu số theo tiến trình của CTXH, đảm bảo hiệu quả bền vững				
4	Chương 4: Công tác xã hội với vấn đề chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường đối với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số (1, 3) 1. Một số vấn đề cơ bản về chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường 2. Vấn đề chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường cho nhóm dân tộc thiểu số 3. Quy trình và các kỹ năng giải quyết vấn đề sức khỏe và vệ sinh môi trường cho cộng đồng dân tộc thiểu số	10	3	7	
5	Chương 5: CTXH về vấn đề nâng cao chất lượng giáo dục với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số (4, 5) 1. Vấn đề chất lượng giáo dục đối với nhóm dân tộc thiểu số 2. Quy trình giải quyết vấn đề nâng cao chất lượng giáo dục cho dân tộc thiểu số	8	3	4	1
	Cộng	45	15	28	2

NỘI DUNG CHI TIẾT
CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC THIỂU SỐ
(Thời gian: 8 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm về dân tộc và cộng đồng dân tộc thiểu số; mô tả nhận diện được nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam; Phân tích các chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước trong việc đảm bảo quyền của cộng đồng dân tộc thiểu số và các vấn đề cơ bản mà nhóm các dân tộc thiểu số gặp phải;

2. Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu tài liệu, tự học, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng nhận diện nhóm dân tộc thiểu số;

3. Tích cực, chủ động nâng cao năng lực, thúc đẩy khả năng tự giải quyết vấn đề, thực thi các chính sách hỗ trợ của Nhà nước với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Vài nét về dân tộc và cộng đồng dân tộc thiểu số (6, 7)

2. Nhận diện nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam (1, 8)

3. Một số chính sách của Nhà nước về nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số (9)

4. Một số vấn đề cơ bản mà nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số gặp phải (5, 7, 9)

4.1. Vấn đề nghèo đói

4.2. Vấn đề văn hóa, lối sống

4.3. Vấn đề sức khỏe và vệ sinh môi trường

4.4. Vấn đề giáo dục

CHƯƠNG 2: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI VẤN ĐỀ NGHÈO ĐÓI ĐỐI VỚI NHÓM CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC THIỂU SỐ (Thời gian: 7 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Phân tích vấn đề nghèo đói đối với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số, qua đó giúp các cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng yếu thế, giải quyết vấn đề nghèo đói góp phần đảm bảo an sinh xã hội;

2. Hình thành các kỹ năng nhận diện vấn đề, kỹ năng lên kế hoạch giải quyết vấn đề, kỹ năng thảo luận nhóm, kỹ năng đánh giá khả năng tiếp cận các dịch vụ;

3. Người học có kỹ năng thiết lập, đánh giá khái quát về độ rủi ro đói nghèo. Có ý chí phấn đấu trau dồi các kiến thức kỹ năng để trở thành một nhân viên CTXH làm việc với nhóm CĐ dân tộc thiểu số.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Nhận diện vấn đề nghèo đói ở vùng các cộng đồng dân tộc thiểu số (6, 7)

2. Quy trình và kỹ năng giải quyết vấn đề nghèo đói theo tiến trình của CTXH (1, 9)

2.1. Phương pháp phát triển cộng đồng trong việc xóa đói giảm nghèo

2.2. Một vài đặc điểm của cộng đồng nghèo

2.3. Quy trình và kỹ năng giải quyết vấn đề nghèo đói theo tiến trình của phát triển cộng đồng.

CHƯƠNG 3: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI VẤN ĐỀ VĂN HÓA, LỐI SỐNG ĐỐI VỚI NHÓM CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC THIỂU SỐ (Thời gian: 12 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Phân tích được các vấn đề văn hóa, lối sống của nhóm dân tộc thiểu số qua đó áp dụng quy trình bảo tồn và phát huy văn hóa cho cộng đồng dân tộc thiểu số.

2. Áp dụng các kỹ năng phân tích vấn đề, kỹ năng xác định vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng truyền thông.

3. Phát huy vai trò tích cực của một nhân viên công tác xã hội trong tương lai, có ý thức về việc cải tạo các phong tục, hủ tục lạc hậu của cộng đồng dân tộc thiểu số.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Vấn đề văn hóa, lối sống của nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số (4, 8)

2. Lối sống cơ bản trong cộng đồng cộng đồng dân tộc thiểu số (7, 9)

3. Ảnh hưởng của các hủ tục văn hóa đến cộng đồng dân tộc thiểu số (2, 3)

4. Nguyên nhân dẫn đến lối sống lạc hậu của cộng đồng cộng đồng dân tộc thiểu số (10, 11)

5. Quy trình bảo tồn và phát huy văn hóa cho cộng đồng cộng đồng dân tộc thiểu số theo tiến trình của công tác xã hội, đảm bảo hiệu quả bền vững (9, 11)

5.1. Hạn chế và tiến tới xóa bỏ các hủ tục văn hóa lạc hậu

5.2. Xây dựng quy trình Bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống

5.3. Quy trình bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống các di sản văn hóa ở đồng bào cộng đồng dân tộc thiểu số

5.4. Quy trình cải tạo các tập quán, hủ tục lạc hậu

**CHƯƠNG 4: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI VẤN ĐỀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NHÓM CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC THIỂU SỐ
(Thời gian: 10 giờ)**

I. MỤC TIÊU

1. Phân tích được một số vấn đề về chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường, quy trình giải quyết vấn đề sức khỏe và vệ sinh môi trường cho cộng đồng dân tộc thiểu số;

2. Áp dụng các kỹ năng đánh giá nhận diện vấn đề, kỹ năng phân tích, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lên kế hoạch, kỹ năng tham vấn, kỹ năng giải quyết vấn đề;

3. Có ý thức trách nhiệm để trở thành một nhân viên công tác xã hội trong tương lai, có thể thấu hiểu, cảm thông, chia sẻ và giúp đỡ các cộng đồng dân tộc thiểu số.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Một số vấn đề cơ bản về chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường (7)

2. Vấn đề chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường cho nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số (9)

3. Quy trình và các kỹ năng giải quyết vấn đề sức khỏe và vệ sinh môi trường cho cộng đồng cộng đồng dân tộc thiểu (3)

3.1. Các giải pháp nâng cao hiệu quả khám chữa bệnh cho người dân tộc thiểu số của Đảng, Nhà nước.

3.2. Quy trình giải quyết vấn đề sức khỏe và vệ sinh môi trường theo cách nhìn của công tác xã hội

3.3. Các kỹ năng cơ bản trong việc giải quyết vấn đề sức khỏe và vệ sinh môi trường cho cộng đồng dân tộc thiểu số.

CHƯƠNG 5: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI VẤN ĐỀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VỚI NHÓM CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC THIỂU SỐ (Thời gian: 8 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được vấn đề chất lượng giáo dục đối với nhóm dân tộc thiểu số qua đó vận dụng quy trình giải quyết vấn đề nâng cao chất lượng giáo dục cho cộng đồng các dân tộc thiểu số.

2. Áp dụng các kỹ năng đánh giá nhận diện vấn đề, kỹ năng phân tích, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lên kế hoạch, kỹ năng tham vấn, kỹ năng giải quyết vấn đề.

3. Nâng cao ý thức để trở thành một nhân viên công tác xã hội trong tương lai, qua đó có thể thấu hiểu, cảm thông, chia sẻ và giúp đỡ các cộng đồng dân tộc thiểu số trong việc giải quyết vấn đề nâng cao chất lượng giáo dục.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Vấn đề chất lượng giáo dục đối với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số(5, 10)

2. Quy trình giải quyết vấn đề nâng cao chất lượng giáo dục cho cộng đồng dân tộc thiểu số theo tiến trình của công tác xã hội, đảm bảo hiệu quả bền vững (2, 4)

2.1. Hạn chế và tiến tới xóa bỏ các quan niệm lạc hậu về giáo dục trong nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số.

2.2. Xây dựng quy trình giúp đỡ cộng đồng dân tộc thiểu số nâng cao chất lượng giáo dục

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: Phòng học lý thuyết.

II. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu projector, mạng internet.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình nội bộ, giáo án, bài giảng, phiếu học tập, giấy note, ghim kẹp, giấy A4, giấy A0.

IV. Các điều kiện khác: Người học nghiên cứu tài liệu, làm việc có trách nhiệm, hiệu quả, liên hệ các dân tộc thiểu số tại Kon Tum đánh giá và nhận diện vấn đề, lên kế hoạch trợ giúp giải quyết vấn đề mà nhóm cộng đồng các dân tộc thiểu số mắc phải.

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung:

1. Về kiến thức

- Phân tích được những kiến thức cơ bản về công tác xã hội với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số như: khái niệm, đối tượng, chính sách, vấn đề; quy trình và kỹ năng giải quyết vấn đề theo tiến trình công tác xã hội; quy trình bảo tồn và phát huy văn hóa cho cộng đồng cộng đồng dân tộc thiểu số theo tiến trình của công tác xã hội, đảm bảo tính hiệu quả bền vững; Nâng cao chất lượng giáo dục đối với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số.

2. Về kỹ năng

- Vận dụng và phát triển kỹ năng hỗ trợ nhận diện đánh giá vấn đề, đề xuất được các biện pháp phối hợp với các tổ chức xã hội để thực hiện phòng ngừa và can thiệp trợ giúp các đối tượng dân tộc thiểu số.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Nhận thức được vai trò của nhân viên CTXH với các dân tộc thiểu số, từ đó có thái độ ứng xử phù hợp khi thực hiện can thiệp trong CTXH.

II. Phương pháp:

Tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kết thúc môn:

- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 bài, hình thức: tự luận; thời gian: 30 phút.

- Kiểm tra định kỳ (hệ số 2): 1 bài, lấy điểm từ các bài kiểm tra lý thuyết thời gian làm bài kiểm tra từ 45 phút, hoặc làm bài thực hành thuộc nội dung chương trình đã giảng dạy.

- Thi kết thúc học phần, hình thức: tự luận; thời gian: 60 phút.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học công tác xã hội với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số được sử dụng đào tạo trình độ liên thông chuyên ngành, nghề Công tác xã hội.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Phương pháp nêu vấn đề, giải thích, phân tích, chứng minh (có sử dụng các thiết bị giáo dục hiện đại);

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

2. Đối với người học:

- Tham dự ít nhất 80% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học được quy định trong chương trình môn học;

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;

- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

III. Những trọng tâm cần chú ý:

- Các khái niệm, nhận diện các nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số, các chính sách của nhà nước đối với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số, một số vấn đề mắc phải của nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số.

- Các kỹ năng giải quyết vấn đề nghèo đói cho các cộng đồng dân tộc thiểu số.

- Quy trình bảo tồn và phát huy văn hóa cho cộng đồng cộng đồng dân tộc thiểu số theo tiến trình của công tác xã hội, đảm bảo hiệu quả bền vững.

- Phân tích vấn đề chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường cho nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số; Quy trình và các kỹ năng giải quyết vấn đề sức khỏe và vệ sinh môi trường cho cộng đồng cộng đồng dân tộc thiểu số.

- Quy trình giải quyết vấn đề nâng cao chất lượng giáo dục cho cộng đồng dân tộc thiểu số theo tiến trình của công tác xã hội, đảm bảo hiệu quả bền vững.

IV. Tài liệu tham khảo:

1. Bùi Minh Hạo. Một số vấn đề giảm nghèo cho vùng dân tộc thiểu số: NXB Khoa học Xã hội; 2003.
2. Nguyễn Hữu Nhân. Phát triển cộng đồng. Hà Nội: NXB ĐH Quốc gia 2005.
3. Nguyễn Ngọc Lâm. Sách bỏ túi dành cho Nhân viên xã hội. TP HCM: NXB Đại học Mở 2015.
4. Nguyễn Hoàng Quyên. Chính sách dân tộc ít người: NXB Giáo dục.; 2013.
5. Tài liệu bồi dưỡng cán bộ về công tác dân tộc. Vấn đề dân tộc và công tác dân tộc ở nước ta. . 2002.
6. Ban chấp hành Trung ương. Vấn đề dân tộc và công tác dân tộc sau 5 năm thực hiện nghị quyết hội nghị lần thứ 7 BCH Trung ương khóa 9. NXB Chính trị hành chính.; 2009.
7. Ban chỉ đạo Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam. Cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Việt Nam: NXB Giáo dục; 2010.
8. Nghị định số 05/2011/NĐ-CP. công tác dân tộc. 2011.
9. Công văn số 2685/VPCP - QHQT. Chiến lược toàn diện về tăng cường và xóa đói giảm nghèo. 2002.
10. Ủy ban dân tộc - Viện Dân tộc. Cơ hội và thách thức đối với vùng dân tộc thiểu số khi Việt Nam gia nhập WTO. Hà Nội: NXB Lý luận chính trị 2008.
11. Ủy ban dân tộc miền núi Tiếp tục đổi mới công tác dân tộc theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng. Tiếp tục đổi mới công tác dân tộc theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng 2016.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thực hành công tác xã hội I (Prachce Social Work I)

Mã mô đun: 64033049

Thời gian thực hiện mô đun: 75 giờ (lý thuyết: 12 giờ; thực hành, thảo luận: 60 giờ; kiểm tra: 3 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

I. Vị trí: Thực hành công tác xã hội I là mô đun chuyên ngành kết hợp giữa thực hành công tác xã hội cá nhân và công tác xã hội nhóm trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ liên thông từ trung cấp lên cao đẳng, được bố trí học sau các môn học cơ sở.

II. Tính chất: Là môn học bắt buộc quan trọng của ngành, nghề Công tác xã hội. Qua môn học, giúp sinh viên áp dụng các kiến thức, kỹ năng, tiến trình trong công tác xã hội cá nhân vào thực tiễn với đối tượng thân chủ cụ thể.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

I. Về kiến thức

1. Giải thích được kiến thức môn học công tác xã hội cá nhân và nhóm vào thực hành với đối tượng thân chủ cụ thể.

2. Trình bày và phân tích được mô hình an sinh xã hội, các vấn đề xã hội, hoàn cảnh của các đối tượng, các nguồn lực hỗ trợ cho đối tượng và kế hoạch can thiệp.

3. Phân tích được các yêu cầu, quy định của mẫu báo cáo, mẫu nhật ký thực hành.

II. Về kỹ năng

1. Thực hiện thành thạo tiến trình làm việc trong công tác xã hội cá nhân và nhóm.

2. Lập được kế hoạch tuần; ghi chép được nhật ký thực hành.

3. Viết được báo cáo thực hành.

4. Vận dụng các kỹ năng thực hành trong công tác xã hội cá nhân và nhóm như lắng nghe tích cực, quan sát, vấn đàm, vãng gia, ghi chép, quản lý trường hợp, thấu cảm, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, tổ chức cuộc họp, tổ chức hoạt náo,...

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Hình thành thái độ tích cực và động lực hướng đến học tập nhằm phát triển nghề nghiệp, ý thức được tính chuyên nghiệp của nghề công tác xã hội.

2. Có thái độ tôn trọng, chấp nhận đối tượng. Tuân thủ nội quy, quy chế làm việc tại cơ sở thực hành.

3. Hình thành thái độ tích cực và động lực hướng đến học tập nhằm phát triển nghề nghiệp bản thân, tham gia xây dựng đất nước, phát triển tinh thần phục vụ vì cộng đồng, vì sự tiến bộ của xã hội.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Số TT	Tên chương/ mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Hướng dẫn sinh viên trước khi đi thực hành tại cơ sở 1. Hệ thống lại kiến thức về công tác xã hội cá nhân và nhóm. 1.1. Một số vấn đề chung về công tác xã hội cá nhân và nhóm 1.2. Một số kỹ năng trong công tác xã hội cá nhân và nhóm 2. Phổ biến kế hoạch thực hành 2.1. Mục đích, yêu cầu 2.2. Hình thức tổ chức 2.3. Thời gian, địa điểm 2.4. Nội dung, phương pháp 2.5. Công tác chuẩn bị 3. Các vấn đề trong khi đi thực hành 4. Hướng dẫn chuyên môn	12	9	2	1

	4.1. Kế hoạch, các hoạt động thực hành 4.2. Phương pháp đánh giá thực hành 4.3. Báo cáo và nhật ký thực hành.				
2	Bài 2: Thực hành công tác xã hội cá nhân và nhóm tại cơ sở 1. Khái quát về cơ sở thực hành 1.1. Lịch sử thành lập cơ sở 1.2. Cơ cấu tổ chức của cơ sở thực hành 1.3. Mục tiêu, chức năng của cơ sở 1.4. Đối tượng hỗ trợ tại cơ sở 1.5. Các hoạt động hiện nay tại cơ sở 1.6. Ảnh hưởng của cơ sở đến cộng đồng 2. Thực hành công tác xã hội với cá nhân và nhóm 2.1. Bối cảnh chọn lựa thân chủ, nhóm thân chủ 2.2. Đánh giá tâm lý xã hội cá nhân, nhóm 2.3. Các công cụ đánh giá 2.4. Vấn đề của thân chủ và nhóm 2.5. Kế hoạch thực hành công tác xã hội cá nhân và nhóm 2.6. Thực hiện kế hoạch công tác xã hội cá nhân và nhóm 2.7. Lượng giá, tổng kết thực hành	53		51	2
3	Bài 3: Các hoạt động sau khi đi thực hành 1. Viết báo cáo thực hành 2. Đánh giá kết quả thực hành 3. Tổng kết thực hành.	10	3	7	0
	Cộng	75	12	60	3

NỘI DUNG CHI TIẾT
BÀI 1: HƯỚNG DẪN SINH VIÊN TRƯỚC KHI ĐI THỰC HÀNH
TẠI CƠ SỞ
(Thời gian: 12 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Giải thích được các kiến thức cơ bản trong công tác xã hội cá nhân và nhóm; phân tích được các yêu cầu, quy định, mẫu báo cáo, mẫu nhật ký, cách xây dựng kế hoạch thực hành, cách tiến hành lấy thông tin đối với thân chủ.

2. Xây dựng được kế hoạch; phát triển kỹ năng phân tích và đánh giá vấn đề, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng khái quát hóa vấn đề, kỹ năng thu thập thông tin,...

3. Yêu thích ngành nghề, yêu thích công việc và luôn có ý thức trong việc hỗ trợ giúp đỡ các cá nhân, nhóm có vấn đề cần sự hỗ trợ của nhân viên công tác xã hội.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Hệ thống lại kiến thức về công tác xã hội cá nhân và nhóm (3, 4)

1.1. Một số vấn đề chung về công tác xã hội cá nhân và nhóm

1.2. Một số kỹ năng về công tác xã hội cá nhân và nhóm

2. Phổ biến kế hoạch thực hành

2.1. Mục đích, yêu cầu

2.2. Hình thức tổ chức

2.3. Thời gian, địa điểm

2.4. Nội dung, phương pháp

2.5. Công tác chuẩn bị

3. Các vấn đề trong khi đi thực hành

4. Hướng dẫn chuyên môn

4.1. Kế hoạch, các hoạt động thực hành

4.2. Phương pháp đánh giá thực hành

4.3. Báo cáo và nhật ký thực hành

BÀI 2: THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI CÁ NHÂN VÀ NHÓM TẠI CƠ SỞ

(Thời gian: 53 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả, trình bày các thông tin khái quát về cơ sở thực hành, áp dụng các lý thuyết trong công tác xã hội với cá nhân vào thực tiễn khi đi thực hành với một thân chủ cụ thể. Phân tích xây dựng được kế hoạch làm việc cụ thể tại cơ sở.

2. Vận dụng các kỹ năng trong công tác xã hội cá nhân vào thực tiễn, xây dựng có hiệu quả kỹ năng lập kế hoạch, vận dụng kỹ năng vấn đàm, thu thập thông tin, vãng gia, lắng nghe, vấn đàm, thiết lập mối quan hệ, lãnh đạo nhóm,... vào tiến trình làm việc với cá nhân và nhóm.

3. Ý thức trong việc thực hành, hiểu rõ hơn về các vấn đề của các nhóm xã hội trong các cơ sở xã hội, trân quý giá trị ngành nghề, có động lực phấn đấu để trở thành một nhân viên xã hội chuyên nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Khái quát về cơ sở thực hành

1.1. Lịch sử thành lập cơ sở

1.2. Cơ cấu tổ chức của cơ sở thực hành

1.3. Mục tiêu, chức năng của cơ sở

1.4. Đối tượng hỗ trợ tại cơ sở

1.5. Các hoạt động hiện nay tại cơ sở

1.6. Ảnh hưởng của cơ sở đến cộng đồng

1.7. Những nhận xét của sinh viên

2. Thực hành CTXH với cá nhân và nhóm

2.1. Bối cảnh chọn lựa thân chủ và nhóm thân chủ

2.2. Đánh giá tâm lý thân chủ và nhóm (1)

2.3. Các công cụ đánh giá (3, 4)

2.4. Vấn đề của cá nhân thân chủ và nhóm (2)

2.5. Kế hoạch thực hành CTXH cá nhân và nhóm

2.6. Thực hiện kế hoạch CTXH cá nhân và nhóm

2.7. *Lượng giá, tổng kết thực hành*

BÀI 3: CÁC HOẠT ĐỘNG SAU KHI THỰC HÀNH

(Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được cách triển khai kế hoạch và cách viết nhật ký, báo cáo thực hành tại cơ sở; phân tích được kết quả thực hành; cách viết và báo cáo kết quả thực hành.

2. Vận dụng được những kỹ năng phương pháp công tác xã hội cá nhân và nhóm vào quá trình thực hành..

3. Nâng cao ý thức trách nhiệm với công việc thực hành công tác xã hội cá nhân và nhóm, tăng cường sự sẻ chia với đối tượng có hoàn cảnh khác nhau.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Viết báo cáo thực hành (3)

2. Đánh giá kết quả thực hành

3. Các đoàn tổng kết thực hành.

3.1. Trình bày các kết quả thu nhận được từ đợt thực hành (kiến thức, kỹ năng, thái độ).

3.2. Trao đổi các kinh nghiệm thực hành.

3.3. Đánh giá và bình bầu cá nhân, nhóm xuất sắc.

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn hóa, cơ sở thực hành nghề: Liên hệ với các cơ sở thực hành trong hoặc ngoài tỉnh có các đối tượng xã hội cụ thể, đáp ứng các nhu cầu học tập cho sinh viên và tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong quá trình thực hành.

II. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu (Projector), Máy tính,...

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Học liệu: tập bài giảng "Thực hành công tác xã hội I", (tài liệu lưu hành nội bộ).

- Dụng cụ, nguyên vật liệu: giấy A0, A4, bút viết, bút lông, giấy màu, kéo, hồ dán, đất nặn, video, hình ảnh, tài liệu phát tay, bì đựng hồ sơ, máy ghi âm, màu tô,...

IV. Các điều kiện khác: phương tiện đi lại, sinh viên cần mạnh dạn, tự tin, sinh viên nghiên cứu tài liệu, thực hành có trách nhiệm, hiệu quả và xây dựng kế hoạch trợ giúp công tác xã hội với các cá nhân, nhóm hiệu quả.

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung:

1. Kiến thức

- Giải thích được kiến thức môn học công tác xã hội cá nhân và nhóm vào thực hành với đối tượng thân chủ cụ thể.

- Trình bày và phân tích được mô hình an sinh xã hội, các vấn đề xã hội, hoàn cảnh của các đối tượng, các nguồn lực hỗ trợ cho đối tượng và kế hoạch can thiệp.

- Phân tích được các yêu cầu, quy định của mẫu báo cáo, mẫu nhật ký thực hành.

2. Kỹ năng

- Thực hiện thành thạo tiến trình làm việc trong công tác xã hội cá nhân và nhóm.

- Lập được kế hoạch tuần; ghi chép được nhật ký thực hành.

- Viết được báo cáo thực hành.

- Vận dụng các kỹ năng thực hành trong công tác xã hội cá nhân và nhóm như lắng nghe tích cực, quan sát, vấn đàm, vãng gia, ghi chép, quản lý trường hợp, thấu cảm, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, tổ chức cuộc họp, tổ chức hoạt náo,...

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Hình thành thái độ tích cực và động lực hướng đến học tập nhằm phát triển nghề nghiệp, ý thức được tính chuyên nghiệp của nghề công tác xã hội.

- Có thái độ tôn trọng, chấp nhận đối tượng. Tuân thủ nội quy, quy chế làm việc tại cơ sở thực hành.

- Hình thành thái độ tích cực và động lực hướng đến học tập nhằm phát triển nghề nghiệp bản thân, tham gia xây dựng đất nước, phát triển tinh thần phục vụ vì cộng đồng, vì sự tiến bộ của xã hội.

II. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài, hình thức tự luận, thời gian 30 phút

- Kiểm tra định kỳ: 2 bài, hình thức làm việc nhóm, lấy điểm báo cáo thực hành theo nhóm.

- Thi kết thúc môn học: Không thi, lấy điểm thực hành thông qua phiếu đánh giá của cán bộ hướng dẫn tại cơ sở và nhà giáo hướng dẫn, thực hành tại cơ sở; kế hoạch; nhật ký; báo cáo thực hành công tác xã hội cá nhân và nhóm.

- Đánh giá năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá qua việc chấp hành học tập mô đun và tính tự giác, cẩn thận, nghiêm túc, tích cực tham gia thực hành tại cơ sở.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình mô đun thực hành Công tác xã hội I được sử dụng đào tạo trình độ trung cấp liên thông lên cao đẳng chuyên ngành, nghề Công tác xã hội.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực;

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trọng giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

- Nhà giáo hướng dẫn tận tình, chuyên nghiệp, giúp đỡ người học thực hành có hiệu quả.

2. Đối với người học

- Người học cần lập kế hoạch tuần cụ thể và nộp cho nhà giáo hướng dẫn, cơ sở thực hành vào ngày thứ 2 hàng tuần tại văn phòng khoa

- Người học phải chuẩn bị đầy đủ: học liệu, nhật ký thực hành, một số tài liệu tham khảo.

- Đọc tài liệu sổ tay thực hành và thực hiện đúng theo quy định tại sổ tay thực hành.

- Người học phải tham gia đầy đủ 100% thực hành tại cơ sở.

- Đối với các nhóm: mỗi nhóm tự cử một nhóm trưởng có nhiệm vụ phân công công việc cho các thành viên, điều hành thảo luận thống nhất ý kiến, theo dõi thái độ của các thành viên trong nhóm. Nhóm trưởng báo cáo lại cho nhà giáo hoạt động của nhóm trong quá trình hoạt động nhóm vào các buổi họp đoàn thực hành.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Người học trình bày và phân tích các kiến thức công tác xã hội cá nhân và nhóm.

- Viết được báo cáo, nhật ký thực hành; lập kế hoạch cụ thể; chấp hành các quy định thực hành.

- Áp dụng tiến trình hỗ trợ giúp đỡ đối tượng và giải quyết được vấn đề mà thân chủ đang gặp phải.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Lê Văn Phú. Công tác xã hội. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội; 2004.

2. Nguyễn Ngọc Lâm. Một số trường hợp điển cứu về trẻ em trong CTXH cá nhân. ĐH Mở Bán công TP. HCM, 2009.

3. Nguyễn Thị Thái Lan. Công tác xã hội với cá nhân. NXB Đại học Mở Tp. HCM; 2006.

4. Nguyễn Thị Vân; Bùi Thị Chóm. Tập bài giảng công tác xã hội cá nhân và nhóm. Hà Nội: NXB Lao động – Xã hội Hà Nội; 2007.

V. Ghi chú và giải thích: không

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thực hành công tác xã hội II (Prachce Social Work II)

Mã mô đun: 64033050

Thời gian thực hiện mô đun: 75 giờ (lý thuyết: 12 giờ; thực hành, thảo luận: 60 giờ; kiểm tra: 3 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

I. Vị trí: Đây là mô đun thuộc khối kiến thức chuyên ngành quan trọng của chương trình đào tạo ngành, nghề công tác xã hội liên thông từ trung cấp lên cao đẳng. Mô đun này là nền tảng vững chắc để sinh viên rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.

II. Tính chất: Là mô đun bắt buộc quan trọng của ngành, nghề Công tác xã hội. Qua mô đun, giúp người học áp dụng các kiến thức, kỹ năng, tiến trình trong phát triển cộng đồng vào thực tiễn với một cộng đồng cụ thể.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

I. Về kiến thức:

1. Giải thích được kiến thức phát triển cộng đồng.
2. Khái quát hóa được chân dung một cộng đồng cụ thể về kinh tế, xã hội, chính trị, văn hoá, giáo dục, môi trường và sức khỏe.
3. Phân tích được các yêu cầu, quy định của mẫu báo cáo, mẫu nhật ký cá nhân; cách lập dự án phát triển cộng đồng, cách xây dựng kế hoạch thực hành.

II. Về kỹ năng:

1. Phát triển kỹ năng phân tích và đánh giá vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thu thập thông tin,...
2. Thực hiện phương pháp phát triển cộng đồng tại cộng đồng.
3. Lập được kế hoạch tuần; ghi chép được nhật ký thực hành.
4. Viết được báo cáo thực hành.

5. Xây dựng được một dự án phát triển cộng đồng cụ thể.

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Hình thành thái độ tích cực và động lực hướng đến học tập nhằm phát triển nghề nghiệp.

2. Nâng cao ý thức trách nhiệm với công việc thực hành phát triển cộng đồng.

3. Có thái độ tôn trọng, chấp nhận đối tượng. Tuân thủ nội quy, quy chế làm việc tại cộng đồng thực hành.

4. Phát triển tinh thần phục vụ cộng đồng, có tính chuyên nghiệp của một tác viên xã hội.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Số TT	Tên chương/ mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Hướng dẫn trước khi đi thực hành tại cộng đồng 1. Hệ thống kiến thức, kỹ năng. 1.1. Một số vấn đề chung về phát triển cộng đồng 1.2. Tiến trình phát triển cộng đồng 1.3. Một số kỹ năng 1.4. Một số kỹ thuật tác nghiệp 2. Phổ biến kế hoạch thực hành 2.1. Mục đích, yêu cầu 2.2. Hình thức tổ chức 2.3. Thời gian, địa điểm 2.4. Nội dung, phương pháp 2.5. Công tác chuẩn bị 3. Các vấn đề trong khi đi thực hành 4. Hướng dẫn chuyên môn 4.1. Hướng dẫn lập kế hoạch thực hành 4.2. Hướng dẫn triển khai kế hoạch 4.3. Hướng dẫn viết báo cáo thực hành và nhật ký thực hành.	10	7	2	1

Số TT	Tên chương/ mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận	Kiểm tra
	4.4. Hướng dẫn sinh viên xây dựng một dự án cụ thể.				
2	Bài 2: Thực hành phát triển cộng đồng tại cơ sở 1. Tìm hiểu hồ sơ cộng đồng 1.1. Chân dung cộng đồng 1.2. Các quan hệ xã hội trong cộng đồng 1.3. Tiềm lực của cộng đồng 1.4. Sự thay đổi của cộng đồng trong thời gian qua 1.5. Các hoạt động phát triển hiện nay đang được triển khai 1.6. Các dự án đang được triển khai tại cộng đồng 1.7. Các vấn đề và nhu cầu hiện nay của cộng đồng 2. Xây dựng một dự án phát triển cộng đồng 2.1. Tóm tắt dự án 2.2. Cơ sở lập luận 2.3. Mô tả dự án 2.4. Cơ chế quản lý và kế hoạch thực hiện dự án 2.5. Hiệu quả và tính bền vững của dự án	55		53	2
3	Bài 3: Các hoạt động sau khi đi thực hành 1. Viết báo cáo thực hành 2. Đánh giá kết quả thực hành 3. Tổng kết thực hành	10	5	5	
	Cộng	75	12	60	3

NỘI DUNG CHI TIẾT

BÀI 1: HƯỚNG DẪN TRƯỚC KHI ĐI THỰC HÀNH TẠI CỘNG ĐỒNG (Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Giải thích được kiến thức phát triển cộng đồng; phân tích được các yêu cầu, quy định, mẫu báo cáo, mẫu nhật ký cá nhân, cách lập dự án phát triển cộng đồng, cách xây dựng kế hoạch thực hành.

2. Phát triển kỹ năng phân tích và đánh giá vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thu thập thông tin,...

3. Yêu thích ngành nghề, yêu thích công việc và luôn có ý thức trong việc hỗ trợ giúp đỡ các cộng đồng yếu thế.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Hệ thống kiến thức, kỹ năng (1)

1.1. Một số vấn đề chung về phát triển cộng đồng

1.2. Tiến trình phát triển cộng đồng

1.3. Một số kỹ năng

1.4. Một số kỹ thuật tác nghiệp

2. Phổ biến kế hoạch thực hành

2.1. Mục đích, yêu cầu

2.2. Hình thức tổ chức

2.3. Thời gian, địa điểm

2.4. Nội dung, phương pháp

2.5. Công tác chuẩn bị

3. Các vấn đề trong khi đi thực hành

4. Hướng dẫn chuyên môn(2)

4.1. Hướng dẫn lập kế hoạch thực hành

4.2. Hướng dẫn triển khai kế hoạch

4.3. Hướng dẫn viết báo cáo thực hành và nhật ký thực hành.

4.4. Hướng dẫn xây dựng một dự án cụ thể

BÀI 2: THỰC HÀNH PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG TẠI CỘNG ĐỒNG (Thời gian: 55 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Khái quát hóa được chân dung một cộng đồng cụ thể về kinh tế, xã hội, chính trị, văn hoá, giáo dục, môi trường và sức khỏe.

2. Xây dựng được kế hoạch; viết được báo cáo thực hành; lập được những nội dung cơ bản dự án phát triển cộng đồng; thực hiện thành thạo viết nhật ký; rèn luyện kỹ năng phân tích và đánh giá vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thu thập thông tin,...

3. Có ý thức về nghề nghiệp; có tính chuyên nghiệp của một tác viên xã hội.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Tìm hiểu hồ sơ cộng đồng

1.1. Chân dung cộng đồng

1.2. Các quan hệ xã hội trong cộng đồng

1.3. Tiềm lực của cộng đồng

1.4. Sự thay đổi của cộng đồng trong thời gian qua

1.5. Các hoạt động phát triển hiện nay đang được triển khai

1.6. Các dự án đang được triển khai tại cộng đồng

1.7. Các vấn đề và nhu cầu hiện nay của cộng đồng

2. Xây dựng một dự án phát triển cộng đồng(3)

2.1. Tóm tắt dự án

2.2. Cơ sở lập luận

2.3. Mô tả dự án

2.4. Cơ chế quản lý và kế hoạch thực hiện dự án

2.5. Hiệu quả và tính bền vững của dự án

BÀI 3: CÁC HOẠT ĐỘNG SAU KHI THỰC HÀNH

(Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được cách triển khai kế hoạch và cách viết nhật ký, báo cáo thực hành tại cơ sở; phân tích được kết quả thực hành; cách viết và báo cáo kết quả thực hành.

2. Vận dụng được những kỹ năng phương pháp phát triển cộng đồng vào quá trình thực hành.

3. Nâng cao ý thức trách nhiệm với công việc thực hành phát triển cộng đồng.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Viết báo cáo thực hành

2. Đánh giá kết quả thực hành

3. Tổng kết thực hành.

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn hóa, cơ sở thực hành nghề: Liên hệ với các cơ sở thực hành trong hoặc ngoài tỉnh có các đối tượng xã hội cụ thể, đáp ứng các nhu cầu học tập của người học và tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong quá trình thực hành.

II. Trang thiết bị máy móc: máy tính, máy chiếu, ti vi, bút,...

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: bút các loại, giấy A4, A0 và các nguyên vật liệu khác... cần thiết cho người học thực hành.

IV. Các điều kiện khác:

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung:

1. Về kiến thức

- Giải thích được kiến thức phát triển cộng đồng.
- Phân tích được các yêu cầu, quy định của mẫu báo cáo, mẫu nhật ký cá nhân; cách lập dự án phát triển cộng đồng, cách xây dựng kế hoạch thực hành.

2. Về kỹ năng

- Vận dụng các kỹ năng làm việc với nhóm: quan sát, vấn đàm, nhận diện vấn đề, ứng dụng được năng động nhóm ...
- Thực hiện phương pháp phát triển cộng đồng tại cộng đồng.
- Viết được báo cáo thực hành về tìm hiểu chân dung cộng đồng, văn hóa xã hội, kinh tế... của một cộng đồng.
- Thực hành thành thạo kỹ năng viết nhật ký; kỹ năng lập kế hoạch.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Phát triển tinh thần phục vụ cộng đồng; có tính chuyên nghiệp của một tác viên xã hội.

- Tinh thần, thái độ tích cực và có động lực hướng đến học tập nhằm phát triển nghề nghiệp.

- Có thái độ tôn trọng, chấp nhận đối tượng. Tuân thủ nội quy, quy chế làm việc tại cộng đồng thực hành.

II. Phương pháp đánh giá

- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài, hình thức tự luận.

- Kiểm tra định kỳ: 2 bài, lấy điểm thảo luận, thực hành.

- Thi kết thúc môn học: Không thi, lấy điểm thực hành tại cộng đồng thông qua điểm thực hành tại cộng đồng, kế hoạch, nhật ký, báo cáo dự án phát triển cộng đồng.

- Đánh giá năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá qua việc chấp hành học tập mô đun và tính tự giác, cẩn thận, nghiêm túc, tích cực tham gia thực hành tại cộng đồng.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình mô đun thực hành Công tác xã hội II được sử dụng đào tạo trình độ Trung cấp liên thông lên Cao đẳng chuyên ngành Công tác xã hội.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo:

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực;

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trọng giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn thực hành.

- Nhà giáo hướng dẫn tận tình, chuyên nghiệp, giúp đỡ người học thực hành có hiệu quả.

2. Đối với người học

- Người học cần lập kế hoạch tuần cụ thể và nộp cho nhà giáo hướng dẫn, cơ sở thực hành vào ngày thứ 2 hàng tuần tại văn phòng khoa.

- Người học phải chuẩn bị đầy đủ: học liệu, nhật ký thực hành, một số tài liệu tham khảo.

- Đọc tài liệu số tay thực hành và thực hiện đúng theo quy định tại số tay thực hành.

- Người học phải tham gia đầy đủ 100% thực hành tại cộng đồng.

- Đối với các nhóm: mỗi nhóm tự cử một nhóm trưởng có nhiệm vụ phân công công việc cho các thành viên, điều hành thảo luận thống nhất ý kiến, theo dõi thái độ của các thành viên trong nhóm. Nhóm trưởng báo cáo lại cho nhà giáo hoạt động của nhóm trong quá trình hoạt động nhóm vào các buổi họp đoàn thực hành.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Người học trình bày và phân tích các kiến thức phát triển cộng đồng.

- Viết được báo cáo, nhật ký thực hành; xây dựng được dự án phát triển cộng đồng; lập được kế hoạch các nhân.

IV. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Hữu Nhân. Phát triển cộng đồng. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội; 2014.

2. Khoa Công tác xã hội. Mẫu báo cáo thực hành, thực tập. Học viện phụ nữ Việt Nam; 2014.

3. Tô Duy Hợp, Lương Hồng Quang. Phát triển cộng đồng lý thuyết và vận dụng. NXB Văn hóa thông tin Hà Nội; 2007.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thực tập tại cơ sở (Internship at workplace)

Mã mô đun: 64034059

Thời gian thực hiện môđun: 180 giờ (lý thuyết: 0 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 176 giờ, kiểm tra báo cáo: 4 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

I. Vị trí: Thực tập tại cơ sở là mô đun chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ liên thông từ trung cấp lên cao đẳng, được bố trí học sau các môn học chuyên ngành.

II. Tính chất: Thực tập tại cơ sở là mô đun thực hành, bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ liên thông từ trung cấp lên cao đẳng, có tính tổng hợp nhằm củng cố kiến thức, kỹ năng nghề.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

I. Về kiến thức

1. Trình bày được khái quát những nội dung cơ bản về cơ sở thực tập, nhận biết các biểu mẫu quy định trong khi đi thực tập, biết quy trình đánh giá quá trình thực tập.

2. Phân tích được những đặc điểm cơ bản của các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định của cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan đến công tác xã hội.

3. Thực hiện nghiên cứu có hệ thống và trình bày một cách khoa học những kết quả thu hoạch được.

II. Về kỹ năng

1. Thực hiện thành thạo các kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ công tác xã hội đúng quy trình và quy định của cơ sở thực tập;

2. Áp dụng rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác định vấn đề, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng hoạt náo, kỹ năng tham vấn, kỹ năng tư vấn, kỹ năng truyền thông, kỹ năng xây dựng kế hoạch;

3. Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tự trau dồi bổ sung kiến thức nhằm giải quyết tốt công việc trong các lĩnh vực nghiệp vụ công tác xã hội cụ thể.

II. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Nghiêm túc thực hiện kế hoạch thực tập của nhà trường và nội quy, quy định tại cơ sở nơi thực tập. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực công tác xã hội.

2. Có tinh thần làm việc hợp tác, có thái độ làm việc tích cực, chủ động sáng tạo. Yêu thích công việc ngành nghề công tác xã hội, có sự quan tâm đến các đối tượng yếu thế trong công tác xã hội.

3. Có năng lực tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Số TT	Nội dung thực tập	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thực tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Hướng dẫn trước khi đi thực tập tại cơ sở 1. Hệ thống kiến thức, kỹ năng 1.1. Một số vấn đề chung về công tác xã hội 1.2. Một số kỹ năng về công tác xã hội 2. Phổ biến kế hoạch thực tập 2.1. Mục đích, yêu cầu 2.2. Hình thức tổ chức	5		4	1

Số TT	Nội dung thực tập	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thực tập	Kiểm tra
	2.3. Thời gian, địa điểm 2.4. Nội dung, phương pháp 2.5. Công tác chuẩn bị 3. Hướng dẫn chuyên môn 3.1. Hướng dẫn lập kế hoạch thực tập tại cơ sở 3.2. Hướng dẫn triển khai kế hoạch thực tập tại cơ sở 3.3. Hướng dẫn viết nhật ký, báo cáo thực tập tại cơ sở				
2	Bài 2: Tìm hiểu về cơ sở thực tập 1. Lịch sử hình thành và phát triển của cơ sở thực tập 2. Cơ cấu tổ chức của cơ sở thực tập 3. Mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của cơ sở thực tập 4. Các hoạt động của cơ sở thực tập 5. Những thuận lợi và khó khăn của cơ sở thực tập 6. Quy định của cơ sở thực tập đối với nhân viên công tác xã hội 7. Vai trò của nhân viên công tác xã hội tại cơ sở thực tập	15		14	1
3	Bài 3. Thực tập nghiệp vụ công tác xã hội 1. Suu tầm các văn bản pháp quy có liên quan đến ngành, nghề Công tác xã hội	145		143	2

Số TT	Nội dung thực tập	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thực tập	Kiểm tra
	2. Sử dụng thành thạo các dụng cụ, thiết bị, máy móc ngành, nghề Công tác xã hội 3. Thực tập các công việc cơ bản của nhân viên công tác xã hội 3.1. Xác định đối tượng hỗ trợ (cá nhân, nhóm, cộng đồng) 3.2. Tìm hiểu vấn đề và đánh giá vấn đề 3.3. Lập kế hoạch hỗ trợ 3.4. Thực hiện kế hoạch 3.5. Lượng giá, kết thúc				
4	Bài 4: Hoạt động sau thực tập 1. Viết nhật ký, báo cáo 2. Đánh giá kết quả thực tập 3. Tổng kết, rút kinh nghiệm	15		15	
Cộng		180		176	4

NỘI DUNG CHI TIẾT

BÀI 1: HƯỚNG DẪN TRƯỚC KHI ĐI THỰC TẬP TẠI CƠ SỞ (Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được cách lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch và cách viết báo cáo thực tập tại cơ sở.

2. Vận dụng những hiểu biết về công tác xã hội để thực hiện tốt các kỹ năng nghiệp vụ cơ bản, xây dựng tác phong làm việc khoa học để giải quyết các vấn đề liên quan đến nội dung thực tập.

3. Ý thức được tầm quan trọng của mô đun; nâng cao ý thức trách nhiệm với công việc thực tập tại cơ sở một cách nghiêm túc, có chất lượng.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Hệ thống kiến thức, kỹ năng (1)

1.1. Một số vấn đề chung về công tác xã hội

1.2. Một số kỹ năng về công tác xã hội

2. Phổ biến kế hoạch thực tập (2)

2.1. Mục đích, yêu cầu

2.2. Hình thức tổ chức

2.3. Thời gian, địa điểm

2.4. Nội dung, phương pháp

2.5. Công tác chuẩn bị

3. Hướng dẫn chuyên môn (3)

3.1. Hướng dẫn lập kế hoạch thực tập tại cơ sở

3.2. Hướng dẫn triển khai kế hoạch thực tập tại cơ sở

3.3. Hướng dẫn viết nhật ký và báo cáo thực tập tại cơ sở

BÀI 2: TÌM HIỂU VỀ CƠ SỞ THỰC TẬP (Thời gian: 15 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được cơ cấu, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ, quy định của cơ sở thực tập; phân tích được vai trò của nhân viên công tác xã hội tại cơ sở thực tập.

2. Vận dụng các kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng quan sát, thu thập thông tin, xây dựng kế hoạch, giải quyết vấn đề... trong công tác xã hội.

3. Nhận thức được vị trí, trách nhiệm của mình đối với công việc được giao trước tập thể và chấp hành tốt các nội quy, quy chế tại nơi làm việc.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Lịch sử hình thành và phát triển của cơ sở thực tập

2. Cơ cấu tổ chức của cơ sở thực tập

3. Mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của cơ sở thực tập

4. Các hoạt động của cơ sở thực tập

5. Những thuận lợi và khó khăn của cơ sở thực tập

6. Quy định của cơ sở thực tập đối với nhân viên công tác xã hội

7. Vai trò của nhân viên công tác xã hội tại cơ sở thực tập

BÀI 3: THỰC TẬP NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC XÃ HỘI

(Thời gian: 145 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Phân tích được nội dung các văn bản pháp quy có liên quan đến ngành, nghề Công tác xã hội.

2. Xác định đối tượng hỗ trợ; thiết lập hồ sơ xác định vấn đề, lên kế hoạch và giải quyết vấn đề cho đối tượng thân chủ.

3. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực công tác xã hội.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Suru tầm các văn bản pháp quy có liên quan đến ngành, nghề Công tác xã hội

2. Sử dụng thành thạo các kỹ năng, kỹ thuật trong ngành, nghề Công tác xã hội (1)

3. Thực tập các công việc cơ bản của nhân viên Công tác xã hội (4-6)

3.1. Xác định đối tượng hỗ trợ (cá nhân, nhóm, cộng đồng)

3.2. Tìm hiểu vấn đề và đánh giá vấn đề

3.3. Lập kế hoạch hỗ trợ

3.4. Thực hiện kế hoạch

3.5. Lượng giá, kết thúc

BÀI 4: HOẠT ĐỘNG SAU THỰC TẬP

(Thời gian: 15 giờ)

I. MỤC TIÊU

- Trình bày được cách triển khai kế hoạch và cách viết báo cáo thực tập tại cơ sở; phân tích được kết quả thực tập.

- Viết báo cáo kết quả thực tập đầy đủ, đúng thời gian, đúng quy định.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm với công việc thực tập tại cơ sở.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Viết nhật ký, báo cáo thực tập nghiệp vụ (2)**2. Đánh giá kết quả thực tập của cơ sở thực tập (1, 2)****3. Đánh giá kết quả thực tập của nhà giáo hướng dẫn (1)****D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN****I. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng:**

Liên hệ với các cơ sở thực tập trong hoặc ngoài tỉnh có các đối tượng xã hội cụ thể, đáp ứng các nhu cầu học tập, rèn luyện cho sinh viên và tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong quá trình đi thực tập.

II. Trang thiết bị máy móc: Không yêu cầu**III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:**

- Tài liệu tham khảo trên thư viện số của trường Cao đẳng cộng đồng Kon Tum.

- Các văn bản pháp quy liên quan đến ngành, nghề Công tác xã hội.

- Các dụng cụ, nguyên vật liệu, trang thiết bị: máy ghi âm, giấy A4, giấy A0, bì đựng hồ sơ, tài liệu phát tay, kéo, hồ dán, bút lông, bút màu, bong bóng, và một số vật liệu theo điều kiện hiện có của cơ sở thực tập.

IV. Các điều kiện khác: sinh viên nghiên cứu tài liệu, làm việc có trách nhiệm, hiệu quả; có phương tiện đi lại.

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ**I. Nội dung****1. Kiến thức**

- Trình bày được đặc điểm của cơ sở thực tập, cơ cấu tổ chức, mục tiêu hoạt động, chức năng và các nhiệm vụ chủ yếu của cơ sở, những thuận lợi và khó khăn của cơ sở thực tập, quy định của cơ sở đối với nhân viên công tác xã hội, vai trò của nhân viên công tác xã hội tại cơ sở thực tập.

- Phân tích được những đặc điểm cơ bản của các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định của cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan đến công tác xã hội.

- Thực hiện nghiên cứu có hệ thống và trình bày một cách khoa học những kết quả thu hoạch được.

2. Kỹ năng

- Vận dụng thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động nghiệp vụ công tác xã hội đúng quy trình và quy định của cơ sở thực tập;

- Áp dụng rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác định vấn đề, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng hoạt náo, kỹ năng tham vấn, kỹ năng tư vấn, kỹ năng truyền thông, kỹ năng xây dựng kế hoạch;

- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tự trau dồi bổ sung kiến thức nhằm giải quyết tốt công việc trong các lĩnh vực nghiệp vụ công tác xã hội cụ thể.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nghiêm túc thực hiện kế hoạch thực tập của nhà trường và nội quy, quy định tại cơ sở nơi thực tập. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực công tác xã hội.

- Có tinh thần làm việc hợp tác, có thái độ làm việc tích cực, chủ động sáng tạo. Yêu thích công việc ngành, nghề công tác xã hội, có sự quan tâm đến các đối tượng yếu thế trong công tác xã hội.

- Có năng lực tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

II. Phương pháp

Kết thúc thực tập tại cơ sở người học được đánh giá.

- Thông qua cán bộ hướng dẫn của cơ sở: nhận xét, đánh giá quá trình thực tập tại cơ sở.

- Thông qua nhật ký, báo cáo và quá trình kiểm tra, theo dõi người học: nhà giáo hướng dẫn có nhận xét đánh giá khách quan, cụ thể theo quy định.

- Cụ thể: nhật ký 20%, báo cáo 60%, nhận xét của giáo viên hướng dẫn 10%, nhận xét của cán bộ tại cơ sở: 10%.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun:

Chương trình mô đun thực tập Công tác xã hội được sử dụng đào tạo trình độ trung cấp liên thông lên cao đẳng chuyên ngành, nghề Công tác xã hội.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Cung cấp chương trình, kế hoạch thực tập tại cơ sở cho người học; phối hợp với các đơn vị hướng dẫn sinh viên thực tập theo đúng chương trình, kế hoạch đã quy định.

- Hỗ trợ sinh viên trong quá trình thực tập; chủ động nắm bắt tình hình người học tại cơ sở thực tập để kịp thời giải quyết những vấn đề khó khăn, vướng mắc (nếu có).

- Duy trì và phát triển mối quan hệ với cơ quan, cơ sở có người học thực tập.

- Nhắc nhở người học nhận thức đúng tầm quan trọng của đợt đi thực tập nghề nghiệp.

- Giới thiệu, cung cấp đến người học một số tài liệu, trang web để lắng nghe những tâm sự của các cựu sinh viên trong ngành về tầm quan trọng cũng như những kinh nghiệm và phương pháp thực tập đạt hiệu quả.

2. Đối với người học

- Người học tham dự đủ 100% quá trình thực tập, thực hiện theo đúng kế hoạch của nhà trường và cơ sở thực tập

- Thực hiện theo sự chỉ đạo và dẫn dắt của người hướng dẫn tại cơ sở thực tập

- Chủ động học tập tại cơ sở, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc.

- Xây dựng, thực hiện các kế hoạch tuần cụ thể, rõ ràng theo yêu cầu của cán bộ hướng dẫn; viết nhật ký, báo cáo thực tập đầy đủ, đúng quy định.

- Tham khảo tài liệu trên thư viện số, hoặc thư viện trường Cao đẳng Cộng đồng, các báo cáo thực tập tại cơ sở.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Suu tầm các văn bản pháp quy liên quan đến ngành, nghề Công tác xã hội,
- Xác định khái quát cơ sở thực tập: đặc điểm hình thành, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, hoạt động, quy định, vai trò của nhân viên công tác xã hội tại cơ sở thực tập. Xác định vai trò, công việc của nhân viên xã hội tại cơ sở;
- Hỗ trợ giúp đỡ thân chủ trong công tác xã hội, bước đầu xác định vấn đề, lên kế hoạch và giải quyết được vấn đề của thân chủ;
- Viết nhật ký, báo cáo thường xuyên theo yêu cầu quy định của nhà trường.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum. Quyết định về việc ban hành Quy định về hướng dẫn thực hành, thực tập cho học sinh sinh viên tại các cơ sở thực tập. Kon Tum, 2020.
2. VCCI-HCM, ILO. Cẩm nang hướng dẫn sinh viên học nghề, thực tập nghề. Thành phố Hồ Chí Minh 2019.
3. Lê Văn Phú. Công tác xã hội. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội; 2004.
4. Nguyễn Ngọc Lâm. Một số trường hợp điển cứu về trẻ em trong CTXH cá nhân. ĐH Mở Bán công TP. HCM, 2009.
5. Nguyễn Thị Hồng Chuyên, Võ Mạnh Tuấn, Bài giảng Thực hành CTXH I, trường CĐCD Kon Tum, lưu hành nội bộ 2021
6. Võ Mạnh Tuấn, Nguyễn Thị Hồng Chuyên, Bài giảng thực hành CTXH II, trường CĐCD Kon Tum, lưu hành nội bộ, 2021
7. Nguyễn Thị Hồng Chuyên, Nguyễn Thị Bích Ngọc, Bài giảng thực hành CTXH III, trường CĐCD Kon Tum, lưu hành nội bộ, 2021.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không.